

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 201 – Chúa nhật 21.07.2013

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

Tu Sĩ (Lumen Gentium)	Vatican 2
ƠN CỨU CHUỘC CHỨA CHAN NƠI NGƯỜI (LỄ CHÚA CỨU THỂ - CHÚA NHẬT TUẦN III TRONG THÁNG 7)	Lm. Anmai, C.Ss.R.
ÁNH SÁNG ĐỨC TIN VÀ BỐN BÀN TAY	Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD.
Bản dịch phần mở đầu và chương một Thông điệp Ánh Sáng Đức Tin - LUMEN FIDEI	GLV. Phaolô Phạm Xuân Khôi
ĐỐI THOẠI NĂM ĐỨC TIN - VẤN ĐỀ 8: VỀ SỰ HIỆN HỮU CỦA THIÊN CHÚA	Lm. Đan Vinh, HHTM
KINH LẠY CHA (LUẬN BÀN VỀ KINH LẠY CHA THÔNG QUA CÁC TÁC PHẨM CỦA TRIẾT GIA SIMONE WEIL)	Lm. Khát Tuệ
XIN ĐỪNG VÔ TÂM	Lm. JB NGUYỄN MINH HÙNG
MỘT SỐ TỪ ĐIỂN NGHĨA VIỆC ÔNG TRỜI "LÀM, CHO, BAN, TẶNG" ..	Gs. Phan Văn Phước
Tìm biết mình	Lm. Minh Anh chuyển ngữ
Những gì linh mục nên làm và không nên làm cho gia đình, nhất là ông bà cố, cũng như con cái bảo trợ và linh tông.	Lm. Micae Phaolô Trần Minh Huy, pss.
MẮT CHẢY NƯỚC MẮT SỐNG	Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức, MD.
TIẾP SỨC MÙA THI NĂM 2013 TẠI GIÁO XỨ XÂY DỰNG	Lm Fx Nguyễn hùng Oánh

Tu Sĩ (Lumen Gentium)

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Khóa V Ngày 21 tháng 11 Năm 1964

Phaolô Giám Mục

Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa

Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng

Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Hiển Chế Tín Lý Về Giáo Hội

Chương VI: Tu Sĩ ^{55*}

43. Những lời khuyên Phúc Âm trong Giáo Hội. Những lời khuyên Phúc Âm về đức khiết tịnh để hiến mình cho Thiên Chúa, về đức nghèo khó và vâng lời, đều đặt nền tảng trên lời nói cùng gương lành của Chúa, đã được các Tông Đồ và các Giáo Phụ, các tiến sĩ và các chủ chăn Giáo Hội khuyên giữ. Các lời khuyên ấy là ân huệ thần linh mà Giáo Hội đã nhận lãnh bởi Chúa mình và luôn gìn giữ nhờ ơn Người. Theo sự hướng dẫn của Thánh Thần, chính giáo quyền ân cần giải thích các lời khuyên của Phúc Âm, hướng dẫn cách thực hành, cùng thiết lập những lối sống cố định dựa trên những lời khuyên ấy. Do đó, như một cây đâm chồi nảy lộc um tùm và kỳ diệu từ hạt giống Chúa gieo vãi trong cánh đồng của Người, thì cũng có nhiều lối sống khác nhau: đơn độc hay cộng đồng, và dòng tu khác nhau mà phần sản nghiệp dồi dào đem lại lợi ích cho các chi thể của dòng cũng như toàn Thân Thể Chúa Kitô ¹. Thực vậy, các dòng ấy mang lại cho các chi thể những trợ lực bền bỉ trong một đời sống vững vàng hơn, một học thuyết vững chắc giúp đạt đến trọn lành, một mối hiệp thông huynh đệ trong đạo binh Chúa Kitô, và một sự tự do được đức vâng lời củng cố; thế nên, họ có thể an tâm chu toàn và trung thành gìn giữ lời khẩn cùng hoan hỷ tiến bước trên con đường đức ái ².

Xét theo thể chế của Giáo Hội do Chúa thiết lập và có phẩm trật, thì bậc sống tu trì không ở giữa bậc giáo sĩ và giáo dân; thực vậy Thiên Chúa kêu gọi một số Kitô hữu ở cả hai bậc giáo sĩ và giáo dân đến hưởng lấy ân huệ đặc biệt trong đời sống Giáo Hội, và mỗi người một cách góp phần vào sứ mệnh cứu độ của Giáo Hội ³. ^{56*}

44. Bản tính và tầm quan trọng của bậc tu trì. Người Kitô hữu tự buộc mình tuân giữ ba lời khuyên của Phúc Âm qua lời khẩn hay qua những ràng buộc thánh khác tương tự như lời khẩn dòng; nhờ đó họ hiến thân hoàn toàn cho Thiên Chúa chí ái, để phụng sự và làm vinh danh Ngài với một danh hiệu mới mẻ và đặc biệt. Nhờ phép Thánh Tẩy, họ đã chết cho tội lỗi và được cung hiến cho Thiên Chúa; nhưng để có thể thâm lượm dồi dào ơn ích của bí tích ấy, người Kitô hữu muốn nhờ việc khẩn giữ ba lời khuyên của Phúc Âm trong Giáo Hội, thoát ly khỏi những ngăn trở có thể làm họ không nhiệt tâm yêu mến và tôn thờ Thiên Chúa cách hoàn hảo; và họ tận hiến để phụng sự Thiên Chúa cách thân tình hơn ⁴. Việc cung hiến đó càng trở nên hoàn hảo hơn khi việc Chúa Kitô hiệp nhất với Giáo Hội, hiến thân của Người, bằng mối dây bất khả phân ly càng được phản ảnh trong những mối dây ràng buộc chắc chắn và vững bền hơn.

Những lời khuyên của Phúc Âm đưa đến đức ái ⁵, và nhờ đức ái, những lời khuyên ấy kết hiệp các tu sĩ cách đặc biệt với Giáo Hội và với màu nhiệm Giáo Hội. Bởi đó, đời sống thiêng liêng của họ cũng phải mưu cầu lợi ích cho toàn thể Giáo Hội. Do đó, mỗi người tùy sức và ơn gọi của mình, bằng kinh nguyện hay bằng hành động tích cực, có bổn phận làm cho Nước Chúa Kitô ăn rễ sâu và vững mạnh trong các tâm hồn và bành trướng trên khắp vũ trụ. Vì thế, Giáo Hội duy trì và nâng đỡ đặc tính riêng biệt của các tu hội.

Việc khẩn giữ các lời khuyên của Phúc Âm thực là một dấu chỉ có thể và phải lôi cuốn hữu hiệu tất cả mọi chi thể của Giáo Hội đến việc can đảm chu toàn ơn gọi làm Kitô hữu. Thực vậy, dân Thiên Chúa không đặt thành trì vĩnh viễn ở đời này, nhưng đi tìm một thành trì mai sau. Bậc tu trì giải thoát người tu sĩ bớt những lo lắng trần tục, cùng tỏ lộ cách hoàn hảo hơn cho mọi tín hữu thấy của cải trên trời

đã có ngay dưới trần gian này, và làm chứng rằng ơn cứu chuộc của Chúa Kitô đã đem lại một đời sống mới và vĩnh cửu, đồng thời tiên báo sự phục sinh tương lai và vinh quang của Nước Trời. Hơn nữa, bậc sống tu trì bắt chước cách chính xác hơn và thực hiện liên tục trong Giáo Hội nếp sống mà Con Thiên Chúa đã nhận khi Người xuống thế để thi hành thánh ý Chúa Cha và cũng là nếp sống mà Người đã đề ra cho các môn đệ theo Người. Sau cùng, bậc sống ấy đặc biệt cho ta thấy Nước Thiên Chúa vượt trên mọi sự trần thế và những đòi hỏi của Nước ấy cao cả biết bao; nó cũng cho mọi người thấy quyền lực cao trọng tuyệt vời của Chúa Kitô Vua và quyền năng vô cùng của Chúa Thánh Thần đang hoạt động cách kỳ diệu trong Giáo Hội.

Vì thế, bậc sống được thiết lập do việc tuyên khấn các lời khuyên của Phúc Âm, tuy không liên quan đến cơ cấu phẩm trật của Giáo Hội, nhưng dĩ nhiên cũng gắn chặt với đời sống và sự thánh thiện của Giáo Hội. ^{57*}

45. Quyền bính Giáo Hội và bậc tu trì. Vì trong Giáo Hội, giáo phẩm có nhiệm vụ chăn dắt và dẫn đưa Dân Chúa đến những đồng cỏ phì nhiêu (x. Ez 34,14), nên có nhiệm vụ dùng các luật lệ mà hướng dẫn cách khôn ngoan việc thực hành những lời khuyên của Phúc Âm, vì đó là phương thế đặc biệt để cổ vũ đức ái trọn hảo đối với Thiên Chúa và tha nhân ⁶. Ngoan ngoãn vâng theo sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần, giáo phẩm đón nhận những luật dòng do những nam nữ sáng lập viên lỗi lạc đề nghị, và chính thức phê chuẩn sau khi tu chỉnh. Và do quyền hành của mình, giáo phẩm luôn có mặt để sẵn sàng và bảo trợ những dòng tu được thiết lập khắp nơi nhằm xây dựng Nhiệm Thể Chúa Kitô, để các dòng tu ấy phát triển và sinh hoa kết quả theo tinh thần các đấng sáng lập.

Đàng khác, để đáp ứng cách hữu hiệu hơn nhu cầu của toàn thể đoàn chiên Chúa, Đức Giáo Hoàng, vì có quyền tối thượng trong toàn thể Giáo Hội và để phục vụ ích chung, có thể tách bất kỳ dòng tu hay tu sĩ nào khỏi quyền tài thẩm của các Đấng Bản Quyền và chỉ đặt dưới quyền duy nhất của ngài ⁷. Cũng thế, có thể có những dòng tu và những tu sĩ được để lại hoặc giao phó cho thẩm quyền riêng của các Giáo Chủ. Khi chu toàn phận vụ đối với Giáo Hội qua cách sống đặc biệt của mình, các tu sĩ phải kính trọng và vâng lời các Giám Mục theo giáo luật, vì phải tôn trọng quyền mục vụ của các ngài trong Giáo Hội địa phương và vì cần phải có sự đồng tâm nhất trí trong việc tông đồ ⁸.

Giáo Hội không chỉ phê chuẩn việc khấn dòng để đưa đời tu lên địa vị bậc sống theo giáo luật, nhưng qua việc cử hành phụng vụ, Giáo Hội còn trình bày việc khấn dòng ấy như một bậc sống cung hiến cho Thiên Chúa. Với quyền hành Chúa ban, chính Giáo Hội nhận lời tuyên khấn của các tu sĩ; qua lời kinh công cộng, Giáo Hội xin Chúa ban ân sủng và trợ giúp họ, phó thác họ cho Thiên Chúa, chúc lành thiêng liêng cho họ, và kết hợp sự tận hiến của họ vào hy lễ tạ ơn. ^{58*}

46. Sự cao cả của việc tận hiến. Các tu sĩ phải đem hết tâm lực làm cho Giáo Hội, qua con người của họ, thực sự biểu dương Chúa Kitô ngày một hoàn hảo hơn cho các tín hữu cũng như các lương dân: biểu dương Chúa Kitô đang cầu nguyện trên núi, hoặc đang loan báo Nước Thiên Chúa cho dân chúng, hoặc chữa lành những kẻ đau yếu tàn tật, hay hoán cải các tội nhân trở lại đời sống phong phú, hoặc đang chúc phúc cho trẻ em, ban ơn lành cho mọi người, và trong mọi sự luôn vâng phục thánh ý Chúa Cha, Đấng đã sai Người đến ⁹.

Sau cùng, mọi tu sĩ nên biết rằng việc khấn giữ các lời khuyên Phúc Âm, tuy bao gồm sự từ bỏ những của cải mà dĩ nhiên phải được quý trọng, sẽ không làm ngăn trở việc phát triển đích thực nhân vị, trái lại do bản chất của nó còn có lợi cho con người. Thực vậy, các lời khuyên Phúc Âm, mà các tu sĩ đã tình nguyện chấp nhận theo ơn gọi riêng của mình, góp phần không ít vào việc thanh luyện tâm hồn và

phát huy tự do thiêng liêng, và không ngừng khích lệ sống bác ái nhiệt thành, nhất là có sức làm cho người Kitô hữu ngày càng nên giống đời sống trinh khiết và khó nghèo mà Chúa Kitô đã chọn và Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Người, đã sống, như gương lành của bao đấng sáng lập dòng đã chứng tỏ. Không ai được nghĩ rằng, vì tận hiến như thế, các tu sĩ trở nên xa lạ với mọi người và vô dụng đối với xã hội trần thế. Vì dù đôi khi không trực tiếp phụ giúp người đồng thời với mình nhưng tu sĩ lại hiện diện cùng họ cách sâu xa hơn trong lòng Chúa Kitô và cộng tác một cách thiêng liêng với họ, để việc xây dựng xã hội trần thế luôn đặt nền móng nơi Chúa và luôn hướng về Người hầu những người xây dựng xã hội trần thế sẽ không luống công ¹⁰.

Vì thế, Thánh Công Đồng công nhận và khen ngợi nam nữ tu sĩ sống trong tu viện, trường học, bệnh viện hoặc trong các xứ truyền giáo, đang trang điểm Hiến Thê Chúa Kitô bằng tấm lòng khiêm hạ và kiên trung trong sự tận hiến và quảng đại phục vụ mọi người dưới muôn vàn hình thức. ^{59*}

47. Khuyến khích sự kiên tâm và thẳng tiến. Vậy mỗi tu sĩ được gọi để tuyên khấn, hãy chuyên tâm sống bền đỗ trong ơn thiên triệu Chúa đã gọi mình và hãy mãi mãi tiến bộ để làm cho sự thánh thiện của Giáo Hội thêm phong phú hơn và sự vinh hiển của Thiên Chúa Ba Ngôi duy nhất và bất phân thêm cao cả hơn. Trong và nhờ Chúa Kitô, Chúa Ba Ngôi là nguồn mạch và nguyên ủy mọi sự thánh thiện. ^{60*}

Chú Thích:

55* Việc chuẩn bị chủ đề để soạn thảo cho chương này khá sôi nổi. Trong lược đồ đầu tiên, tất cả chương VI đề cập đến tu sĩ. Khi lược đồ được làm lại và đưa lên để Công Đồng nghị trình trong kỳ họp thứ hai, chương nói về tu sĩ lại được xen vào chương V bàn chung về lời kêu gọi nên thánh trong Giáo Hội. Làm thế cũng gây nên nhiều bất tiện. Như vậy, chúng ta thấy có hai khuynh hướng: khuynh hướng thứ nhất đòi soạn thảo một chương đặc biệt về tu sĩ, khuynh hướng thứ hai cương quyết cứ để xen chung vào chủ đề về lời kêu gọi nên thánh. Sau nhiều cuộc bàn cãi, việc phân tách hai chương được chấp thuận, như chúng ta thấy trong bản văn chung quyết. Vị trí của chương này trong toàn thể Hiến Chế là do những quan sát thực tiễn. Đặt nó liền sau chương nói về lời kêu gọi nên thánh là để bày tỏ giá trị và tầm quan trọng của đời tận hiến cho Giáo Hội để thánh hoá và minh chứng. Kết cấu của chương này đơn giản: sau khi mô tả nguồn gốc và sự tiến triển của các hình thức đời sống tu trì (số 43), Công Đồng phân tích bản tính đời sống tu trì (số 44), và sau đó xét đến vai trò của quyền bính Giáo Hội đối với tu sĩ (số 45) và nhiệm vụ của đời sống tu trì trong việc phát triển nhân phẩm của chính tu sĩ, hoặc trong đời sống Giáo Hội (số 46); sau cùng là đôi lời khuyên nhủ vẫn tắt kết thúc cho chương này (số 47).

1 Xem Rosweydo, Vitae Patrum, Antwerpiae, 1628. Apophteymata Patrum : PG 65. Palladiô, Hist. Lausiaca: PG 34, 995tt; x. b. C. Butler, Cambridge 1898 (1904). Piô XI, Tông hiến Umbratilem, 8-7-1924 : AAS 16 (1924), trg 386-387. Piô XII, diễn từ Nous sommes heureux, 11-4-1958: AAS 50 (1958), trg 283.

2 Xem Phaolô VI, diễn từ Magno gaudio, 23-5-1964 : AAS 56 (1964), trg 566.

3 Xem Giáo luật, kh. 487 và 488, 4. Piô XII, diễn từ Annus sacer., 8-12-1950: AAS 43 (1951), trg 27t. Piô XII, Tông hiến Provida Mater, 2-2-1947: AAS 39 (1947), trg 120tt.

56* Số 43: Nhập đề.

Công Đồng mô tả nguồn gốc và sự tiến triển của các hình thức tu trì, một trật cũng bày tỏ thánh ý Chúa và vai trò của quyền bính Giáo Hội. Đời sống tu trì là một hồng ân Chúa Cha ban cho Giáo Hội, Giáo Hội phải trung thành gìn giữ và hướng dẫn. Do lời giảng dạy và gương mẫu của Người, Chúa Kitô là nền tảng các lời khuyên Phúc Âm. Công Đồng còn minh định thêm rằng đời sống tu trì không nằm trong hệ thống cơ cấu phẩm trật (giáo sĩ - giáo dân), nhưng trong hệ thống cơ cấu đoàn sủng. Dầu các lời khuyên là do Chúa ban, và đời sống tu trì thực hành những lời khuyên đó là thuộc phạm vi đoàn sủng, Giáo Hội cũng phải thiết lập một hình thức định chế để thực hành đời sống ấy.

4 Xem Phaolô VI, n.v.t., trg 567.

5 Xem T. Tôma, *Summa Theol.*, II-II, q. 184, a. 3 và q. 188, a.2. T. Bonaventura, *Opusc. XI, Apologia Pauperum*, ch. 3,3: x.b. Opera, Quaraechi, bộ 8, 1898, trg 245a.

57* Số 44: Bản tính của đời sống tu trì.

Trước hết Công Đồng thừa nhận trong đời sống đó có một sự thánh hiến cho Thiên Chúa để hoàn bị sự thánh hiến của bí tích Thánh Tẩy. Do lời khẩn hay việc dẫn thân tương tự mà có việc dâng hiến, nhờ đó đời sống của tu sĩ và cả thế giới được thần hóa nhiều hơn (x. số 31). Sự thánh hiến này hoàn tất trong tình yêu trọn vẹn nhất: tình yêu ưu tiên dành cho Thiên Chúa trong Chúa Kitô. Đời sống tu trì chính yếu cũng là phục vụ Giáo Hội, để làm cho việc tông đồ được bành trướng. Nhưng vì là một sự thánh hiến nội tâm, nên việc phục vụ trước hết là cộng tác vào việc mở mang nước Chúa bằng thái độ nhiệt thành, bằng kinh nguyện và cũng có thể bằng hoạt động. Bởi thế, việc phục vụ này không chỉ là một hình thức tông đồ bên ngoài. Giá trị dấu hiệu của việc tuyên xưng các lời khuyên Phúc Âm phát xuất từ sự thánh hiến nội tâm này: dấu hiệu cánh chung của đời sau và của hạnh phúc trên Trời, giá trị của sự cao trọng Nước Chúa. Để kết luận, Công Đồng tuyên bố đời sống tu trì không thể tách lìa khỏi đời sống và sự thánh thiện của Giáo Hội. Như vậy chúng ta hiểu rằng, một đoàn Giáo Hội cần được sự đóng góp của đời sống tu trì nên phải cố võ đến mức tối đa cho đời sống ấy, đoàn khác đời sống ấy nói lên sức mạnh của Giáo Hội. Cứ theo những điểm vừa nói thì đời sống tu trì là một thực tại sống động trong Giáo Hội.

6 Xem CĐ Vat. I, lược đồ *De Ecclesia Christi*, ch. XV, và chú giải 48: Mansi 51, 549t và 619t. Lêô XIII, *thu Au milieu des consolations*, 23-12-1900: ASS 33 (1900-01), trg 361. Piô XII, *Tông hiến Provida Mater*, n.v.t., trg 114t.

7 Xem Lêô XIII, *Hiến chế Romanos Pontifices*, 8-5-1881: ASS 13 (1880-81), trg 483. Piô XII, *diễn từ Annus Sacer*, 8-12-1950 : AAS 43 (1951), trg 28t.

8 Xem Piô XII, n.v.t., trg 28. Piô XII, *Tông hiến Sedes sapientiae*, 31-5-1956: AAS 48 (1956), trg 355. Phaolô VI, *diễn từ Magno gaudio*, 3-5-1964: AAS 56 (1964), trg 570-571.

58* Số 45: Giáo Hội và đời sống tu trì.

Vai trò quyền bính Giáo Hội nằm trong những điều quy định tổng quát: lập luật để làm qui tắc hướng dẫn việc thực hành các lời khuyên, chuẩn y các điều lệ, lưu ý đến sự trung thành và tăng triển các hội dòng. Sau đó Công Đồng đề cập đến những người nắm giữ quyền bính này: Đức Giáo Hoàng là Vị mà các hội dòng miễn trừ phải tùy thuộc; các Giáo Chủ, các Giám Mục là những người mà mọi tu sĩ phải kính trọng và tuân phục. Sự quả quyết Giáo Hội góp phần trong phương diện phụng vụ và thiêng liêng vào việc tuyên khẩn cũng nói lên rằng những mối tương quan với quyền bính không chỉ có tính cách pháp lý. Theo Hiến Chế, sự đóng góp vào phụng vụ mặc ba hình thức: Giáo Hội dùng quyền bính chấp nhận các lời khẩn, dùng lời

kinh công cộng xin Chúa ban ơn, kết hợp sự tận hiến của người tuyên thệ vào hy lễ tạ ơn.

9 Xem Piô XII, Tđ. *Mystici Corporis*, 29-6-1943: AAS 35 (1943), trg 241t.

10 Xem Piô XII, diễn từ *Annus Sacer*, n.v.t., trg 30. Diễn từ *Sous la maternelle protection*, 9-12-1957: AAS 50 (1958), trg 39t.

59* Số 46 : Vai trò của đời sống tu trì.

Sau khi khuyên nhủ tu sĩ biết mình chứng Chúa Kitô trong các hoạt động, Công Đồng nhắc nhở cho họ biết đời sống tu trì làm phát triển nhân cách con người vì là một sự tận hiến, phát xuất từ hành động tự do của ý chí đi theo chiều hướng của ơn gọi cá nhân; đời sống ấy còn định hướng nhân phẩm theo như điều mà chương trình của Chúa muốn dung hợp, và như vậy làm cho nhân phẩm được nảy nở hoàn toàn. Công Đồng đề cập ba khía cạnh của việc nảy nở đó: tự do thiêng liêng trong tâm hồn trong sạch hoàn toàn, bác ái hăng say nhờ đó mà nhân phẩm con người được phát triển đích thực, dung hợp với lối sống mà chính Chúa Kitô đã theo, lối sống mà Mẹ Maria là gương mẫu hoàn hảo. Công Đồng cũng nhắc lại rằng đời sống tu trì còn cộng tác một cách thiêng liêng vào công cuộc kiến tạo trần gian. Sự hiện diện tinh thần của tu sĩ còn đích thực hơn cả sự hiện diện hữu hình bên ngoài. Cố nhiên Công Đồng không nói tu sĩ hiện diện nơi người khác nhưng hiện diện trong trái tim Chúa Kitô. Do sự kiện cộng tác thiêng liêng vào công cuộc kiến tạo trần gian, tu sĩ trở nên hữu ích cho xã hội và cộng tác vào việc tái tạo một thế giới xây dựng trên Chúa Kitô. Sau cùng Công Đồng tuyên bố công nhận và khen ngợi lối sống của tu sĩ.

60* Số 47 : Kết luận.

Trong câu kết luận văn tắt, Công Đồng khuyên nhủ tu sĩ kiên trì và thẳng tiến trong ơn gọi để Giáo Hội được thánh thiện và để làm vinh danh Thiên Chúa.

VỀ MỤC LỤC

ƠN CỨU CHUỘC CHÚA CHAN NƠI NGƯỜI (LỄ CHÚA CỨU THỂ - CHÚA NHẬT TUẦN III TRONG THÁNG 7)

Ga 3, 13-18.21

Khi ấy, Đức Giê-su nói với ông Ni-cô-đê-mô rằng: “Không ai đã lên trời, ngoại trừ Con Người, Đấng từ trời xuống. Như ông Mô-sê giương cao con rắn trong sa mạc, Con Người cũng sẽ phải được giương cao như vậy, để ai tin vào Người thì được sống muôn đời. Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một, để ai tin vào Con của Người thì khỏi phải chết, nhưng được sống muôn đời. Quả vậy, Thiên Chúa sai Con của Người đến thế gian, không phải để lên án thế gian, nhưng là để thế gian, nhờ Con của Người, mà được cứu độ. Ai tin vào Con của Người, thì không bị luận phạt; nhưng kẻ không tin, thì bị luận phạt rồi, vì đã không tin vào danh của Con Một Thiên Chúa. Nhưng kẻ sống theo sự thật, thì đến cùng ánh sáng, để thiên hạ thấy rõ các việc của người ấy đã được thực hiện trong Thiên Chúa.”

Trong dòng chảy lịch sử cứu độ, chúng ta bắt gặp được Lời Chúa nói với chúng ta. Chúa hiện diện với chúng ta qua lời của Ngài.

Trong kho tàng Thánh Kinh, ta thấy được tâm tình của dân Thiên Chúa. Lúc thì như có vẻ trách móc sao Thiên Chúa bỏ dân nhưng có những lúc dân lại cảm nghiệm được tình thương của Ngài.

Đặc biệt trong lúc chơi vơi, trong lúc kêu cứu, tâm tình tin tưởng của Dân Chúa đã được biểu lộ rõ ràng. Có một số Thánh vịnh đề cao đặc biệt tâm tình này, khiến chúng ta gặp được một nền đạo đức

thiên liêng thật siêu thoát. Có lẽ loại Thánh vịnh này phát xuất từ môi trường Lêvi. Qua các bài thơ, bài hát, chúng ta như được chia sẻ sự an bình, thanh thần và niềm vui nội tâm bất tận của những con người đã chọn Chúa làm gia nghiệp, tin tưởng, phó thác tuyệt đối vào sự quan phòng của Thiên Chúa. Ngoài chiều kích nội tâm sâu xa, chúng ta còn thấy được niềm tin kiên vững của vịnh gia giữa bao gian truân, uẩn khúc của cuộc đời. Niềm vui, sự an bình của những con người có đời sống nội tâm kết hợp với Thiên Chúa còn được phơi bày ra qua lòng yêu mến, gắn bó của họ với đền thờ, nơi Chúa ngự. Từ đó họ thường kết thúc bài Thánh vịnh tin tưởng bằng cách mời gọi mọi tín hữu hãy tìm cách nương thân nơi Thiên Chúa bằng cách ẩn náu nơi nhà Chúa.

Dừng lại một chút để chúng ta nghe, đọc, suy gẫm Thánh Vịnh 130.

Thánh Vịnh 130 (129) (Psalm 130, cũng được dùng làm Kinh Vực Sâu - De Profundis) là một trong 15 Thánh Vịnh Lên đền (Từ thánh vịnh 120 cho đến 134) và là một trong 7 Thánh Vịnh Sám hối. Bản Thánh Vịnh này cũng nằm trong Kinh Thần vụ, thường được đọc hay hát trong giờ kinh chiều và luôn luôn được đọc hay hát trong kinh Thần vụ cầu cho người qua đời.

Nội dung của Thánh Vịnh này là cầu xin Thiên Chúa khoan dung, cũng như tỏ bày lòng tín nhiệm vào Thiên Chúa. Thánh vịnh này nói lên niềm hy vọng ơn tha thứ của Thiên Chúa.

Ở một số nơi, người ta đọc Thánh Vịnh này trước 9 giờ tối, khi chuông nhà thờ đổ. Còn ở Ireland, Thánh Vịnh này thường được đọc trong thánh lễ sau bài Phúc Âm cuối lễ để cầu cho các nạn nhân bị bắt/bách đạo trước kia.

Theo "Chỉ nam các ân xá" mới được duyệt lại thì Giáo hội Công giáo đồng ý ban ơn tiểu xá cho tín hữu mỗi khi đọc Thánh Vịnh 130 này.

Tiếng kêu từ vực thẳm
Ca khúc lên Đền.

Từ vực thẳm, con kêu lên Ngài, lạy Chúa,
muôn lạy Chúa, xin Ngài nghe tiếng con.

Dám xin Ngài lắng tai để ý
nghe lời con tha thiết nguyện cầu.

Ôi lạy Chúa, nếu như Ngài chấp tội,
nào có ai đứng vững được chẳng?

Nhưng Chúa vẫn rộng lòng tha thứ
để chúng con biết kính sợ Ngài.

Mong đợi Chúa, tôi hết lòng mong đợi,
cậy trông ở lời Người.

Hồn tôi trông chờ Chúa,
hơn lính canh mong đợi hừng đông.

Hơn lính canh mong đợi hừng đông,
trông cậy Chúa đi, Israen hỡi,
bởi Chúa luôn từ ái một niềm,
ơn cứu chuộc nơi Người chan chứa.

Chính Người sẽ cứu chuộc Israen
cho thoát khỏi tội khiến muôn vàn.

Ơn cứu chuộc nơi Người chan chứa.

"Thuở xưa, nhiều lần nhiều cách, Thiên Chúa đã phán dạy cha ông chúng ta qua các ngôn sứ; nhưng vào thời sau hết này, Thiên Chúa đã phán dạy chúng ta qua Thánh Tử (Giê-su)" (Dt 1,1-2).

Thánh Tử Giêsu không chỉ phán dạy bằng lời mà phán bằng chính cuộc đời của Ngài.

Sinh ra vì tình yêu, sống cho tình yêu và chết cho tình yêu.

Vì tội lỗi, vì kiêu căng, con người đã treo Đấng Cứu Độ trần gian trên cây thập giá nhưng chính từ cây thập giá, ơn cứu độ lại trào tràn cho muôn dân.

Trang Tin Mừng chúng ta vừa nghe thánh Gioan thuật lại : (Ga 3, 13-18.21)

Họ sẽ nhìn lên chính Đấng mà họ đâm thâu. Như xưa con rắn đồng được treo lên để ai bị rắn cắn sẽ được chữa lành thì con người tội lỗi ngày hôm nay nhìn lên cây thập giá hay nói đúng hơn là nhìn lên Đấng treo trên thập giá và tin và Đấng ấy thì sẽ được cứu độ.

Ơn cứu độ của Thiên Chúa trào tràn từ cây thập giá, từ Đấng chịu treo trên đó : “Ơn cứu độ chứa chan người Người”

Chúng ta còn nhớ hình ảnh của anh trộm lành trên đồi Gôngôta ngày xưa. Ý thức được thân phận tội lỗi của mình để rồi anh xin với Chúa Giêsu : "Khi nào Ngài vào Thiên Đàng, xin hãy nhớ đến tôi". Chúa Giêsu quay qua bên anh và nhìn anh, thỏ thẻ nói với anh: "Hôm nay anh sẽ ở trên thiên đàng với ta".

Lời hứa cứu độ được trao ban cho người trộm lành, cho con người tội lỗi.

Ơn cứu độ từ cây thập giá lan tràn.

Thập Giá Đức Ki-tô, niềm vinh dự của ta.

Thập giá Đức Ki-tô, đã khơi nguồn ơn thánh hóa.

Nhờ máu nước tim Ngài, từ khổ giá tuôn trào mà Ngài thương giải thoát cứu độ ta.

Chính Thánh Phaolô đã xác nhận niềm tin vào ơn cứu độ đó qua tâm tình của Ngài gửi cho Timôtê : Đây là lời đáng tin đáng nhận, Chúa Giêsu đã chết và sống lại để cứu những người tội lỗi và người đầu tiên đó là tôi.

Trong thư của Ngài gửi giáo đoàn Côrintô : “Khi ở với anh em, tôi không biết chuyện gì khác ngoài Đức Giêsu Kitô, Đức Giêsu Kitô trên thập giá” (1Cr 2, 2).

“Người đã chịu đóng đinh vì mang thân phận yếu hèn, nhưng nay Người đang sống nhờ quyền năng của Thiên Chúa. Cả chúng tôi nữa, trong Đức Kitô, chúng tôi cũng mang thân phận yếu hèn, nhưng cùng với Người, chúng tôi sống nhờ quyền năng Thiên Chúa để xử sự với anh em” (2Cr 13, 4).

“Đức Giêsu Kitô đã hạ mình, vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết, chết trên cây thập tự” (Pl 2,8 nhưng chính vì thế mà Đức Giêsu Kitô được siêu tôn là Chúa. “Thiên Chúa đã muốn làm cho tất cả sự viên mãn hiện diện ở nơi Người, cũng như muốn nhờ Người mà làm cho muôn vật được hòa giải với mình. Nhờ máu Người đổ ra trên thập giá, Thiên Chúa đã đem lại bình an cho mọi loài dưới đất và muôn vật trên trời” (Cl 1,19).

“Tôi vui mừng được chịu đau khổ vì anh em. Những gian nan thử thách Đức Kitô còn phải chịu, tôi xin mang lấy vào thân cho đủ, vì lợi ích cho thân thể Người là Hội Thánh”(Cl 1,24).

“Ước chi tôi chẳng hãnh diện về điều gì, ngoài thập giá Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Nhờ thập giá Người, thế gian đã bị đóng đinh vào thập giá đối với tôi, và tôi đối với thế gian.”(Gl 6,14).

Nhìn lại chặng đường đã qua, dân Do Thái trong Cựu Ước tiêu biểu qua các vịnh gia, trên đỉnh đồi thập giá qua người trộm lành và qua người môn đệ đầy yếu đuối như Phaolô chúng ta lại có quyền tin nhận và hy vọng ơn cứu độ chứa chan nơi Người từ Người treo trên Thập giá, Người bị thiên hạ đâm thâu.

Ngày hôm nay, chúng ta dừng lại, chúng ta nhìn lên cây thập giá, nhìn lên Đấng Cứu Độ trần gian, nhìn lên Ông cứu chuộc chứa chan nơi Người đó tâm tình chúng ta như thế nào ? Có hy vọng, có tin vào nguồn ơn cứu độ đó hay lại cứ loay hoay mãi đi tìm cái gì khác ngoài ơn cứu độ.

Dĩ nhiên, trong cái thời đại chạy theo danh vọng, chạy theo đồng tiền, chạy theo chức quyền mà nói về ơn cứu độ quả là khó. Khó nói lắm bởi lẽ thực tế cái người ta đi tìm là đi tìm vinh quang của thế gian, lợi lộc của trần gian chứ người ta không đi tìm cái Đấng mà người ta treo trên thập giá nữa. Nếu thật lòng người ta đi tìm Đấng mà người ta treo trên thập giá, tìm Nguồn Ông Cứu Độ chứa chan nơi Người thì cuộc sống của ta sẽ khác.

Vẫn là con người mang trong mình phận yếu đuối của con người để chúng ta vẫn còn lảo đảo trong những thực tại của trần gian, của cơn áo gạo tiền. Dĩ nhiên tất cả những thứ đó cần cho cuộc sống của chúng ta nhưng nó không phải là căn cốt, là cùng đích của đời ta.

Chuyện quan trọng, chuyện căn cốt của cuộc đời này đó là được cứu độ hay bị hư mất mà thôi. Giàu sang, phú quý, nghèo hèn, cuối cùng cũng phải trở về với cát bụi mà thôi. Và vì thế, chuyện quan trọng, chuyện căn cốt là ta có tin vào Đấng Cứu Độ trần gian để được cứu hay bị hư đi mà thôi.

Dòng Chúa Cứu Thế ! Rất hãnh diện được mang tên Chúa Cứu Thế, được ghi dấu Chúa Cứu Thế trên đời mình.

Tất cả tu sĩ linh mục Dòng Chúa Cứu Thế trong tu viện cũng như những ai hay lui tới với Đền Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp cũng được gọi là những người con của Chúa Cứu Thế ngoài tu viện cũng hãnh diện về danh hiệu, về tước hiệu Chúa Cứu Thế trên đời mình.

Chúng ta có quyền hãnh diện nhưng chúng ta cũng phải dừng lại để xét lại niềm tin, niềm trông cậy, niềm hy vọng của chúng ta vào ơn cứu độ chứa chan nơi Người.

Đừng mang tên Dòng Chúa Cứu Thế, con cái Chúa Cứu Thế như là cái nhãn, cái mác hay là cái tên như để trang trí bên mình nhưng hãy sống hãy diễn tả niềm tin vào Ông Cứu Chuộc chứa chan nơi Người bằng chính đời sống đượm tình bác ái yêu thương của chúng ta.

Hãy cùng với tu sĩ linh mục Dòng Chúa Cứu Thế cất lên lời nguyện xin :

Lạy Chúa, giữa lòng Giáo Hội, Chúa đã muốn cho gia đình Dòng Chúa Cứu Thế được khai sinh như một cây nho chính tay Chúa trồng và săn sóc từ thuở ban đầu cho đến ngày nay.

Tất cả chúng con xin hết lòng hân hoan tạ ơn Chúa. Chúa đã thương trồng cây nho bé mọn Dòng này. Bao lần, Chúa đã mạnh tay quét sạch khó khăn, dẹp hết chướng ngại. Chúa đã khẩn hoang bốn bề quang đãng để nó bén rễ sâu và lan rộng khắp các lục địa. Chúa cũng đã cho bóng nó rợp các núi non, nhánh nó vươn dài đến các đại dương, chồi nó nảy lên mạnh mẽ. Chúa lại ban cho nó một tương lai hứa hẹn. Nguyện xin Chúa tiếp tục bảo vệ cây nho tay phải, Chúa đã vun trồng, xin cho nó vươn lên mãi, lá xanh, hoa tốt để mang lại cho thế giới những chùm quả ơn cứu chuộc chứa chan nơi Chúa. Amen.

Xin Chúa thương gìn giữ anh em tu sĩ linh mục Dòng Chúa Cứu Thế trong tu viện cũng như ngoài tu viện trong tình yêu thương chứa chan của Ông Cứu Chuộc Chúa Chứa chan nơi Đức Kitô.

Lm. Anmai, C.Ss.R.

VỀ MỤC LỤC

ÁNH SÁNG ĐỨC TIN VÀ BÓN BÀN TAY

Nguyễn Tiến Cảnh, MD



Để thấy và hiểu cái huy hoàng của bản thông điệp đầu tiên của Đức Phanxico “Ánh Sáng Đức Tin”, chúng ta phải nhìn vào quang cảnh Vườn Vatican vào buổi sáng sớm hôm ấy, một buổi sáng trước khi khám phá ra bài giảng huấn vĩ đại đã được chuẩn bị bởi “bốn bàn tay”. Đức Phanxico đến Vườn Vatican để làm phép tượng Micae Tổng Lãnh Thiên Thần mới và đặt Vatican dưới sự quan phòng của thánh nhân. Đức Biển Đức XVI cũng đến vườn Vatican cùng với Đức Phanxico và cả hai vị cùng làm phép tượng. Hàng trăm nhân viên của thị trấn Vatican hân hoan chào mừng. Đây quả là một cử chỉ tuy đơn sơ nhưng rất thích hợp để mở đầu một ngày lịch sử tại Vatican và cho cả Giáo Hội. Thánh Micae được làm phép bởi bốn bàn tay. Phải chăng sự hiện diện của cả hai giáo hoàng cùng làm phép tượng Micae vào ngày ra mắt Ánh Sáng Đức Tin là một trùng hợp ngẫu nhiên?

ÁNH SÁNG ĐỨC TIN, THÔNG ĐIỆP DO BỐN BÀN TAY

Sau đó, cũng buổi sáng ấy tại Trung Tâm Báo Chí, Hồng Y Marc Ouellet, Bộ trưởng Thánh bộ Giám mục, Tổng giám mục Gerhard Muller, Bộ trưởng Thánh bộ Tín Lý Đức tin và Tổng Giám mục Rino Fisichella, Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng Tân Phúc Âm hóa đã trình bày Thông điệp “Ánh Sáng Đức Tin / Lumen Fidei” của Đức Phanxico. Đây là tài liệu cuối trong bộ ba thông điệp giảng huấn của Biển Đức XVI. Biển Đức XVI đã hoàn thành hai thông điệp đầu về *Hy Vọng (Spe Salvi)* năm 2007 và *Tình Yêu (Deus Caritas Est)* năm 2005, nhưng vì ngài từ nhiệm vào tháng Giêng 2012 nên tài liệu ba này chưa hoàn thành. Hôm nay vòng tròn đã được khép kín. Nhiều người nói rằng thông điệp “Thiên Chúa là Tình Yêu” là một tác phẩm của thời nay, công trình đầu tiên của Biển Đức XVI trong Giáo Hội đương đại, nhưng trong thực tế người ta lại cho rằng Thiên Chúa là Tình Yêu được dựa trên bản nháp của Đức Gioan Phaolo II đã làm. Ngài tính cho ra mắt trước khi ngài băng hà năm 2005. Như vậy phải chăng giữa Gioan Phaolo II, Biển Đức XVI và Phanxico đã là những giây xích khăng khít nhất, một vòng tròn kín thật là thiết thân mà trọng tâm là Giáo Hội Chúa Kitô.

Trong đoạn 7 tác phẩm của Phanxico, ngài đã khiêm tốn nói: “Bản nói về Đức Tin - một nối tiếp với tất cả những nhân đức đối thần mà huấn quyền của Giáo Hội đã tuyên bố - chính là bản bỏ tước cho những tông thư mà Đức Biển Đức XVI đã viết về Đức Cây/Hope và Đức Mến/Caritas. Chính ngài đã hầu như hoàn thành bản nháp này rồi. Tôi rất chân thành cảm ơn

ngài, và như là người anh em trong Chúa Kito, tôi đã lấy công trình tuyệt đẹp này và chỉ thêm chút đỉnh đóng góp của riêng tôi thôi. Đáng kể vị thánh Phêrô, hôm qua, hôm nay và ngày mai, thì luôn luôn được kêu gọi giúp đỡ, làm cho những người anh chị em mình được mạnh mẽ trong một kho tàng vô giá về đức tin mà Thiên Chúa đã ban cho như là ánh sáng chiếu rọi cho bước đường đi của nhân loại.”

ÁNH SÁNG ĐỨC TIN, CHÂN TRỜI RỘNG MỞ CHO CHÚNG TA CHIÊM NIỆM

“Ánh Sáng Đức Tin” không phải dễ đọc. Nó là một suy niệm sâu xa và rất huy hoàng về Đức Tin, một tặng phẩm Chúa ban, ý nghĩa được đào sâu trong cựu ước, xoáy quanh và xuyên suốt lịch sử ơn cứu độ, đi tới tột đỉnh nơi con người Giêsu thành Nazareth. Nhìn bảng mục lục, chúng ta thấy một khoảng trống rộng lớn những vấn nạn về đức tin như chờ đợi mọi người chúng ta nghiên cứu học hỏi cái vô biên của nó: Đức Tin và Sự Thật, Hiểu biết Sự Thật và Tình yêu, Đức Tin như là nghe và nhìn, Đàm thoại giữa Đức tin và Lý trí, Đức Tin và sự tìm kiếm Thiên Chúa, Đức Tin và Thần học.

Chương ba trình bày nơi con người cảm nghiệm được đức tin và sống đức tin: *Trong Giáo Hội và qua các bí tích của Giáo Hội*. Muốn tin Chúa Giesu Kito thì phải thông hiểu Giáo Hội như là mái ấm gia đình của đức tin.

Chương bốn làm nổi bật nơi mà Đức Tin phải được tuyên xưng và biểu hiện: *Ngoài xã hội và trong gia đình*. Đức Tin giúp chúng ta trở nên mạnh mẽ và can đảm giữa những đau khổ và khốn cùng. Cuộc sống của thánh Phanxico thành Assisi, Mẹ Teresa Calcuta và Mary, Con Gái Zion là những gương sáng sống động của Đức Tin.

“Ánh Sáng Đức Tin” nhắc nhở chúng ta ngay từ đầu là nhiều người thời nay không công nhận ánh sáng của đức tin. *“Cái ánh sáng ấy được coi là đủ đối với xã hội cổ xưa, nhưng không thực dụng đối với thời đại mới này, vì loài người đã tiến bộ rồi, họ hãnh diện với tính thuần lý của họ và hăm hở đi khám phá tương lai theo cách thức mới lạ của họ kiểu tiểu thuyết. Vì vậy, đức tin đối với một số người, bị coi là ánh sáng ảo ngăn cản con người tìm hiểu.”* Nhưng chúng ta cũng nhận thấy là ánh sáng của lý trí tự nó cũng không đủ để soi sáng tương lai; cuối cùng tương lai vẫn còn chìm ngập trong bóng tối và đầy dẫy sợ hãi vì thiếu hiểu biết. Do đó nhân loại từ bỏ tìm kiếm loại ánh sáng vĩ đại.”

Sau này ở đoạn 35, “Ánh Sáng Đức Tin” nhắc đến câu chuyện ba nhà đạo sĩ đi tìm Chúa đê-m Giáng Sinh: *“Là những người được sao trời dẫn đưa tới Bethlehem (Mt 2:1-12). Đối với họ, ánh sáng Thiên Chúa hiện ra như là cuộc hành trình đã định, sao trời dẫn dắt họ trên đường khám phá sự thật. Sao trời là dấu hiệu Thiên Chúa nhắn nài chờ đợi vì con mắt của chúng ta cần phải phát triển lớn lên để thích ứng với sự sáng láng của Thiên Chúa. Con người tôn giáo là người đi bộ du hành; họ phải sẵn sàng để được dẫn dắt, phải vong thân tự mình thoát ra khỏi mình và tìm kiếm Thiên Chúa vĩnh cửu đầy kỳ diệu. Về phần Thiên Chúa, đối với con mắt loài người, sự tôn trọng này cho chúng ta thấy, khi chúng ta đến gần Thiên Chúa, ánh sáng của loài người chúng ta không bị hòa vào cái vô biên của ánh sáng Thiên Chúa, như ánh sao bị lu mờ bởi ánh sáng bình minh, nhưng chiếu sáng tất cả mọi sự tỏ rõ hơn khi chúng đến gần ngọn lửa nguyên khởi hơn, giống như tấm gương phản chiếu ánh sáng vậy.”*

NHỮNG ĐIỂM SÁNG TRONG “ÁNH SÁNG ĐỨC TIN”

Chúng ta thử nêu ra 10 điểm sáng chói như những hạt kim cương trong “Ánh Sáng Đức Tin”

1- Đoạn 4. “Ánh Sáng Đức Tin là độc nhất, bởi lẽ nó có thể chiếu sáng mọi mặt đời sống con người. Ánh Sáng đầy quyền lực này không thể đến từ chúng ta nhưng từ một nguồn nguyên thủy hơn; nói vắn gọn là đến từ Thiên Chúa. Đức tin này có được do cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa hằng sống, Đấng đã kêu gọi chúng ta và biểu lộ cho chúng ta tình yêu của người, một tình yêu có trước chúng ta và nhờ đó chúng ta được an toàn và xây dựng cuộc sống của chúng ta. Nhờ tình yêu này biến cải, chúng ta có được một viễn kiến mới, những con mắt mới để nhìn biết. Chúng ta nhận ra rằng nó bao gồm một lời hứa quan trọng đã được hoàn thành, và một viễn kiến về tương lai đang mở rộng ở trước chúng ta.”

2- Đoạn 16: “Nếu một người hy sinh mạng sống mình vì bạn thì đó là một bằng chứng to lớn nhất về tình yêu (Ga 15:13). Chúa Giêsu đã hiến dâng mạng sống của Chúa cho tất cả mọi người, kể cả kẻ thù, để biến cải tâm hồn họ. Điều này nói lên tại sao các thánh sử có thể nhận biết giờ Chúa Kitô bị đóng đinh là tột đỉnh của cái nhìn về đức tin, giờ mà tình yêu Thiên Chúa chiếu sáng lan tỏa cả chiều sâu lẫn chiều rộng.”

3- Đoạn 17: “Văn hóa của chúng ta đã đánh mất ý nghĩa về sự hiện diện hiển nhiên của Thiên Chúa và hoạt động của người ở trần gian. Chúng ta nghĩ rằng Thiên Chúa chỉ có thể tìm thấy được tại một nơi ngoài thế gian, ở một mức độ thực tại khác, đã bị tách rời khỏi mọi liên hệ hàng ngày của chúng ta. Nếu đúng như vậy thì nếu Thiên Chúa không thể hành động ở trần gian được thì tình yêu của người không phải là tình yêu thực và có sức mạnh thực sự, một loại tình yêu khả dĩ ban phát hạnh phúc như đã hứa. Lúc đó, sẽ chẳng có gì khác biệt cả khi chúng ta tin hay không tin vào Người. Trái lại, người Kitô hữu tuyên xưng đức tin của mình vào một tình yêu hiển nhiên và mãnh liệt của Thiên Chúa đang thực sự hành động trong lịch sử và xác định số phận sau cùng của mình. Đây là thứ tình yêu có thể nhận thấy rõ, tình yêu thực sự được thể hiện qua cuộc khổ nạn, cái chết và phục sinh của Chúa.”

4- Đoạn 18: “Về nhiều khía cạnh của cuộc sống, chúng ta tin tưởng vào những người có hiểu biết nhiều hơn chúng ta. Chúng ta tin tưởng vào ông kiến trúc sư là người xây cất nhà cho chúng ta, bà dược sĩ cho chúng ta thuốc chữa lành bệnh, ông luật sư bảo vệ chúng ta trước tòa án. Chúng ta cũng cần những người đáng tin cậy và có nhiều hiểu biết về Thiên Chúa. Đức Giêsu, con Thiên Chúa, là Đấng đã làm cho chúng ta nhận biết Thiên Chúa (Ga 1:18). Cuộc đời của Chúa Kitô, cách thức Người nhận biết Chúa Cha và sống tình liên đới với Ngài cách trọn vẹn và cương quyết, mở rộng khoảng trống mới và mời gọi để cho loài người cảm nghiệm thấy.”

5- Đoạn 25: “Sống trong nền văn hóa đương đại, chúng ta thường có khuynh hướng coi những gì có tính kỹ thuật là sự thật duy nhất: sự thật là cái gì giúp ta thành công và có thể đo lường được nhờ kiến thức khoa học của mình, sự thật là cái gì có tác dụng và giúp cho cuộc sống được dễ dàng và thoải mái. Ngày nay điều đó được coi là sự thật duy nhất và chắc chắn, sự thật duy nhất có thể chia sẻ cho mọi người, sự thật duy nhất có thể dùng làm căn bản cho cuộc bàn luận hoặc những quyết định chung. Tuy nhiên ở đầu kia của cán cân, chúng ta lại thích chú ý đến những sự thật chủ quan có tính cá nhân nó chìm sâu, bám chặt vào những xác tín của mình; những sự thật này lại chỉ có giá trị tùy người và không thể đề nghị cho những người khác với mục đích phục vụ công ích. Nhưng Chân Lý, tự nó là sự thật có thể cắt nghĩa một cách dễ hiểu cuộc sống của chúng ta với cả tính cách cá nhân lẫn xã hội thì lại bị nhìn với con mắt nghi ngại.”

6- Đoạn 26: “Đức Tin biến đổi toàn diện con người một cách rõ ràng đến độ họ trở thành tình yêu. Qua sự hòa nhập này giữa đức tin và tình yêu, chúng ta nhìn ra được loại hiểu biết mà đức tin cho thấy, sức mạnh của nó khắc phục được chúng ta và khả năng của nó có thể soi sáng cho chúng ta bước đi. Đức tin có được hiểu biết vì nó liên kết chặt chẽ với tình yêu vì tình yêu tự nó đem lại ánh sáng. Hiểu biết về Đức tin có được khi chúng ta nhận được tình yêu vô biên của Thiên Chúa, nó biến đổi chúng ta từ trong lòng và khả dĩ giúp chúng ta nhìn ra được thực tế bằng con mắt mới của chúng ta.

7- Đoạn 46: “Thập Giới (Mười điều răn) không phải là những giới răn tiêu cực, nhưng là những hướng dẫn cụ thể giúp ta thoát khỏi cái TÔI sa mạc ích kỷ, chỉ biết bo bo giữ cho mình hầu có thể bước tới đối thoại với Thiên Chúa, được Chúa thương xót áp ủ, rồi mang tình thương đó chia sẻ với tha nhân. Vì vậy, Đức tin là tuyên xưng tình yêu của Thiên Chúa, là nguồn gốc và Đấng nâng đỡ mọi loài mọi vật. Đức tin để cho tình yêu này hướng dẫn trên hành trình đi đến hiệp thông viên mãn với Thiên Chúa. Thập giới chính là con đường tri ân, đáp trả của tình yêu, làm cho nó trở thành khả dĩ, bởi lẽ trong đức tin, chúng ta là người tiếp nhận kinh nghiệm tình yêu Thiên Chúa biến đổi chúng ta.”

8- Đoạn 52: “Giai đoạn đầu đức tin soi sáng loài người là gia đình. Tôi nghĩ, trước tiên và trên hết về sự hợp nhất bền chặt giữa người nam và người nữ trong hôn nhân. Sự phối hợp này phát sinh vì họ yêu thương nhau, dấu hiệu và sự hiện diện của chính tình yêu Thiên Chúa, và sự hiểu biết, chấp nhận về tốt đẹp của sự khác biệt phái tính, do đó hai vợ chồng trở nên một thân xác (St 2:24) và sinh con để cái tạo thành một sự sống mới, thể hiện sự tốt lành, khôn ngoan và kế hoạch tình yêu của Tạo Hóa.”

9- Đoạn 53: “Đặc biệt những người trẻ là những người sẽ trải qua một giai đoạn của cuộc sống khá phức tạp, phong phú và quan trọng của họ, họ phải cảm thấy sự khẳng khít bền chắc và yểm trợ của gia đình họ và Giáo Hội trong cuộc hành trình đức tin. Trong dịp những Ngày Giới Trẻ Thế Giới, chúng ta đã thấy giới trẻ họ biểu lộ nỗi vui mừng qua đức tin và ước vọng của họ về một cuộc sống đức tin quảng đại và vững bền hơn bao giờ hết. Giới trẻ họ muốn sống một cuộc sống trọn vẹn. Gặp Chúa Kito, họ tự để cho tình yêu Chúa nắm giữ và hướng dẫn họ, mở rộng những chân trời hiện hữu và cho nó niềm hy vọng bền vững sẽ không làm ai phải thất vọng. Đức tin không phải là nơi trú ẩn cho những kẻ nhút nhát, nhưng là cái gì có thể hưng phấn cuộc sống của chúng ta. Nó làm cho chúng ta nhận biết ra tiếng gọi uy nghiêm, ơn gọi tình yêu. Nó bảo đảm cho chúng ta thấy tình yêu này đáng tin cậy và xứng đáng áp ủ, vì nó đặt nền tảng trên sự trung thành trọn vẹn nơi Thiên Chúa có sức mạnh hơn cái yếu đuối của mỗi chúng ta.”

10- Đoạn 57: “Đức tin không phải là những tia sáng rải rác trong bóng tối của chúng ta, mà là một ngọn đèn đưa lối cho chúng ta đi trong đêm tối, đầy đủ cho cả cuộc hành trình của chúng ta. Đối với những ai đau khổ, Thiên Chúa không cung cấp lý lẽ để cắt nghĩa mọi sự, mà đúng ra đáp ứng của người là sự hiện diện, là lịch sử của thiện ích, nó đánh động câu chuyện đau khổ và mở ra một tia sáng. Trong Chúa Kito, chính Thiên Chúa ước muốn chia sẻ bước đường này với chúng ta để ban cho chúng ta cái nhìn của Người để chúng ta có thể nhìn thấy ánh sáng mà đi. Chúa Kito, người đã từng chịu đau khổ, là “người mở đường và kiện toàn đức tin của chúng ta” (Dt 12:2).”

ĐÔI LỜI KẾT

Người ta có thể nhìn, có thể nghe Biển Đức XVI trên từng trang giấy, nhưng người ta cũng dễ dàng thấy Phanxico không những chỉ hiểu và bao quát được giảng huấn sâu xa của Biển Đức, mà còn thêm vào đó cái sinh khí tươi mát nhưng nồng cháy của sứ vụ Phêro của ngài mà mọi người đều nhận ra được ngay lúc ngài vừa được bầu làm giáo hoàng hôm 13 tháng 3 năm nay.

Khi vừa cho ra thông điệp đầu tay của đức Phanxico - công trình do 4 bàn tay -, chúng tôi thực sự cảm thấy lời của Chesterton nói về một Phanxico khác như đang sống lại ở thời đại chúng ta ngày nay: “Điều Biển Đức tôn trọng thì Phanxico đem trải ra”. Nhiều người có vẻ khoái chí khi chỉ ra những phạm vi bị đứt đoạn hoặc mất liên tục giữa hai vị giáo hoàng. Nhưng “Ánh Sáng Đức Tin” đã làm cho ý nghĩ đó không còn nữa. Chúng ta không thể quên được bất cứ những gì mà Đức Phanxico chọn khi Biển Đức XVI từ nhiệm đã làm cho văn phòng giáo chủ

thay đổi. Quyết định từ nhiệm của Biển Đức XVI cũng chẳng hàm chứa một thay đổi gì về đường lối của Giáo Hội. Biển Đức là một thần học gia vĩ đại và một thầy dạy tuyệt vời. Phanxico là “trường tế”, một người xây cầu, là người của thần học, người có cái thông minh thâm trầm của một mục tử, người của đại chúng.

Sự thông minh của đức Phanxico tỏ lộ qua giảng huấn của ngài về lòng Chúa thương xót, ngay cả những khi ngài nói chuyện. Về lâu về dài, đường lối của ngài cũng không đặt nặng vấn đề sắc phục hay kiểu cạo ngài ghế, thánh giá vàng khi rước sách hoặc điệu bộ đi đứng cho có vẻ giáo hoàng. Thay vào đó những cái bề ngoài này lại được đặt đúng chỗ nơi thánh thiêng, thích hợp với tính duy nhất và phổ quát của sứ vụ giáo hoàng. Biển Đức là thầy dạy vĩ đại, vị kế tiếp là Phanxico là mục tử nhân lành, một mẫu mực cho tất cả chúng ta, những người có niềm tin cao cả nhưng khiêm nhường. Các ngài dạy chúng ta phải sống cuộc sống đúng nghĩa thần học, biết cầu nguyện liên tục và chiêm niệm trong thinh lặng. Những việc này sẽ giúp chúng ta sống đúng luân lý, bác ái và công bằng, biết dần thân hy sinh cho tha nhân.

Khi chúng tôi đọc những lời kết của “Ánh Sáng Đức Tin”, tôi đã tưởng tượng Biển Đức và Phanxico đang ngồi trong hang đá Lộ Đức ở vườn Vatican không xa lắm cả hai tư dinh tại Domus Sanctae Marthe và nhà dòng vừa được tân trang cho vị giáo hoàng danh dự. Cả hai cùng cất giọng đọc chung những lời trong đoạn 57:

“Chúng ta hãy từ chối, đừng để cho ai đánh cướp mất hy vọng của chúng ta hoặc để cho nó bị lu mờ vì những hỏi đáp và giải quyết dễ dàng làm cản trở bước tiến của chúng ta, bằng cách đập phá thời gian “thành từng mảnh” và biến đổi nó thành không gian. Thời gian thì luôn luôn to lớn hơn không gian nhiều. Không gian thì làm chại cứng những tiến trình phát triển trong khi thời gian thúc đẩy vươn đến tương lai và khuyến khích chúng ta đi tới trong hy vọng.”

Điều mà Biển Đức tồn trữ thì Phanxico đem trải tung ra. “Ánh sáng Đức tin” giúp chúng ta không bao giờ để mất tầm nhìn về sự liên tục sâu xa giữa giáo hoàng Biển Đức XVI và giáo hoàng Phanxico. Sự liên tục này không chỉ biểu lộ ở chỗ cùng làm phép tượng ở vườn Vatican, cũng không phải ở chỗ cùng chia sẻ bản thông điệp được sửa soạn với tình yêu mến và tận hiến, nhưng được biểu lộ trong viễn ảnh các ngài cùng chia sẻ về đức tin và nhận biết là Thiên Chúa hướng dẫn Giáo Hội không phải một giáo hoàng đặc biệt nào vào bất cứ lúc nào trong lịch sử.

Fleming Island, Florida

July 18, 2013

NTC

BẢN TÓM TẮT THÔNG ĐIỆP ÁNH SÁNG ĐỨC TIN - LUMEN FIDEI

Chuyển ngữ: Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD.

Ánh Sáng Đức Tin là thông điệp đầu tiên của Đức Phanxico. Bản thông điệp gồm có 4 chương cộng với phần mở đầu và phần kết thúc. Đức Thánh Cha nói rằng tông thư này là thông điệp bổ túc cho hai thông điệp về Bác Ái và Hy Vọng của Đức Biển Đức XVI, ngài chỉ tiếp nối “công trình” đã được thực hiện và hầu như đã gần hoàn thành bởi vị tiền nhiệm. Sau này ngài chỉ đóng góp chút ít vào bản nháp ban đầu hiện có mà thôi.

Đây là bản chuyển ngữ theo Bản Tóm Tắt chính thức của Vatican: Ánh Sáng Đức Tin / Lumen Fidei ra mắt ngày 5-7-2013 đã được Đức Phanxico ký ngày 29-6-2013 (Zenit.org)



PHẦN MỞ ĐẦU (Các số 1-7)

Phần mở đầu của Ánh Sáng Đức Tin là phần giới thiệu những chủ đề căn bản của tập tài liệu. Trước tiên là nhắc lại những tính chất đặc thù của Ánh Sáng Đức Tin, có thể làm nổi bật sự hiện hữu của tất cả mọi con người hầu giúp họ phân biệt tốt với xấu, đặc biệt trong thời đại tân kỳ này là nơi mà niềm tin đối nghịch với tìm hiểu và, đức tin bị coi như là một ảo tưởng, một khoảng trống ngăn cản tự do của con người. Thứ đến, Ánh Sáng Đức Tin - đặc biệt năm nay là Năm Đức Tin và cũng là kỷ niệm 50 năm Công Đồng Vatican II, một Công Đồng về Đức Tin - có chủ đích làm hồi phục quan niệm về chiều rộng của chân trời đức tin, mở rộng để nó có thể được chấp nhận trong hiệp nhất và tinh tuyền. Thực vậy, đức tin không phải là cái gì tự nhiên mà có, mà là tặng vật Chúa ban để được nuôi dưỡng và tăng trưởng. “*Ai tin thì thấy*” - Đức Thánh Cha (ĐTC) viết - bởi vì ánh sáng đức tin đến từ Thiên Chúa và có thể chiếu sáng mọi mặt của con người hiện hữu: Nó khởi đầu từ quá khứ, từ kỷ ức về đời sống của chúa Giêsu, nhưng cũng đến từ tương lai để nó mở tung ra những chân trời rộng lớn.

CHƯƠNG MỘT (Các số 8-22)

Chúng ta tin vào tình yêu (1Ga 4:16).

Nhớ lại hình ảnh Abraham trong kinh Thánh, trong chương này, đức tin được cắt nghĩa như là “*lắng nghe*” lời Chúa, lời “*kêu gọi*” hãy ra khỏi con người cô lập của mình để tự bước vào một nếp sống mới và, “*hứa hẹn*” về tương lai, nó làm cho bước đường liên tục xuyên suốt thời gian của chúng ta trở thành khả dĩ và liên kết chặt chẽ với niềm hy vọng. Đức tin cũng hàm ý “*tình cha con*”, bởi vì Thiên Chúa là đấng kêu gọi chúng ta không phải là người xa lạ, nhưng là Chúa, là người cha, là nguồn sống của thiện hảo tức nguồn gốc và sức sinh tồn của mọi vật. Trong lịch sử Israel, đức tin thì đối nghịch với thờ ngẫu tượng, ở đó ước vọng con người bị bể nát ra thành nhiều mảnh và “*cuộc sống của họ bị phân tán ra muôn vàn thời khắc rời rạc*”, không để cho họ có thời giờ chu toàn lời hứa. Trái lại, đức tin là tin tưởng vào lòng yêu thương nhân hậu của Thiên Chúa; nó luôn luôn chào đón và tha thứ, uốn nắn cho ngay thẳng “*những đường cong queo của cuộc đời lịch sử của chúng ta*”; nó là ước muốn tự mình cải đổi một lần nữa nhờ “*tặng phẩm Thiên Chúa ban nhưng không kêu gọi phải khiêm tốn và can đảm để tin tưởng và phó thác; nó khả dĩ giúp chúng ta nhìn thấy con đường sáng dẫn đưa tới gặp gỡ Thiên Chúa và nhân loại, lịch sử ơn cứu độ*” (s. 14). Ở đây đức tin có cái gì “*ngịch lý*”: liên tục quay về với Chúa giúp con người được bền vững, giải phóng chúng ta khỏi tà thần.

Bây giờ Ánh Sáng Đức Tin hướng về hình ảnh chúa Giêsu, đáng trung gian mở cho chúng ta đến một sự thật lớn hơn chúng ta, là sự biểu lộ của tình yêu Thiên Chúa là nền tảng của đức tin: “*Khi chiêm ngưỡng cái chết của Chúa Giêsu..., đức tin của chúng ta trở nên mạnh mẽ hơn*”, vì trong đó Người thể hiện tình yêu không hề lay chuyển của Người đối với loài người. Sự phục sinh của Người làm cho chúa Kitô thành “*nhân chứng đáng tin cậy*”, “*xứng đáng đức tin*”, qua Người, Thiên Chúa hành động thực sự xuyên suốt cả lịch sử, xác định số phận sau cùng của nó. Nhưng có một “*khía cạnh quyết định*” của đức tin nơi chúa Giêsu là: “*tham gia vào cách nhìn của Chúa*”. Thực vậy, đức tin không phải chỉ nhìn tới chúa Giesu mà còn từ quan điểm của

Người, với con mắt của Người. Đức thánh cha dùng loại suy để cắt nghĩa, cũng giống như trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, là chúng ta đặt tin tưởng của chúng ta nơi *“những người hiểu biết nhiều hơn chúng ta”*-như kiến trúc sư, dược sĩ, luật sư- cũng vậy đối với đức tin, chúng ta cần người đáng tin cậy và chuyên môn *“nơi Thiên Chúa quan tâm”* và chúa Giêsu là *“người làm cho chúng ta nhận biết Thiên Chúa”*. Do đó chúng ta tin chúa Giêsu khi chúng ta chấp nhận Lời của Người, chúng ta tin vào chúa Giêsu khi chúng ta chào đón Người trong cuộc sống của chúng ta và phó thác chúng ta cho Người. Thực vậy, việc chúa nhập thể bảo đảm rằng đức tin không tách rời chúng ta khỏi thực tế, mà thực ra là giúp chúng ta nắm chặt lấy ý nghĩa sâu xa nhất của nó. Nhờ có đức tin, con người tự cứu mình khi họ tự mở rộng mình cho một Tình Yêu đã có từ trước và biến đổi họ từ bên trong. Đây là hành động thực sự của Chúa Thánh Thần: *“Người Kito hữu có thể nhìn bằng con mắt của chúa Giêsu và dự phần vào ý nghĩ của Người, cách sắp đặt con cái của Người, bởi vì họ can dự vào tình yêu của họ là chúa Thánh Linh”* (s.21). Không có sự hiện diện của chúa Thánh Thần thì không tài nào có thể tuyên xưng Chúa được. Do đó *“đời sống của người tín hữu trở thành sự hiện hữu của Giáo Hội”*, bởi vì đức tin được tuyên xưng ngay trong cơ thể của Giáo Hội như là *“sự hiệp thông cụ thể của các tín hữu”*. Người Kitô hữu là *“những người”* không bị mất nhân tính của mình vì khi họ phục vụ tha nhân thì họ lại quay trở lại với chính họ. Vậy thì *“đức tin không phải là một vấn đề riêng tư, một quan niệm hoàn toàn có tính cách cá nhân hay một ý kiến riêng biệt”* mà đúng ra là *“nó đến do nghe thấy và tìm cách diễn tả bằng lời để tuyên xưng”*.

CHƯƠNG HAI (Các số 23-36)

Không tin thì không hiểu (Is 7:9).

Đức thánh cha cho thấy có sự liên kết chặt chẽ giữa đức tin và sự thật, sự thật đáng tin cậy về Thiên Chúa, sự hiện diện của Người theo đức tin xuyên suốt dòng lịch sử. “Đức tin mà không thật thì không cứu rỗi -ĐTC viết- Nó còn là một câu chuyện đẹp, phản ánh ước muốn sâu xa của chúng ta về hạnh phúc”. Và bây giờ, vì có sự *“khoảng cách về sự thật ở thời đại chúng ta”*, nên điều cần thiết hơn bao giờ hết từ trước đến giờ là phải nhắc lại mối liên kết này, là nền văn hóa đương thời có khuynh hướng chỉ chấp nhận sự thật kỹ thuật, điều mà con người đang điều hành để thiết lập và đo lường bằng khoa học, sự thật có *“tác dụng”* hay đúng ra sự thật đơn độc chỉ có giá trị đối với từng cá nhân mà không phụng sự cho công ích. Ngày nay, chúng ta đã nghi ngờ *“chính Sự Thật, một sự thật có thể giảng giải một cách dễ hiểu về đời sống của chúng ta ở phương diện cá nhân và xã hội”*, bởi vì nó đã được kết hợp một cách sai lầm với những sự thật mà những hình thái của chủ nghĩa toàn trị ở thế kỷ 20 đã đặt ra. Tuy nhiên, việc này đã dẫn đến tình trạng *“mất trí nhớ tập thể trong thế giới đương đại của chúng ta”* là quên mất cái vấn nạn về sự thật này và về nguồn gốc của mọi sự, tức vấn nạn về Thiên Chúa, làm lợi cho chủ thuyết tương đối và hoang sợ chủ nghĩa cuồng tín. Ánh sáng đức tin nhấn mạnh sự liên kết giữa đức tin và tình yêu và giúp ta hiểu vấn đề không phải vì *“sức cảm mau qua”*, mà vì tình yêu vĩ đại của Thiên Chúa có thể biến đổi chúng ta từ bên trong và ban cho chúng ta nhãn quan mới để nhìn rõ thực tế. Vì vậy, nếu đức tin được liên kết với sự thật và tình yêu, thì lúc đó *“tình yêu và sự thật không thể xa lìa nhau được”*, bởi vì chỉ có tình yêu thực mới đứng vững trước thử thách của thời gian và trở thành nguồn mạch của hiểu biết. Khi mà sự hiểu biết về đức tin được phát sinh ra do tình yêu trung thành với Thiên Chúa thì *“sự thật và sự trung tín sẽ sánh đôi với nhau”*. Sự thật khai mở đức tin là sự thật đặt trọng tâm vào việc tiếp cận với chúa Kito nhập thể, Người -đến giữa chúng ta- đã kích động chúng ta và ban cho chúng ta ân sủng của Người để cải đổi tâm hồn chúng ta.

Ở điểm này, ĐTC bắt đầu suy tư rộng ra về *“cuộc đàm thoại giữa đức tin và lý trí”*, về sự thật trong thế giới ngày nay, trong đó đối thoại thường bị thu hẹp lại thành *“một xác thực có tính chủ quan”*, vì sự thật bình thường hay gây cảm giác sợ hãi, và thường được định tính là những đòi hỏi cố chấp của chủ nghĩa toàn trị. Thay vào đó, nếu sự thật là sự thật của tình yêu Thiên Chúa thì nó không thể bị áp đặt bằng bạo lực và không đàn áp người ta. Do đó, đức tin thì không cố chấp và, người tín hữu cũng không kiêu căng ngạo mạn. Trái lại, đức tin làm cho

người tín hữu trở thành khiêm tốn đồng thời dẫn đưa người ta đến chỗ cùng chung sống và nể trọng tha nhân. Từ đó, nó theo đường lối đức tin dẫn đưa đến đàm thoại về nhiều phương diện: về phương diện khoa học, vì nó làm sống lại tinh thần phê bình và mở rộng chân trời lý trí, mời gọi chúng ta chiêm ngưỡng cảnh Thiên Chúa sáng tạo vũ trụ mà ngỡ ngàng; về phạm vi liên tôn, trong đó Kito giáo chia sẻ những đóng góp của riêng mình; về đối thoại với những người không phải là tín hữu, là những người không ngừng tìm tòi, *“ráng sức sống như thể là có Thiên Chúa hiện hữu”*, bởi vì *“Thiên Chúa là ánh sáng và bất cứ ai muốn tìm kiếm Người với thiện tâm thì đều thấy được”*. *“Bất cứ ai -ĐTC nhấn mạnh- bước lên đường đi làm việc thiện cho tha nhân, thì họ đã đang tiến gần đến Thiên Chúa rồi”*. Sau cùng, Ánh Sáng Đức Tin nói về vấn đề thần học và xác định là không thể không có Đức Tin, bởi vì Thiên Chúa không phải là một “vật thể” đơn giản, mà đúng ra là một Chủ Thể tự biết. Thần học là một tham dự / góp phần vào sự hiểu biết về Thiên Chúa; do đó thần học phải được xếp đặt để phục vụ đức tin Kito giáo và huấn quyền của Giáo Hội không phải là một giới hạn ngăn cản tự do thần học, nhưng thật ra là một trong những yếu tố tạo thành của nó vì nó bảo đảm việc tiếp cận với suối nguồn gốc rễ là Lời Đức Kito.

CHƯƠNG BA (Các số 37- 49)

Tôi đã truyền lại cho anh em những điều mà tôi đã nhận được (1 Cr 15:3)

Chương này hoàn toàn nhắm vào sự quan trọng của việc hoành dương Tin Mừng. ĐTC viết: Ai đã tự mở lòng mình với tình yêu Thiên Chúa thì không thể giữ cái tặng vật này cho riêng mình được. Ánh sáng chúa Giesu chiếu rọi vào chính diện những người Kito hữu và lan tỏa ra theo cùng một cách thức đó, nó lưu truyền bằng hình thức va chạm giống như ngọn lửa được mỗi từ người này rồi truyền qua người khác, từ thế hệ này sang thế hệ kia, xuyên qua những mắt xích không đứt đoạn của những chứng nhân đức tin. Điều này dẫn đến một liên hợp giữa đức tin và ký ức vì tình yêu Thiên Chúa giữ cho hiệp nhất trong mọi thời đại, khiến cho chúng ta thành những người của chúa Kito cùng một thời với nhau. Ngoài ra, *“không thể nào tin vào chính chúng ta được”*, bởi vì đức tin không phải là *“một quyết định của cá nhân”* mà phải mở rộng từ *“Tôi”* đến *“Chúng Tôi”* và luôn luôn xảy ra *“trong cộng đồng Giáo Hội”*. Do đó, *“những ai tin thì không bao giờ bị cô đơn”*, bởi lẽ họ khám phá thấy những không gian của chính họ được mở rộng thêm và phát sinh ra những tương quan mới làm phong phú cho cuộc sống.

Tuy nhiên, còn có *“một phương cách đặc biệt nữa”*, nhờ đó mà đức tin có thể được truyền lan đi là các phép bí tích, trong đó *“ký ức nhập thể”* phải được thông công. Trước tiên ĐTC nói tới bí tích Thanh Tẩy -cho trẻ em cũng như người lớn dưới hình thức dự tòng- tức nhắc nhở chúng ta là đức tin không phải là việc làm của cá nhân riêng lẻ, một công việc mà người ta có thể thi hành một mình, nhưng phải được nằm trong sự thông công của Giáo Hội. *“Không ai được tự mình rửa tội cho mình”*. Ngoài ra, vì đứa trẻ được rửa tội không thể tự mình tuyên xưng đức tin nên cần phải có sự phụ giúp của cha mẹ đẻ và cha mẹ đỡ đầu. *“Sự cộng tác giữa Giáo Hội và gia đình là cần thiết”*. Thứ đến, tông thư nhắc đến Bí tích Thánh Thể, là *“của ăn quý hóa cho đức tin”*, một *“cử chỉ nhớ lại, một tặng vật của màu nhiệm”*, nó *“dẫn đưa từ thế giới hữu hình đến thế giới vô hình”* chỉ dạy cho chúng ta biết chiều sâu của thực tế. ĐTC từ đó nói đến việc tuyên xưng đức tin, bằng Kinh Tin Kính, trong đó người tín hữu không phải chỉ tuyên xưng đức tin mà còn phải dấn thân vào sự thật mà họ tuyên xưng. Đó là cầu nguyện, kinh Lạy Cha, nhờ đó, người Kito hữu học nhìn qua cách nhìn của chúa Kito. Mười Điều Răn của Chúa, không nên hiểu là *“những giới răn có tính tiêu cực”*, mà thực ra là *“những chỉ dẫn cụ thể”* để đi đến đối thoại với Thiên Chúa, để được *“Chúa thương xót che chở”*, là *“con đường tri ân”* đối với việc hiệp thông hoàn toàn với Thiên Chúa. Sau cùng, ĐTC nhấn mạnh chỉ có một đức tin, bởi vì chỉ có *“một Thiên Chúa là đáng mà người ta biết và tuyên xưng”*, bởi vì nó hướng dẫn đến một Thiên Chúa, đáng ban cho chúng ta *“một sự chiêm ngưỡng chung”* và *“được chia sẻ bởi toàn thể Giáo Hội là một thân thể và một thần linh”*. Do đó chỉ có một đức tin mà thôi và nó phải được tuyên xưng với tất cả vẻ tinh tuyền và trọn vẹn của nó: *“Tính duy nhất của đức tin chính là tính duy nhất của Giáo Hội”*; lấy một cái gì ra khỏi đức tin là lấy ra một cái gì khỏi tính trung

thực của sự hiệp thông. Hơn nữa, vì tính duy nhất của đức tin cũng là tính duy nhất của một cơ quan sống, cho nên có thể đồng hóa / tiêu hóa tất cả những gì mà nó gặp, chứng tỏ tự nó là phổ quát, là công giáo, là sáng láng và khả dĩ dẫn đưa tất cả vũ trụ và toàn thể lịch sử đến một biểu thị tinh tế nhất của nó. Tính duy nhất này được bảo đảm bởi sự kế tiếp liên tục của các tông đồ.

CHƯƠNG BỐN (Các số 50-60)

Thiên Chúa chuẩn bị cho họ một thị trấn (Dt 11:16)

Chương này cắt nghĩa sự liên hệ giữa đức tin và lợi ích chung, nó dẫn tới sự tạo thành một nơi trong đó người nam và người nữ sống với nhau cùng với những người khác. Đức tin được sinh ra do tình yêu của Thiên Chúa, nó làm cho sự gắn bó giữa con người và chính nơi ấy được mạnh mẽ để phục vụ công lý, quyền lợi và hòa bình. Vì vậy, nó không làm cho người ta xa cách thế giới và không liên hệ với những cam kết thực sự của con người thời nay. Trái lại, nếu không có tình yêu Thiên Chúa, mà chúng ta tin tưởng thì những gắn bó giữa con người với nhau có lẽ chỉ đặt trên lợi ích, quyền lợi và sợ hãi. Trong khi đó đức tin nắm giữ một nền tảng xa xa nhất của tình liên đới giữa con người với nhau, số phận chung cuộc của họ nơi Thiên Chúa, và xếp đặt họ để phụng sự thiện ích chung. Đức tin thì *“cho tất cả mọi người, vì nó là lợi ích chung”*, mục đích của nó không đơn thuần là xây dựng đời sau mà là giúp họ thiện hóa xã hội để họ có thể cùng nhau đi đến một tương lai hy vọng.

Thông điệp bấy giờ coi những phạm vi này như được đức tin soi sáng: Trước hết là gia đình đặt nền tảng trên hôn nhân, được hiểu là một nối kết giữa người nam và người nữ. Điều này có được là do nhận biết và chấp nhận tính tốt lành của sự khác biệt giới tính và, dựa vào tình yêu trong chúa Kito, hứa hẹn *“một tình yêu đời đời”* và thừa nhận tình yêu như là tạo hóa dẫn đưa tới việc sinh con cái. Rồi, giới trẻ. Ở đây ĐTC nhắc đến Ngày Giới Trẻ Thế Giới, ở đó những người trẻ chứng tỏ *“niềm vui đức tin”* và họ cam kết sống đức tin một cách vững chắc và quảng đại. *“Những người trẻ muốn sống -ĐTC viết- một cuộc sống thật đầy đủ”*. *“Gặp gỡ chúa Kito... mở rộng chân trời hiện hữu, cho nó một hy vọng chắc nịch sẽ không làm ai phải thất vọng. Đức tin không phải là nơi trú ẩn cho những kẻ nhút nhát, nhưng là cái gì có thể hưng phấn cuộc sống của chúng ta”*. Lại nữa, trong mọi liên đới xã hội, nhờ làm cho chúng ta thành con cái Thiên Chúa, đức tin thực sự cho ra một ý nghĩa mới về tình huynh đệ phổ quát, nó không đơn thuần là bình đẳng mà đúng ra còn là một cảm nghiệm chung về tình cha con của Thiên Chúa, sự hiểu biết về phẩm giá độc nhất của mỗi người. Một phạm vi nữa là phạm vi bản tính của đức tin. Đức tin giúp chúng ta biết kính trọng nó, biết *“tìm kiếm những mẫu mực phát triển đặt căn bản không chỉ đơn thuần trên tiện nghi và lợi nhuận mà còn coi việc tạo dựng như là một tặng phẩm”*. Nó dạy chúng ta tìm kiếm những hình thái chính phủ, trong đó quyền lực đến từ Thiên Chúa và phụng sự công ích. Nó đưa ra cho chúng ta những khả dĩ để tha thứ sẽ dẫn đưa chúng ta vượt thắng mọi bất hòa. *“Khi đức tin trở nên yếu -ĐTC viết- thì nền tảng của nhân loại cũng bị lâm nguy yếu theo”*, và nếu chúng ta lấy đức tin trong Chúa ra khỏi những tình thành của chúng ta thì chúng ta sẽ làm mất sự tin tưởng nơi nhau và có liên kết cũng chỉ vì sợ hãi. Do đó, chúng ta không được xấu hổ khi công khai tuyên xưng đức tin, bởi vì đức tin soi sáng đời sống xã hội. Một phạm vi nữa được đức tin soi sáng là vấn đề đau khổ và sự chết: Người Kito hữu biết rằng đau khổ không thể bị hủy bỏ đi được, nhưng nó có một ý nghĩa của nó là phó thác vào tay Thiên Chúa là đáng không bao giờ bỏ rơi chúng ta và vì vậy nó trở thành *“cơ hội cho đức tin lớn mạnh”*. Đối với kẻ đau khổ, Thiên Chúa không cho lý do để cắt nghĩa tất cả mọi sự, nhưng thực ra Chúa cung hiến cho chúng ta sự hiện diện của người luôn luôn theo sát chúng ta, mở rộng điểm sáng trong bóng tối. Theo nghĩa đó thì đức tin liên kết với hy vọng. Ở đây ĐTC kêu gọi: *“Chúng ta hãy từ chối đừng để cho hy vọng bị cướp mất, hay để nó bị lu mờ vì những hồi đáp và giải quyết dễ dàng làm cản trở bước tiến của chúng ta”*.

KẾT LUẬN (Các số 58-60)

Phúc cho ai có lòng tin (Lc 1:45)

Trong phần kết của thông điệp, ĐTC mời gọi chúng ta nhìn về Mẹ Maria, “*biểu tượng toàn hảo*” của đức tin, mẹ là mẹ Chúa Giêsu, đã nhận thức được “*đức tin và niềm vui*”. ĐTC cất cao lời cầu của ngài lên mẹ Maria là mẹ có thể trợ giúp con người trong niềm tin của họ, nhắc nhở chúng ta là những kẻ tin thì không bao giờ cô đơn và dạy chúng ta biết nhìn theo cách nhìn của chúa Giêsu.

(July 5, 2013) @Innovative Media Inc.

Fleming Island, Florida

July 8, 2013

Nguyễn Tiến Cảnh chuyển ngữ.

VỀ MỤC LỤC

Bản dịch phần mở đầu và chương một Thông điệp Ánh Sáng Đức Tin

THÔNG ĐIỆP ÁNH SÁNG ĐỨC TIN - LUMEN FIDEI CỦA ĐỨC THÁNH CHA PHANXICÔ GỬI CHO CÁC GIÁM MỤC, LINH MỤC VÀ PHÓ TẾ NHỮNG NGƯỜI ĐÃ THÁNH HIẾN VÀ TÍN HỮU GIÁO DÂN VỀ ĐỨC TIN

1. Ánh sáng đức tin (Lumen Fidei): bằng cách diễn tả này, truyền thống của Hội Thánh nói về hồng ân cả thể mà Chúa Giêsu mang lại. Trong Tin Mừng Thánh Gioan, Đức Kitô nói về chính mình rằng: “*Tôi, là ánh sáng, Tôi đến thế gian, để bất cứ ai tin vào Tôi, thì không ở lại trong bóng tối*” (Ga 12:46). Thánh Phaolô cũng đưa ra những lời dưới đây: “*Thiên Chúa là Đấng đã phán: ‘Ánh sáng hãy bùng lên từ nơi tối tăm,’ cũng là Đấng làm cho ánh sáng chiếu soi tâm hồn chúng tôi*” (2 Cor 4:6). Trong thế giới ngoại giáo, là thế giới khao khát ánh sáng, đã phát triển nghi thờ tế thần mặt trời, *Sol Invictus*, được cầu khẩn mỗi ngày vào lúc mặt trời mọc. Tuy nhiên, nếu mặt trời mọc lên mỗi buổi sáng, thì người ta biết rõ rằng nó không có khả năng chiếu sáng trên toàn thể đời sống con người. Thực ra, mặt trời không soi sáng mọi thực tại; tia sáng của nó không thể xuyên qua bóng tối sự chết, nơi đôi mắt của con người nhắm lại với ánh sáng của nó. Thánh Gustinô Tử Đạo viết “*Có ai đã từng tìm thấy một người muốn chết để làm chứng cho đức tin vào mặt trời của mình chưa?*” [1]. Ý thức được chân trời bao la mà đức tin mở ra trước họ, các Kitô hữu gọi Đức Kitô là mặt trời thật “*mà những tia sáng của Người ban sự sống*” [2]. Đối với bà Martha, người đã khóc vì cái chết của em trai mình là Ladarô, Chúa Giêsu nói: “*Thầy đã chẳng nói với con rằng nếu con tin, con sẽ được thấy vinh quang của Thiên Chúa sao?*” (Ga 11:40). Hãy xem, người nào tin, người ấy thấy một ánh sáng soi sáng toàn thể cuộc hành trình của mình, bởi vì ánh sáng ấy đến từ Đức Kitô Phục Sinh, sao mai không bao giờ lặn.

Một ánh sáng hão huyền?

2. Tuy nhiên, khi nói về ánh sáng đức tin, chúng ta có thể nghe thấy sự phản đối của nhiều người đương thời với mình. Trong thời hiện đại, người ta nghĩ rằng ánh sáng ấy có thể đủ cho các xã hội cũ, nhưng không còn ích lợi gì cho thời đại mới, bởi vì con người đã trưởng thành, tự hào về lý trí của mình, và muốn khám phá tương lai bằng những cách mới lạ. Theo nghĩa này, đức tin đã xuất hiện như một ánh sáng hão huyền, cản đường nhân loại trong việc táo bạo

vun trồng kiến thức. Nietzsche khi còn trẻ khuyến khích em gái là Elisabeth chấp nhận rủi ro, để bước đi “con đường mới ... với tất cả sự không chắc chắn của một người phải tìm con đường riêng của mình”, và thêm rằng “đây là nơi mà con đường của nhân loại rẽ đôi: nếu em muốn an bình và hạnh phúc của tâm hồn, thì hãy tin, nhưng nếu em muốn trở thành một môn đồ của chân lý, thì hãy tìm kiếm” [3]. Việc làm của đức tin trái ngược với việc làm của tìm kiếm. Từ điểm khởi đầu này, Nietzsche đổ lỗi cho Kitô giáo là đã làm giảm ý nghĩa trọn vẹn của cuộc sống con người và tước đoạt sự mới lạ và phiêu lưu khỏi cuộc sống. Như vậy đức tin như một ảo ảnh của ánh sáng, một ảo ảnh ngăn chặn con đường tiến về tương lai của những người tự do chúng ta.

3. Trong tiến trình này, đức tin đã có liên hệ với bóng tối. Người ta đã nghĩ rằng có thể bảo vệ đức tin, tìm cho nó một chỗ để nó cùng tồn tại với ánh sáng của lý trí. Chỗ dành cho đức tin đã mở ra ở đó những nơi mà ánh sáng của lý trí không thể soi sáng được, những nơi mà con người không còn có thể có sự chắc chắn. Như thế, đức tin được hiểu hoặc như một bước nhảy vọt trong chân không, mà chúng ta thực hiện trong trường hợp không có ánh sáng, được điều khiển bởi cảm giác mù quáng, hoặc như một ánh sáng chủ quan, có thể có khả năng sưởi ấm tâm hồn và mang lại niềm an ủi cá nhân, nhưng không thể đề nghị cho người khác như ánh sáng khách quan và cộng đồng để chiếu soi con đường. Tuy nhiên, từ từ, người ta thấy rằng ánh sáng của lý trí tự nó không đủ để soi sáng tương lai; cuối cùng tương lai vẫn còn mù mịt và đặt con người trong vòng sợ hãi về những điều họ không biết rõ. Kết quả là con người từ bỏ việc tìm kiếm một ánh sáng vĩ đại, một Chân Lý Cao Cả, để hài lòng với những ánh sáng bé nhỏ là những ánh sáng chiếu soi những gì thoáng qua, nhưng không có khả năng chỉ đường. Tuy nhiên, khi vắng bóng ánh sáng, mọi sự trở nên mơ hồ, khiến chúng ta không thể phân biệt được tốt xấu, không thể phân biệt được con đường dẫn đến cùng đích của mình và những con đường khác dẫn chúng ta đi vòng vo mà không đến đâu cả.

Một ánh sáng để tái khám phá

4. Như thế có một nhu cầu cấp bách để phục hồi căn tính đặc biệt của ánh sáng đức tin, vì khi ngọn lửa đức tin bị lụi tàn thì tất cả những ánh sáng khác bắt đầu lu mờ. Thực ra, ánh sáng đức tin có một căn tính độc đáo, vì nó có khả năng chiếu soi tất cả mọi khía cạnh của đời sống con người. Để có một ánh sáng cũng mạnh mẽ như thế, nó không thể đến từ chính chúng ta nhưng từ một nguồn nguyên thủy hơn, nó dứt khoát phải đến từ Thiên Chúa. Đức tin phát sinh từ một cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa hằng sống, Đấng mời gọi chúng ta và mặc khải cho chúng ta tình yêu của Ngài, một tình yêu đi trước chúng ta và trên đó chúng ta có thể dựa vào để được an toàn và để xây dựng cuộc đời mình. Được biến đổi bởi tình yêu này, chúng ta nhận được đôi mắt mới, chúng ta cảm nhận rằng đó là một lời hứa cả thể về sự viên mãn, và viễn tượng về tương lai đang mở ra trước mắt chúng ta. Đức tin mà chúng ta nhận được từ Thiên Chúa như một hồng ân siêu nhiên, trở thành một ánh sáng cho con đường của chúng ta, hướng dẫn cuộc hành trình của chúng ta trong thời gian. Một đàng, đó là một ánh sáng đến từ quá khứ, là ánh sáng nền tảng tường niệm cuộc đời Chúa Giêsu, là cuộc đời tỏ lộ tình yêu hoàn toàn đáng tin cậy của Người, có khả năng chiến thắng sự chết. Tuy nhiên, đồng thời vì Đức Kitô đã sống lại và kéo chúng ta ra khỏi cái chết, đức tin cũng là ánh sáng đến từ tương lai, mở ra trước mắt chúng ta những chân trời rộng lớn hướng dẫn chúng ta thắng vượt “cái tôi” cô lập của mình hướng về sự phong phú của sự hiệp thông. Như vậy chúng ta hiểu rằng đức tin không ở trong bóng tối; nhưng là một ánh sáng chiếu soi bóng tối của chúng ta. Dante, sau khi tuyên xưng đức tin của mình với Thánh Phêrô, đã diễn tả nó trong *Bi Kịch về Thiên Chúa (La Divine Comédie)* như một “tia lửa, mà sau đó trở thành một ngọn lửa cháy và chiếu sáng trong tôi như một ngôi sao trên trời” [4]. Chính ánh sáng này của đức tin là điều mà tôi muốn nói đến, ngõ hầu nó có thể lớn lên và soi sáng hiện tại, cho đến khi trở thành một ngôi sao soi chiếu những chân trời của cuộc hành trình của chúng ta, vào một thời điểm mà nhân loại đặc biệt cần ánh sáng.

5. Trước cuộc khổ nạn, Chúa đảm bảo cùng Thánh Phêrô: “Thầy đã cầu nguyện cho con để con khỏi mất đức tin” (Lc 22:32). Sau đó Người yêu cầu ông phải “làm cho các anh em ông nên mạnh mẽ” trong cùng một đức tin. Ý thức về nhiệm vụ được trao phó cho người Kế Vị Thánh Phêrô, Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đã muốn công bố Năm Đức Tin này, một thời

gian ân sủng giúp chúng ta cảm nhận được niềm vui lớn lao của việc tin, phục hồi nhận thức về sự bao la của những chân trời mà đức tin mở ra, để tuyên xưng đức tin trong tính duy nhất và toàn vẹn của nó, trung thành với việc tưởng niệm về Chúa và được nâng đỡ bởi sự hiện diện của Người cùng hoạt động của Chúa Thánh Thần. Niềm xác tín phát sinh từ một đức tin mang lại cho cuộc sống sự cao cả và thành tựu, đặt trọng tâm vào Đức Kitô và vào quyền năng của ân sủng Người, đã sinh động hóa sứ vụ của các Kitô hữu tiên khởi. Trong Công Vụ của các vị tử đạo, chúng ta đọc cuộc đối thoại sau đây giữa quan giám sự Rôma Rusticô và Kitô hữu Hierax: Quan tòa hỏi vị tử vì đạo “*Cha mẹ ngươi ở đâu?*” ông trả lời: “*Cha thật của chúng tôi là Đức Kitô, và mẹ chúng tôi là đức tin vào Người*” [5]. Với những Kitô hữu tiên khởi này, đức tin, như một cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa hằng sống được tỏ lộ trong Đức Kitô, là một “người mẹ”, vì nó đã mang lại cho họ ánh sáng và sinh ra trong họ sự sống thần linh, một kinh nghiệm mới, một cái nhìn quang minh về cuộc đời mà họ đã chuẩn bị sẵn sàng để làm chứng cách công khai cho đến cùng.

6. Năm Đức Tin đã được bắt đầu vào dịp kỷ niệm năm mươi năm khai mạc Công đồng Vaticanô II. Sự trùng hợp này cho phép chúng ta coi Công Đồng Vaticanô II như một Công Đồng về đức tin [6], bởi vì nó đã mời gọi chúng ta một lần nữa đặt tính ưu việt của Thiên Chúa trong Đức Kitô ở trung tâm cuộc sống Hội Thánh và cá nhân của mình. Thực ra, Hội Thánh không bao giờ coi đức tin như điều đương nhiên, mà biết rằng hồng ân này của Thiên Chúa cần phải được nuôi dưỡng và củng cố để nó có thể tiếp tục hướng dẫn cuộc hành trình của mình. Công Đồng Vaticanô II làm cho ánh sáng đức tin có thể chiếu soi kinh nghiệm nhân bản của chúng ta từ bên trong, trong khi cũng đồng hành trên những con đường của con người thời nay. Bằng cách này, nó cho thấy rõ ràng cách thức mà đức tin làm cho đời sống được phong phú trong mọi chiều kích của nó.

7. Những suy nghĩ này về đức tin – tiếp nối tất cả những gì Huấn Quyền của Hội Thánh đã công bố về nhân đức đối thần này [7] – nhằm mục đích để thêm vào những gì mà Đức Bênêđictô XVI đã viết trong các Thông Điệp của ngài về đức mến (đức ái) và về đức cậy (hy vọng). Ngài hầu như hoàn thành một dự thảo đầu tiên của một thông điệp về đức tin. Tôi nhìn nhận công ơn ngài một cách sâu xa, và trong tình huynh đệ của Đức Kitô, tôi tiếp tục công trình quý hóa này của ngài và thêm vào văn bản một vài đóng góp riêng của tôi. Người Kế Vị Thánh Phêrô, hôm qua, hôm nay và ngày mai, luôn luôn được mời gọi “củng cố anh em mình” trong kho tàng đức tin vô giá mà Thiên Chúa đã ban cho như ánh sáng soi chiếu cuộc hành trình của mỗi người.

Trong đức tin, món quà của Thiên Chúa, một nhân đức siêu nhiên được Ngài truyền cho chúng ta, chúng ta nhận ra rằng một Tình Yêu cả thể đã được ban cho chúng ta, một Lời nhân lành đã được nói với chúng ta, và khi chúng ta chào đón Lời này, là Chúa Giêsu Kitô, Ngôi Lời Nhập Thể, Chúa Thánh Thần biến đổi chúng ta, soi sáng con đường đi đến tương lai và làm lớn lên trong chúng ta đôi cánh hy vọng để đồng hành với chúng ta. Trong một sự đan kết tuyệt vời, đức tin, đức cậy và đức mến tạo thành động lực của đời sống Kitô hữu hướng đến sự hiệp thông trọn vẹn với Thiên Chúa. Nhưng con đường này mà đức tin mở ra trước mắt chúng ta thì thế nào? Ánh sáng mạnh mẽ này là ánh sáng cho phép chiếu soi cuộc hành trình của một cuộc đời thành công và sinh đầy hoa trái đến từ đâu?

CHƯƠNG MỘT **CHÚNG TA ĐÃ TIN VÀO TÌNH YÊU** **(x. 1 Ga 4:16)**

Ông Abraham, cha của chúng ta trong đức tin

8. Đức tin mở ra chúng ta con đường và cùng đi với những bước đường của chúng ta trong lịch sử. Do đó, nếu muốn hiểu đức tin là gì, chúng ta cần phải đi theo những con đường của nó, con đường của những người có đức tin, như đã được làm chứng trước hết trong Cựu Ước. Có một chỗ đặc biệt thuộc về ông Abraham, cha của chúng ta trong đức tin. Trong cuộc đời

của ông có một sự kiện làm đảo lộn tất cả: Thiên Chúa dùng Lời mà nói với ông, Ngài tự mặc khải như một Thiên Chúa duy nhất Đấng nói và gọi tên ông. Đức tin liên quan đến việc nghe. Ông Abraham không nhìn thấy Thiên Chúa, nhưng nghe giọng nói của Ngài. Bằng cách này, đức tin có một tính cách cá nhân. Như vậy, Thiên Chúa rõ ràng không phải là Thiên Chúa của một nơi nào đó, hoặc một Thiên Chúa liên hệ với một thời điểm thiêng liêng nào đó, nhưng Thiên Chúa của một người, Thiên Chúa của Abraham, Isaac và Giacóp, có khả năng tiếp xúc với con người và thiết lập một giao ước với họ. Đức tin là sự đáp trả của chúng ta với một Lời, là Lời chất vấn chúng ta một cách cá nhân, về một “Chúa”, Đấng gọi tên chúng ta.

9. *Lời nói với ông Abraham này là một lời mời gọi và một lời hứa.* Trước hết nó là một lời mời gọi ông rời bỏ mảnh đất của mình, một lời mời gọi mở lòng ra cho một cuộc sống mới, khởi đầu của một cuộc xuất hành dẫn ông về phía một tương lai không thể lường trước được. Viễn tượng mà đức tin cung cấp cho ông Abraham sẽ luôn luôn được nối kết với sự cần thiết phải thực hiện bước tiến này: đức tin “nhìn thấy” ông đi đến đâu, nơi ông bước vào vùng trời được mở ra bởi Lời Thiên Chúa. Lời này cũng chứa đựng một lời hứa: *miêu duệ người sẽ rất đông đúc, người sẽ là cha của một dân vĩ đại* (x. St 13:16; 15:5, 22:17). Thật đúng là một đáp trả với một Lời trước đó, đức tin của ông Abraham sẽ luôn luôn là một hành động tưởng nhớ. Tuy nhiên, sự tưởng nhớ này không đóng chặt trong quá khứ, nhưng vì là một tưởng nhớ về một lời hứa, nó trở nên có khả năng mở ra cho tương lai, soi sáng những bước đi dọc đường. Như vậy chúng ta thấy làm sao đức tin, như một sự tưởng nhớ đến tương lai, *memoria futuri*, lại liên hệ chặt chẽ với đức cậy.

10. *Thiên Chúa đòi ông Abraham phải tin tưởng vào Lời này.* Đức tin hiểu rằng Lời - một thực thể rõ ràng là phù du và thoáng qua, khi được Thiên Chúa trung tín công bố - lại trở nên hoàn toàn chắc chắn và không thể lay chuyển được, đảm bảo tính liên tục của cuộc hành trình của chúng ta trong thời gian. Đức tin đón nhận Lời này như đá tảng vững chắc, nền tảng vững vàng mà trên đó chúng ta có thể xây dựng. Đó là lý do tại sao trong Thánh Kinh, đức tin được diễn tả bằng từ Do Thái *'emûnâh*, bắt nguồn từ động từ *'amân* mà căn ngữ của nó có nghĩa là “nâng đỡ”. Thuật ngữ *'emûnâh* có thể có nghĩa là sự trung tín của Thiên Chúa mà còn có nghĩa là đức tin của con người. Con người có đức tin nhận được sức mạnh bằng cách phó thác trong bàn tay Thiên Chúa trung tín. Việc chơi chữ dựa trên ý nghĩa đôi của từ này - cũng được tìm thấy trong các từ ngữ tương tự trong tiếng Hy Lạp (*pistos*) và Latin (*fidelis*) - Thánh Cyrilô thành Giêrusalem ca tụng phẩm giá của Kitô hữu là người đón nhận chính danh của Thiên Chúa: cả hai đều được gọi là “trung tín” [8]. Như Thánh Augustinô giải thích: “*Con người trung thành khi tin vào lời mà Thiên Chúa đã hứa, Thiên Chúa trung tín khi ban cho con người những gì mà Ngài đã hứa*” [9].

11. *Một suy nghĩ cuối cùng về lịch sử ông Abraham là điều quan trọng để hiểu đức tin của ông.* Lời Thiên Chúa, tuy mang đến với nó sự mới mẻ và bất ngờ, nhưng không xa lạ gì với kinh nghiệm của Tổ Phụ. Trong giọng của Đấng nói với ông, ông Abraham nhận ra một lời mời gọi sâu xa, đã vĩnh viễn được khắc ghi trong tâm điểm của cuộc đời ông. Thiên Chúa liên kết lời hứa của Ngài với “nơi” mà cuộc sống con người đã luôn luôn tỏ ra đầy hứa hẹn: việc làm cha mẹ, việc sinh ra sự sống mới: “*Sarah vợ người sẽ sinh một con trai, và người sẽ đặt tên nó là Isaac*” (St 17:19). Thiên Chúa này, Đấng đòi hỏi ông Abraham phải hoàn toàn tin tưởng tỏ mình ra là nguồn gốc của toàn thể đời sống. Bằng cách này, đức tin liên hệ đến Phụ Tính của Thiên Chúa, mà từ đó phát sinh ra tạo vật: Thiên Chúa, Đấng gọi ông Abraham là Đấng Tạo Hóa, là Đấng “*làm cho những điều không có thành có*” (Rm 4:17), Đấng “*đã chọn chúng ta trước khi tạo thành thế gian ... và tiên định cho chúng ta làm nghĩa tử đối với Ngài*” (Ep 1,4-5). Với ông Abraham, đức tin vào Thiên Chúa soi sáng những nguồn gốc sâu thẳm nhất của con người ông, cho phép ông nhận ra nguồn mạch của sự tốt lành, là nguồn gốc của tất cả mọi sự, và xác nhận rằng cuộc đời của ông không phát sinh từ nhưng không hoặc tình cờ, nhưng từ một ơn gọi và một tình yêu cá nhân. Thiên Chúa huyền nhiệm, Đấng đã gọi ông không phải là một Thiên Chúa xa lạ, nhưng là nguồn gốc của mọi sự và nâng đỡ tất cả. Cuộc thử thách lớn lao về đức tin của ông Abraham, việc hiến tế con trai ông là Isaac, cho thấy mức độ mà tình yêu nguyên thủy này có thể đảm bảo sự sống thậm chí vượt trên sự chết. Lời có thể làm sống lại một người con cho một thân xác “như chết” và trong “lòng như đã chết” của bà Sarah son sẽ

(x. Rm 4:19), Lời cũng có thể thực hiện lời hứa của Ngài về một tương lai vượt trên tất cả những đe dọa hoặc nguy hiểm (x. Dt 11:19; Rm 4:21).

Đức Tin của dân Israel

12. *Lịch sử của dân Israel, trong Sách Xuất Hành, theo chân đức tin của ông Abraham.* Đức tin một lần nữa được sinh ra từ một hồng ân nguyên thủy: Dân Israel phó thác vào hành động của Thiên Chúa, Đấng muốn giải phóng họ khỏi cảnh đau khổ của họ. Đức tin được mời gọi vào một cuộc hành trình dài để có thể thờ phượng Chúa trên núi Sinai và thừa kế một đất hứa. Tình yêu Thiên Chúa có những đặc tính của một người cha bằng lòng để con mình dọc theo cuộc hành trình (x. Dt 1:31). Lời tuyên xưng đức tin của dân Israel được hình thành như một tường thuật kể lại những nghĩa cử của Thiên Chúa, về hành động của Ngài để giải phóng và hướng dẫn dân Ngài (x. Dt 26:5-11), một tường thuật mà dân chúng truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác. Ánh sáng của Thiên Chúa chiếu soi cho dân Israel qua việc tưởng nhớ đến những việc làm cả thể của Chúa, được nhớ lại và tuyên xưng trong các nghi lễ, và được truyền lại từ đời cha đến đời con. Như thế, ở đây chúng ta thấy ánh sáng đức tin được liên kết với tường thuật cụ thể về đời sống, với việc tưởng nhớ cách biết ơn những nghĩa cử của Thiên Chúa và việc thực hiện cách tiệm tiến lời hứa của Ngài. Kiến trúc gothic đã diễn tả rõ ràng điều này: trong những nhà thờ chính tòa lớn, ánh sáng đến từ trời qua những cửa kính là những nơi mô tả lịch sử thánh. Ánh sáng của Thiên Chúa đến với chúng ta qua những tường thuật về mạc khải của Ngài, và do đó trở nên có khả năng soi sáng cuộc hành trình của chúng ta qua thời gian bằng cách nhắc lại những nghĩa cử của Thiên Chúa, và cho thấy Ngài hoàn thành những lời hứa của Ngài ra sao.

13. *Lịch sử của dân Israel còn cho chúng ta thấy sự cảm dỗ về việc thiếu lòng tin mà dân chúng đã nhiều lần đầu hàng.* Ở đây việc thờ ngẫu tượng có vẻ như đối nghịch với đức tin. Trong khi ông Môsê đang đàm đạo với Thiên Chúa trên núi Sinai, thì dân chúng không thể chịu đựng được màu nhiệm về sự ẩn mình của Ngài nữa, họ không thể chịu nổi thời gian chờ đợi để thấy dung nhan của Ngài nữa. Theo bản tính, đức tin đòi hỏi phải từ bỏ việc sở hữu lập tức mà cảnh tượng này có vẻ như đáp ứng, đó là một lời mời gọi tự mở lòng ra đón nguồn mạch của ánh sáng, trong khi tôn trọng màu nhiệm riêng của một Dung Nhan, sẽ tự mình tỏ mình cách cá nhân vào thời điểm thuận tiện riêng. Martin Buber trích dẫn một định nghĩa về ngẫu tượng được giáo sĩ Do thái Kock đề ra: việc thờ ngẫu tượng xảy ra khi “*khi một khuôn mặt kính cẩn hướng về một khuôn mặt không phải là một dung nhan*” [10]. Thay vì đức tin vào Thiên Chúa, người ta thích thờ ngẫu tượng hơn, đó là ngẫu tượng mà chúng ta biết khuôn mặt và có nguồn gốc, bởi vì nó là tác phẩm chúng ta. Trước ngẫu tượng, chúng ta không có nguy cơ bị mời gọi từ bỏ sự an toàn riêng của mình, bởi vì ngẫu tượng “*có miệng, nhưng không nói*” (Tv 115:5). Như thế chúng ta hiểu rằng ngẫu tượng chỉ là một lý do để con người đặt mình ở trung tâm của thực tại qua việc thờ phượng công trình do tay mình làm ra. Một khi đã bị mất định hướng cơ bản, là điều cung cấp cho cuộc đời tính đơn nhất, con người bị lạc đường trong những ước muốn đa dạng của mình. Khi không chịu chờ đợi thời điểm của lời hứa, con người bị phân tán trong hàng ngàn những khoảnh khắc của lịch sử mình. Cho nên, việc thờ ngẫu tượng luôn luôn là tôn giáo đa thần, một di chuyển không có mục đích từ một chúa này sang một chúa khác. Việc thờ ngẫu tượng không cung cấp cho con người một con đường nhưng rất nhiều lối mòn, không dẫn đến một cùng đích chắc chắn mà thay vào đó tạo ra một mê hồn trận. Những người không muốn đặt niềm tin vào Thiên Chúa phải nghe những tiếng ồn ào của vô số ngẫu tượng kêu la: “*Hãy tin tưởng vào tôi!*” Đức tin gắn liền với việc hoán cải, trái ngược với việc thờ ngẫu tượng; đức tin là một sự đoạn tuyệt với ngẫu tượng để trở về với Thiên Chúa hằng sống, trong một cuộc gặp gỡ cá nhân. Tin có nghĩa là phó thác mình cho một tình yêu đầy thương xót, là tình yêu luôn luôn đón nhận và tha thứ, nâng đỡ và hướng dẫn cuộc đời chúng ta, và chứng tỏ sức mạnh của nó bằng khả năng sửa chữa những sai lệch của lịch sử của chúng ta. Đức tin hệ tại việc sẵn sàng để cho mình được liên tục biến đổi và canh tân bằng lời mời gọi của Thiên Chúa. Đây là sự nghịch lý: bằng cách liên tục quy hướng về Chúa, con người khám phá ra một con đường chắc chắn giải thoát họ khỏi sự phân tán mà ngẫu tượng áp đặt trên họ.

14. *Trong đức tin của dân Israel cũng có ông Môsê, người trung gian.* Dân chúng không thể nhìn thấy dung nhan Thiên Chúa; chính ông Môsê thưa chuyện cùng Đức Giavê trên núi và

sau đó nói với mọi người thánh ý của Chúa. Với sự hiện diện này của người trung gian, dân Israel học đồng hành với nhau trong sự hiệp nhất. Hành động đức tin của mỗi người tìm thấy chỗ đứng của mình trong một cộng đồng, trong “cái chúng ta” chung của dân chúng, là những người trong đức tin, giống như một người duy nhất - “con đầu lòng của Ta”, như Thiên Chúa sẽ gọi toàn thể dân Israel (x. *Xh* 4:22). Việc làm trung gian ở đây không trở thành một chương ngại, nhưng một sự mở ra: trong cuộc gặp gỡ với những người khác, cái nhìn của chúng ta mở ra cho một chân lý thật lớn hơn chúng ta. J.J. Rousseau có lần than thở rằng ông không thể tự mình nhìn thấy Thiên Chúa: “*Có biết bao nhiêu người đứng giữa Thiên Chúa và tôi!*” [11]... “*Có phải cũng đơn giản và tự nhiên mà Thiên Chúa đã tìm ông Môsê để nói với ông Jean Jacques Rousseau không?*” [12]. Dựa vào một quan niệm theo chủ nghĩa cá nhân và sự giới hạn của kiến thức, người ta không thể hiểu được ý nghĩa của việc làm trung gian là khả năng tham gia vào cái nhìn của người khác này, sự hiểu biết được chia sẻ này là kiến thức đặc thù của tình yêu. Đức tin là món quà nhưng không của Thiên Chúa, Đấng đòi hỏi lòng khiêm tốn và can đảm để tin tưởng và phó thác, ngõ hầu nhìn thấy con đường sáng dẫn đến cuộc gặp gỡ giữa Thiên Chúa và con người: lịch sử cứu độ.

Sự viên mãn của đức tin Kitô giáo

15. “*Abraham [...] hơn hờ vui mừng vì sẽ thấy ngày của Tôi, ông đã thấy nó và đã vui mừng*” (*Ga* 8:56). Theo những lời này của Chúa Giêsu, đức tin của ông Abraham chỉ về Người, theo một nghĩa nào đó, nó đã là một cái nhìn cho biết trước màu nhiệm của Người. Thánh Augustinô cũng hiểu như vậy khi ngài quả quyết rằng các Tổ Phụ đã được cứu bởi đức tin, không phải đức tin vào Đức Kitô đã đến, nhưng vào Đức Kitô sẽ đến, một đức tin hướng về biến cố tương lai của Chúa Giêsu [13]. Đức tin Kitô giáo đặt trọng tâm vào Đức Kitô, đức tin ấy tuyên xưng rằng Chúa Giêsu là Chúa và rằng Thiên Chúa đã cho Người sống lại từ cõi chết (x. *Rm* 10:9). Tất cả các nhân vật của Cựu Ước đều hội tụ vào Đức Kitô, Người trở thành câu trả lời “*Có*” dứt khoát cho tất cả những lời hứa, nền tảng của lời thưa “*Amen*” cuối cùng của chúng ta với Thiên Chúa (x. *2 Cor* 1:20). Lịch sử của Chúa Giêsu là sự tỏ lộ hoàn toàn mức độ đáng tin cậy của Thiên Chúa. Nếu dân Israel tiếp tục nhắc lại những hành vi cao cả của tình yêu Thiên Chúa, là những điều tạo thành cốt lõi của lời tuyên xưng đức tin của họ và mở rộng cái nhìn của họ về đức tin, thì từ đó cuộc đời của Chúa Giêsu xuất hiện như một địa điểm của sự can thiệp dứt khoát của Thiên Chúa, sự biểu lộ cao nhất của tình yêu của Ngài dành cho chúng ta. Lời mà Thiên Chúa nói với chúng ta trong Chúa Giêsu không chỉ đơn thuần là một lời bổ túc trong số rất nhiều lời, nhưng là Lời vĩnh cửu của Ngài (x. *Dt* 1:1-2). Thiên Chúa không thể ban cho chúng ta một đảm bảo nào lớn hơn tình yêu của Ngài, như Thánh Phaolô nhắc nhở chúng ta (x. *Rm* 8:31-39). Như vậy, đức tin Kitô giáo là đức tin vào một tình yêu trọn vẹn, trong quyền năng hiệu quả của nó, trong khả năng của nó để biến đổi thế gian và soi sáng thời gian. “*Chúng ta đã biết và tin vào tình yêu mà Thiên Chúa dành cho chúng ta*” (*1 Ga* 4:16). Trong tình yêu của Thiên Chúa được tỏ lộ nơi Chúa Giêsu, đức tin nhận ra nền tảng mà trên đó toàn thể thực tại và số phận cuối cùng của nó dựa vào.

16. *Bằng chứng lớn lao nhất về mức độ đáng tin cậy của tình yêu Đức Kitô được tìm thấy trong chết của Người vì nhân loại.* Nếu việc hy sinh mạng sống của mình cho bạn hữu là bằng chứng lớn nhất của tình yêu (x. *Ga* 15:13), thì Chúa Giêsu đã hiến mạng sống Người cho mọi người, ngay cả những kẻ thù của Người, để biến đổi tâm hồn họ. Đó là lý do tại sao theo các thánh sử, thì cái nhìn về đức tin đạt đến tột đỉnh vào giờ của Thánh Giá, giờ mà trong đó sự cao cả và tràn đầy của tình yêu Thiên Chúa được tỏa sáng. Thánh Gioan đặt ở đây lời chứng long trọng của ngài, khi chiêm ngắm Đấng bị đâm thâu qua cùng với Mẹ Chúa Giêsu (x. *Ga* 19:37). “*Có người xem thấy việc ấy đã làm chứng, và lời chứng của người ấy thì chân thật; và người ấy biết mình nói thật để anh em tin*” (*Ga* 19:35). F.M. Dostoevsky, trong tác phẩm *Thằng Ngốc (L'idiot)*, làm cho nhân vật chính, Hoàng tử Myskin, khi nhìn thấy một bức tranh về Đức Kitô chết trong mồ của Hans Holbein Trẻ, nói: “*Khi nhìn vào bức tranh này một tín hữu có thể mất đức tin của mình*” [14]. Thật vậy, bức tranh trình bày một cách khủng khiếp những hậu quả tàn khốc của cái chết trên thân thể Đức Kitô. Tuy nhiên, chính trong việc chiêm ngắm cái chết của Chúa Giêsu mà đức tin được củng cố và nhận được một ánh sáng huy hoàng, khi nó được biểu lộ như đức tin vào tình yêu không thể lay chuyển được của Đức Kitô dành cho chúng ta,

một tình yêu có khả năng bước vào cái chết để cứu chúng ta. Tôi có thể tin vào Tình Yêu này, một Tình Yêu không lùi bước trước cái chết để chứng tỏ Người yêu tôi thế nào; việc hoàn toàn tự hiến của Người thắng vượt mọi nghi ngờ và cho phép chúng ta phó thác hoàn toàn vào Đức Kitô.

17. *Trên hết, trong ánh sáng việc Phục Sinh, cái chết của Đức Kitô cho thấy rõ mức độ hoàn toàn đáng tin cậy của tình yêu Thiên Chúa.* Như Đấng Phục Sinh, Đức Kitô là nhân chứng đáng tin cậy, xứng đáng với đức tin (x. Kh 1:5; Dt 2:17), là sự nâng đỡ vững chắc cho đức tin của chúng ta. Thánh Phaolô quả quyết: *“Nếu Đức Kitô đã không sống lại, thì đức tin của anh em là đức tin vô ích”* (1 Cor 15:17). Nếu tình yêu của Chúa Cha đã không cho Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết, nếu Ngài đã không có thể ban sự sống lại cho thân xác của Người, thì sẽ không phải là một tình yêu hoàn toàn đáng tin cậy, cũng có khả năng chiếu soi những bóng tối của sự chết. Khi Thánh Phaolô nói về đời sống mới của ngài trong Đức Kitô, ngài nói về *“đức tin vào Con Thiên Chúa, là Đấng đã yêu thương tôi và đã hiến mạng sống Mình vì tôi”* (Gl 2:20). *“Đức tin vào Con Thiên Chúa”* này chắc chắn là đức tin của Vị Tông Đồ Dân Ngoại vào Chúa Giêsu, nhưng nó cũng nói lên rằng Chúa Giêsu đáng tin cậy, không chỉ dựa trên tình yêu cho đến chết của Người mà còn trên việc Người là con Thiên Chúa. Chính bởi vì Chúa Giêsu là Chúa Con, bởi vì Người hoàn toàn ở trong Chúa Cha, Người đã có thể chiến thắng sự chết và làm cho sự viên mãn của sự sống được sáng tỏ. Nền văn hóa của chúng ta đã đánh mất khái niệm về sự hiện diện hữu hình của Thiên Chúa, về hoạt động của Ngài trong thế gian. Chúng ta nghĩ rằng chỉ tìm thấy Thiên Chúa ở bên ngoài, trên một mức độ khác của thực tại, tách biệt khỏi các mối liên hệ hàng ngày của chúng ta. Nhưng nếu điều này đúng, nếu Thiên Chúa không thể hoạt động trong thế gian, thì tình yêu của Ngài sẽ không thực sự mạnh mẽ, thực sự có thật, và như thế, Ngài cũng không phải là một tình yêu thật, một tình yêu có khả năng mang lại hạnh phúc mà Ngài đã hứa. Vì vậy tin hay không tin vào Ngài tất cả sẽ chẳng khác gì nhau. Trái lại, các Kitô hữu tuyên xưng đức tin của họ vào tình yêu cụ thể và mạnh mẽ của Thiên Chúa, Đấng thực sự hoạt động trong lịch sử và quyết định vận mệnh cuối cùng của nó, một tình yêu mà con người có thể gặp gỡ, một tình yêu hoàn toàn được mặc khải trong cuộc Khổ Nạn, Cái Chết và Phục Sinh của Đức Kitô.

18. *Sự viên mãn mà Chúa Giêsu mang đến cho đức tin có một khía cạnh quyết định khác.* Trong đức tin, Đức Kitô không chỉ đơn thuần là Đấng mà chúng ta tin, là biểu hiện cao cả nhất của tình yêu Thiên Chúa, Người cũng là Đấng mà chúng ta kết hợp với để có thể tin. Đức tin không chỉ đơn thuần là ngắm nhìn Chúa Giêsu, nhưng nhìn mọi sự theo quan điểm của Chúa Giêsu, với đôi mắt của Người: đó là một sự tham gia vào cách nhìn của Người. Trong nhiều lĩnh vực của cuộc đời, chúng ta tin tưởng vào những người khác, là những người biết nhiều hơn mình. Chúng ta tin tưởng vào các kiến trúc sư là những người xây nhà mình, vào dược sĩ là những người cho chúng ta thuốc để chữa bệnh, vào các luật sư là những người bảo vệ chúng ta tại tòa án. Chúng ta cũng cần một ai đó đáng tin cậy và chuyên môn về những việc có liên quan đến Thiên Chúa. Chúa Giêsu, Con của Ngài, là Đấng tự giới thiệu như Đấng giải thích cho chúng ta về Thiên Chúa (x. Ga 1:18). Cuộc đời Đức Kitô, cách Người biết Chúa Cha và sống hoàn toàn trong mối liên hệ với Ngài, mở ra một không gian mới cho kinh nghiệm của con người mà chúng ta có thể vào được. Thánh Gioan đã đưa ra tầm quan trọng của một mối liên hệ cá nhân với Chúa Giêsu đối với đức tin của chúng ta bằng cách sử dụng các cách dùng khác nhau của động từ *tin*. Ngoài việc *“tin rằng”* những gì Chúa Giêsu nói với chúng ta là sự thật, Thánh Gioan cũng dùng thuật ngữ *“tin”* Chúa Giêsu và *“tin vào”* Chúa Giêsu. Chúng ta *“tin”* Chúa Giêsu khi chúng ta chấp nhận Lời Người, chứng từ của Người, bởi vì Người trung thực (x. Ga 6:30). Chúng ta *“tin vào”* Chúa Giêsu khi chúng ta đích thân đón Người vào cuộc đời và cuộc hành trình của chúng ta về phía Người, gắn bó với Người trong tình yêu và bước theo Người trên đường đời (x. Ga 2:11; 6:47; 12:44).

Để giúp chúng ta biết Người, đón nhận Người và theo Người, Con Thiên Chúa mặc lấy xác thịt của chúng ta. Bằng cách này, Người cũng nhìn Chúa Cha một cách nhân loại, trong khung cảnh của một cuộc hành trình diễn ra trong thời gian. Đức tin Kitô giáo là đức tin vào sự nhập thể của Ngôi Lời và sự Sống Lại của Người trong thân xác, đức tin vào một Thiên Chúa rất gần gũi chúng ta và đã đi vào lịch sử nhân loại của chúng ta. Đức tin vào Con Thiên Chúa làm

người trong Chúa Giêsu thành Nagiareth không tách chúng ta ra khỏi thực tại, nhưng cho phép chúng ta chấp nhận ý nghĩa sâu xa nhất của nó, để tìm hiểu xem Thiên Chúa yêu thương thế giới này bao nhiêu và không ngừng hướng nó về phía Ngài. Điều này thúc đẩy các Kitô hữu dẫn thân, để sống một cách mãnh liệt hơn trong cuộc hành trình trần thế.

Ơn cứu độ bởi đức tin

19. Từ việc chia sẻ cách nhìn của Chúa Giêsu này, Thánh Phaolô đã để lại cho chúng ta trong các bài của ngài một mô tả về đời sống đức tin. Qua việc chấp nhận hồng ân đức tin, các tín hữu được biến đổi thành một tạo vật mới. Họ nhận được một con người mới, là con cái [Thiên Chúa]; họ trở nên con cái trong Chúa Con. Cụm từ “*Abba, Lạy Cha*”, là lời rất đặc trưng của kinh nghiệm của Chúa Giêsu, trở thành trung tâm của kinh nghiệm Kitô giáo (x. *Rm 8:15*). Đời sống trong đức tin, như một đời con thảo, là một sự nhìn nhận hồng ân nguyên thủy và triệt để, là nền tảng của cuộc sống con người, và có thể được tóm tắt trong câu của Thánh Phaolô gửi tín hữu Côrintô: “*Có gì mà anh em đã không nhận được?*” (*1 Cor 4:7*). Đây chính là trung tâm của cuộc tranh luận của Thánh Phaolô với những người Biệt Phái, cuộc tranh luận về ơn cứu độ bằng đức tin hay bằng việc làm của Lễ Luật. Điều mà Thánh Phaolô bác bỏ là thái độ của những người tự coi mình là công chính trước mặt Thiên Chúa qua trung gian của hành động đúng của mình. Những người như thế, ngay cả khi họ tuân giữ các điều răn và làm những việc lành, tự đặt mình ở trung tâm, mà không nhận ra rằng nguồn gốc của sự tốt lành là Thiên Chúa. Những người làm như thế, muốn thành nguồn gốc của sự công chính riêng của họ, họ nhanh chóng thấy rằng sự công chính này trở nên khô cằn và họ không thể thậm chí giữ được lòng trung thành với Lễ Luật. Họ tự khép kín mình và tự cô lập đối với Chúa và với tha nhân, kết quả là cuộc đời của họ trở nên trống rỗng và những công việc của họ trở nên cằn cỗi như một cây sống xa nước. Thánh Augustinô cũng đưa ra bằng ngôn từ ngắn gọn và hiệu quả của ngài: “*Ab eo qui fecit te, noli deficere nec ad te*”, “*Đừng quay lưng lại với Đấng đã dựng nên bạn, ngay cả để quay về phía chính mình*” [15]. Khi một người nghĩ rằng bằng cách quay lưng lại với Thiên Chúa họ sẽ tìm thấy chính bản thân họ, cuộc đời người ấy bắt đầu sụp đổ (x. *Lc 15:11-24*). Khởi đầu của ơn cứu độ là mở lòng ra với một cái gì có trước, với một món quà nguyên thủy là món quà đảm bảo cho cuộc sống và duy trì nó trong đời. Chỉ bằng cách mở lòng của chúng ta ra cho nguồn gốc này và qua việc nhìn nhận nó, con người mới có thể được biến đổi, nhờ để cho ơn cứu độ hoạt động trong mình và làm cho cuộc đời mình sinh hoa trái, đầy những hoa trái tốt. Ơn cứu độ nhờ đức tin có nghĩa là công nhận tính ưu việt của hồng ân của Thiên Chúa. Như Thánh Phaolô đã tóm lược: “*Nhờ ân sủng mà anh em được cứu độ qua đức tin; và đó không phải bởi anh em, mà là bởi ân huệ của Thiên Chúa*” (*Eph 2:8*).

20. *Luận lý mới của đức tin đặt trọng tâm vào Đức Kitô.* Đức tin vào Đức Kitô cứu chúng ta bởi vì chính trong Người mà cuộc sống mở ra cách triệt để cho một Tình Yêu đi trước chúng ta và biến đổi chúng ta từ bên trong, một Tình Yêu hoạt động trong chúng ta và với chúng ta. Điều này được thấy rõ trong chú giải một đoạn văn từ Sách Đệ Nhị Luật của Vị Tông Đồ Dân Ngoại, một chú giải phù hợp với động năng rất sâu sắc của Cựu Ước. Ông Môsê nói với dân chúng rằng giới luật của Thiên Chúa không quá cao mà cũng không quá xa với con người. Người ta không cần phải nói: “*Ai sẽ lên trời mà đem nó xuống cho chúng tôi?*” hoặc “*Ai sẽ đi qua bên kia biển, đem nó về cho chúng tôi?*” (*Đnl 30:11-14*). Sự gần gũi này của lời Chúa được Thánh Phaolô giải thích như phản ảnh sự hiện diện của Đức Kitô trong các Kitô hữu. “*Đừng tự nhủ rằng, ‘Ai sẽ lên trời?’ (nghĩa là, để đem Đức Kitô xuống), hoặc ‘Ai sẽ xuống âm phủ? (nghĩa là, để đem Đức Kitô lên từ cõi chết)’*” (*Rm 10:6-7*). Đức Kitô đã xuống trần và đã sống lại từ cõi chết; qua việc Nhập Thể và Phục Sinh của Người, Con Thiên Chúa chấp nhận toàn thể cuộc hành trình của con người và ở trong tâm hồn chúng ta nhờ Chúa Thánh Thần. Đức tin biết rằng Thiên Chúa đã rất gần gũi chúng ta, rằng Đức Kitô đã trở nên một hồng ân cao cả cho chúng ta, hồng ân biến đổi chúng ta từ bên trong, ở trong chúng ta, và do đó ban cho chúng ta ánh sáng chiếu soi nguyên thủy và cứu cánh của cuộc đời, toàn thể tiến trình của cuộc hành trình của con người.

21. *Do đó, chúng ta có thể hiểu sự mới mẻ mà đức tin dẫn chúng ta đến.* Người tín hữu được biến đổi bởi Tình Yêu mà họ đã mở lòng ra đón nhận trong đức tin, và qua việc mở lòng ra đón nhận Tình Yêu mà đức tin ban cho họ, cuộc đời của họ rộng mở vượt ra ngoài chính

mình. Thánh Phaolô có thể quả quyết: *“Tôi sống nhưng không còn là tôi sống, mà là Đức Kitô sống trong tôi”* (Gl 2:20), và khuyên nhủ: *“Chớ gì Đức Kitô ngự trong tâm hồn anh em nhờ đức tin”* (Eph 3:17). Trong đức tin, “cái tôi” của người tín hữu mở rộng để có chỗ cho Người Khác cư ngụ, để sống trong Người Khác, và cuộc sống của người ấy cũng mở rộng ra trong Tình Yêu. Ở đây có hoạt động của Chúa Thánh Thần. Người Kitô hữu có thể có đôi mắt của Chúa Giêsu, những tình cảm của Người, và tâm tình con thảo của Người, bởi vì người đó được thông phần vào Tình Yêu của Người, Tình Yêu ấy chính là Chúa Thánh Thần. Chính trong Tình Yêu này mà chúng ta một cách nào đó nhận được cái nhìn riêng của Chúa Giêsu. Nếu không có việc nên đồng hình đồng dạng này trong Tình Yêu, nếu không có sự hiện diện của Chúa Thánh Thần là Đấng được đổ vào lòng chúng ta (x. Rm 5:5), thì chúng ta không thể nào tuyên xưng Chúa Giêsu là Chúa (x. 1 Cor 12:3).

Hình thức Hội Thánh của đức tin

22. Bằng cách này, đời sống của người tín hữu trở thành đời sống của Hội Thánh. Khi Thánh Phaolô nói với các Kitô hữu Rôma về một thân thể duy nhất mà tất cả những ai tin vào Đức Kitô tạo thành, ngài khuyên nhủ họ đừng tự hào về điều này, trái lại, mỗi người phải nghĩ về mình *“theo mức độ đức tin mà Thiên Chúa đã ban phát cho mình”* (Rm 12:3). Các tín hữu học cách nhìn chính mình theo đức tin mà họ tuyên xưng: Hình ảnh của Đức Kitô là tấm kính (gương) mà ở đó họ tìm thấy hình ảnh riêng của họ được thể hiện. Và như Đức Kitô ôm ấp trong Mình tất cả mọi tín hữu, là những kẻ tạo thành thân thể của Người, người Kitô hữu hiểu rằng mình được bao gồm trong thân thể này, trong mối liên hệ nguyên thủy với Đức Kitô và tất cả các tín hữu khác trong đức tin. Hình ảnh của một thân thể không có ý hạ các tín hữu xuống thành một phần tử đơn giản của một tổng thể vô danh, một thành phần thô sơ trong một bộ máy vĩ đại, nhưng đúng hơn là muốn nhấn mạnh đến sự kết hợp sống còn của Đức Kitô với các tín hữu, và các tín hữu với nhau (x. Rm 12 :4-5). Các Kitô hữu là **“một”** (x. Gl 3:28), mà không mất đi cá tính của mình, và trong việc phục vụ người khác, chính nội tâm của mỗi người lại được lợi nhất. Điều này giải thích lý do tại sao, ngoài thân thể này, ngoài sự hiệp nhất này của Hội Thánh trong Đức Kitô, ngoài Hội Thánh này mà - theo lời của Romano Guardini - *“là người mang trong lịch sử cái nhìn toàn diện của Đức Kitô về thế gian”* [16] – thì đức tin mất đi **“tiêu chuẩn”** của nó, mất sự cân bằng của nó, không còn tìm thấy nơi thiết yếu để [dựa vào mà] tự mình đứng vững. Đức tin là một hình thức nhất thiết phải thuộc về Hội Thánh, nó được tuyên xưng từ bên trong thân thể Đức Kitô, như sự hiệp thông cụ thể của các tín hữu. Chính từ chỗ thuộc về Hội Thánh này mà đức tin mở lòng mọi Kitô hữu ra với tất cả mọi người. Lời của Đức Kitô, một lần được nghe, nhờ chính động năng của nó biến đổi thành một lời đáp trả trong các Kitô hữu, và tự trở thành một lời được công bố, một tuyên xưng đức tin. Như Thánh Phaolô đã nói: *“ai tin bằng tấm lòng [...] và tuyên xưng ra miệng thì được cứu độ”* (Rm 10:10). Đức tin không phải là một vấn đề riêng tư, một khái niệm theo cá nhân chủ nghĩa hoặc một ý kiến chủ quan, nhưng phát sinh từ việc được nghe, và mục đích là để được nói ra và trở thành lời công bố. *“Làm sao họ sẽ tin vào Đấng mà họ chưa được nghe? Và làm sao mà họ sẽ được nghe, nếu không có người rao giảng?”* (Rm 10:14). Như thế, đức tin trở nên có hiệu quả trong các Kitô hữu nhờ hồng ân nhận được, nhờ Tình Yêu đó thu hút tâm hồn chúng ta về với Đức Kitô (x. Gl 5:6), và làm cho chúng ta trở nên một phần tử của cuộc hành trình của Hội Thánh, cuộc hành hương qua lịch sử hướng về sự viên mãn của nó. Đối với những người đã được biến đổi theo cách này, một cách nhìn mới được mở ra, đức tin trở thành ánh sáng cho đôi mắt của họ.

Còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

ĐỐI THỌAI NĂM ĐỨC TIN - VẤN ĐỀ 8: VỀ SỰ HIỆN HỮU CỦA THIÊN CHÚA

VẤN ĐỀ 08: Chỉ những gì khoa học chứng minh được mới có thực, mà Thiên Chúa thì cho tới nay khoa học vẫn chưa chứng minh được, nên không có hoặc không đáng tin.

ĐÁP:

1. LỜI CHÚA: “Trời xanh tường thuật vinh quang Thiên Chúa, thanh không kể ra sự nghiệp tay Ngài” (Tv 18,2).

2. SUY NIỆM:

I. GIỚI HẠN CỦA KHOA HỌC:

1) Khoa học thực nghiệm là gì ?

- **Khoa học** nói chung là một hệ thống kiến thức *tổng quát, khách quan, xác thực* hơn kém và đạt được một cách *có phương pháp*.

Nhưng Khoa học đề cập tới ở đây là Khoa học thực nghiệm (experimental science), là khoa học theo nghĩa chặt. Đây là một môn học về vật chất, được khảo sát bằng những thí nghiệm, kiểm chứng nhờ những dụng cụ để đi tới định luật chung cất nghĩa các sự kiện khác thuộc vật chất.

- **Thí nghiệm hay thực nghiệm**, là một bước trong phương pháp khoa học dùng để phân minh giữa khoa học hay giả thuyết. Thí nghiệm cũng được sử dụng để kiểm tra tính chính xác của một lý thuyết hoặc một giả thuyết mới để ủng hộ hay bác bỏ chúng. Thí nghiệm hoặc kiểm nghiệm có thể được thực hiện bằng phương pháp khoa học để trả lời một câu hỏi hoặc khảo sát một vấn đề. Trước tiên là quan sát, rồi đặt ra câu hỏi hoặc đặt vấn đề. Sau đó, giả thuyết được hình thành. Tiếp đến thí nghiệm được đưa ra để kiểm tra giả thuyết. Kết quả thí nghiệm được phân tích, rồi đi đến kết luận, một lý thuyết được hình thành từ kết quả thí nghiệm, và các kết quả được công bố trên các tạp chí nghiên cứu.

2) Đối tượng nghiên cứu của khoa học thực nghiệm:

Khoa học thực nghiệm có đối tượng nghiên cứu là vật chất trong không gian và thời gian. Chỉ những gì có thể đo được: dài ngắn, nặng nhẹ, mạnh yếu, nhiều ít, nhanh chậm, cũ mới...mới thuộc phạm vi nghiên cứu tìm hiểu của môn khoa học thực nghiệm này.

3) Giới hạn của Khoa học thực nghiệm:

- Ngay trong lĩnh vực vật chất là đối tượng nghiên cứu của khoa học thực nghiệm, thế mà cho tới nay vẫn còn rất nhiều vấn nạn mà các nhà bác học vẫn chưa tìm ra lời giải đáp thỏa đáng. Chẳng hạn: sự sống hình thành và phát triển thế nào trong một hạt lúa, một con kiến ? Chết là gì và tại sao con người phải chết ? Làm thế nào để con người có thể sống mãi ? Vũ trụ vật chất ta đang sống có biên giới không ? Xuất hiện từ bao giờ ? Gồm bao nhiêu hành tinh ? v.v...Người ta chỉ biết phỏng đoán, hoặc dựa vào một vài yếu tố để xây dựng những giả thuyết thiếu chính xác, dễ bị sụp đổ với thời gian.

- Sang đến lĩnh vực tâm linh con người thì khoa học thực nghiệm hoàn toàn bất lực vì vượt quá phạm vi hoạt động của nó. Chẳng hạn: Quan sát một bàn tay đang sờ trên trán của một người, nhà bác học chỉ có thể biết được: xương tay mỗi cái di chuyển mấy độ ? Do những cơ gân nào điều động. Sức nặng của bàn tay là bao nhiêu ? Cần tốn bằng nào nhiệt tố (Calori) của cơ thể để xê dịch như vậy ? Sự cọ xát của hai làn da phát sinh bao nhiêu nhiệt điện ?... mà thôi. Khoa học không thể nói đến ý nghĩa tâm linh của hành động ấy để khẳng định đó là cử chỉ của một bác sĩ đang khám bệnh hay là sự vuốt ve của một bà mẹ đang nựng đứa con thơ.

- Nhìn vào quan hệ giữa người với người, khoa học thực nghiệm chỉ thấy da thịt cọ xát vào nhau, hai bàn tay đang nắm chặt nhau, nhưng không bao giờ thấy được tình hữu nghị trong cái bắt tay đó. Khoa học thực nghiệm cũng **không thể dùng các dụng cụ để đọc được tư tưởng của con người**, không thể giải thích được **tại sao tôi lại thương người này và ghét người kia**. Dù không thấy không biết, khoa học thực nghiệm cũng **không bao giờ dám quả quyết rằng ý nghĩa hay tình cảm kia là không có**.

- Như vậy, phải nói rằng: **KHÔNG PHẢI CHỈ NHỮNG GÌ KHOA HỌC CHỨNG MINH ĐƯỢC MỚI CÓ THỰC. VẪN CÓ NHỮNG THỰC TẠI HIỆN HỮU TRONG THIÊN NHIÊN, NHƯNG VÌ NGOÀI PHẠM VI THỰC NGHIỆM, NÊN KHOA HỌC ĐÀNHI CHỊU BẤT LỰC KHÔNG THỂ CHỨNG MINH ĐƯỢC.**

II. KHOA HỌC VÀ SỰ HIỆN HỮU CỦA THIÊN CHÚA:

1) Khi nhìn vào vũ trụ thiên nhiên với những trật tự lạ lùng kỳ diệu, con người có trí khôn đã đặt ra ngay câu hỏi: **“vũ trụ và trật tự ấy do đâu mà có ?”** Từ đó với trí khôn suy luận từ hậu quả tới nguyên nhân, con người đã đi đến kết luận: **phải có một Đấng nào đó đã sáng tạo nên chúng.** Đấng ấy được gọi là **Thiên Chúa, Thượng Đế, Ông Trời...** tùy theo mỗi dân tộc, địa phương...

2) Tuy nhiên, một số người lại dựa vào khoa học để **phủ nhận sự hiện hữu của Thiên Chúa.** Theo họ, **cho tới nay khoa học vẫn chưa chứng minh là có Thiên Chúa, nên chắc không có thực.** Ý niệm về một vị Thiên Chúa sáng tạo **chỉ là sự mê tín do một số nhà duy tâm bày đặt ra nên không đáng tin.** Ngày 12/04/1961: YU-RI GA-GA-RIN một phi hành gia người Liên-xô đã trở thành người đầu tiên bay vào vũ trụ. Phi thuyền chở ông đã quay về an toàn sau 108 phút bay quay quanh trái đất. Sau cuộc du hành, Ga-ga-rin đã tuyên bố: **“Trong cuộc bay lượn giữa các vì sao, tôi chẳng nhìn thấy Thiên Chúa đâu cả”.** Linh mục DO-MI-NI-QUE DU-BAR-LE, một nhà triết học tôn giáo, chuyên gia tại Công đồng Vatican II và là trưởng khoa triết học tại viện Công Giáo Paris (1967-1973) đã trả lời : **“Vậy thì ông cho rằng Thiên Chúa là một loài có xương thịt và thở bằng không khí hay sao ?”** Người tín hữu công giáo, dù chỉ là một đứa bé cũng biết rằng: **Thiên Chúa là Đấng thiêng liêng,** chứ không phải là loài vật chất hữu hình giống như các tạo vật do Ngài sáng tạo. Do đó các phi hành gia **dù có đi trong vũ trụ bao lâu đi nữa cũng không bao giờ có thể nhìn thấy Ngài.** Thiên Chúa thiêng liêng thì làm sao phi hành gia có thể xem thấy được ? Cũng như với cặp mắt thường, chúng ta không nhìn thấy vi trùng trên miếng mứt vừa bị con nhặng đậu vào. Nhưng không thấy không đồng nghĩa với không có. Vì khi nhìn qua kính hiển vi chúng ta sẽ thấy hàng triệu vi trùng trên miếng mứt nói trên. Cũng vậy, với mắt thường chúng ta không thể nhìn thấy Thiên Chúa trong vũ trụ thiên nhiên, nhưng **với mắt đức tin, chúng ta chắc chắn sẽ thay được sự hiện hữu của Ngài.**

3) Thiên Chúa là nguyên nhân tối hậu, là căn nguyên của vũ trụ vạn vật, là Đấng đã sáng tạo vũ trụ vật chất từ hư không, nhưng Ngài **không đồng hóa với các tạo vật do Ngài tạo dựng.** Thiên Chúa ở ngoài không gian và thời gian và không lệ thuộc vào vũ trụ thiên nhiên vật chất. Ngài là Đấng thiêng liêng vô hình, không phải là một loài vật chất hữu hình... nên **Ngài không phải là đối tượng nghiên cứu trực tiếp của Khoa học thực nghiệm.** Khoa học không có quyền quả quyết có hay không có Thiên Chúa, vì điều đó nằm ngoài phạm vi của nó. Cũng như khi nghiên cứu tìm hiểu về một cái bàn, nhà khoa học chỉ có thể phân tích, cân, đo... những gì là vật chất chứa đựng trong cái bàn đó như các chất gỗ, sắt... Nhưng lại bất lực không thể chứng minh có ai đó đã làm nên cái bàn ấy. Người ta phải dùng trí khôn suy luận từ hậu quả đến nguyên nhân để quả quyết chắc chắn: cái bàn không thể tự nhiên xuất hiện, nhưng phải có một bác thợ mộc nào đó đã làm ra nó. Cũng vậy, khi nhìn thấy vũ trụ thiên nhiên với những định luật trật tự lạ lùng hoàn hảo, trong đó Khoa học chỉ có thể nghiên cứu tìm hiểu những định luật, những hiện tượng thiên nhiên, những gì thuộc vật chất... nhưng không bao giờ chứng minh được rõ ràng về sự hiện hữu của Thiên Chúa ? Khoa học không thể cho biết sinh hoạt của Thiên Chúa ra sao ?... Vì Thiên Chúa là Đấng thiêng liêng vô hình, và không hiện diện tại một nơi nào đó trong vũ trụ, không lệ thuộc vào những định luật không gian thời gian do Ngài sáng tạo. Muốn nhận biết Thiên Chúa, người ta phải sử dụng trí khôn suy luận từ hậu quả đến nguyên nhân: Có vũ trụ trời đất với những trật tự lạ lùng kỳ diệu thì đương nhiên đã phải có một Đấng nào đó không phải là vật chất, đã tạo dựng nên chúng và an bài để chúng tiếp tục tồn tại. Đấng ấy chính là Thiên Chúa.

TÓM LẠI: Khoa học ngày nay tuy đã có nhiều tiến bộ nhưng vẫn luôn có giới hạn. Khoa học chẳng qua chỉ là sản phẩm của trí khôn hữu hạn của con người, có nhiệm vụ khám phá những gì vẫn có trong vũ trụ thiên nhiên và hướng những hiểu biết ấy vào việc phục vụ con người. Khoa học ngày càng tiến triển là một bằng chứng cho thấy sự hữu hạn của nó. Vì còn tiến tức là còn có nhiều điều khác vẫn chưa khám phá ra. M. POINCARÉ đã nói: **“Khoa học dù có tiến xa, phạm vi của nó vẫn có hạn. Ngoài giới hạn của nó là sự bí mật. Biên giới càng xa thì bí mật càng rộng.”** ARSONVAL cũng khẳng định: **“một câu trả lời của nhà khoa học sẽ gợi ra 20 vấn nạn khác. Khoa học là trường rèn luyện về đức tính khiêm tốn và thành thực”.** YOUNG cũng phải thú nhận rằng: **“Càng giỏi càng thấy mình dốt”.**

Ngay trong phạm vi vật chất nhà Khoa học còn bất lực không thể giải đáp được nhiều vấn đề, phương chi về những vấn đề siêu hình như sự hiện hữu của Thiên Chúa, linh hồn, đời sau... Đây là những vấn đề vượt quá khả năng của khoa học thực nghiệm mà chỉ có triết học suy luận và thần học mạc khải mới có quyền lên tiếng. Tuy nhiên, Khoa học có thể đóng góp tích cực trong việc tìm kiếm chân lý: Khoa học có thể nghiên cứu và cho biết sự sắp đặt kỳ diệu, những định luật lạ lùng chi phối thiên nhiên... Rồi nhờ nguyên tắc nhân quả của triết học, con người sẽ nhận biết Đấng Tạo Hóa và nhờ mạc khải của Thiên Chúa trong Thánh Kinh, con người sẽ hiểu biết nhiều mâu nhiệm của Thiên Chúa.

Vì thế ông Newton, một nhà thiên văn học lừng danh đã mạnh dạn quả quyết : “Tôi nhìn thấy Thiên Chúa ở đầu thiên lý kính của tôi”.

3. THẢO LUẬN:

1) Bạn sẽ trả lời thế nào khi nghe một người bạn nói khoa học đã chứng minh ngoài con người, không có một Thiên Chúa hay thần minh nào khác cả ?

2) Hãy cho biết cứ cãi lý nhau về có hay không có Thiên Chúa liệu sẽ có người thắng người thua không ? Điều quan trọng nhất các tín hữu phải làm khi gặp một người bạn phủ nhận sự hiện hữu của Thiên Chúa ?

4. NGUYỆN CẦU:

- Lạy Chúa Cha từ bi nhân ái. Xin cho chúng con luôn xác tín về sự hiện hữu của Chúa trong vũ trụ thiên nhiên và trong mỗi giây phút trong cuộc sống của mỗi người chúng con, để không ngừng dâng lời ngợi khen chúc tụng Chúa noi gương Mẹ Ma-ri-a: “Linh hồn tôi ngợi khen Đức Chúa... Đáng Tòan Năng đã làm cho tôi biết bao điều cao cả, danh Người thật chí thánh chí tôn.” (Lc 1,46b.49).

- Mỗi khi gặp phải một kẻ cứng lòng tin. Xin cho chúng con biết cầu xin Chúa đỡ ơn Thánh Thần giúp chúng con biết phải đối thoại và trình bày đức tin thế nào để giúp họ nhận biết Chúa? Chúng con luôn xác tín rằng: đức tin là do ơn Chúa ban và đòi sự thiện chí đón nhận của con người. Xin giúp chúng con biết làm chứng cho Chúa bằng một lối sống yêu thương khiêm nhường và phục vụ tha nhân vô vụ lợi, và phó thác thành quả cho Chúa quan phòng.- AMEN.

LM ĐAN VINH - HHTM

VỀ MỤC LỤC

KINH LẠY CHA (LUẬN BÀN VỀ KINH LẠY CHA THÔNG QUA CÁC TÁC PHẨM CỦA TRIẾT GIA SIMONE WEIL)

Kinh Lạy Cha

(Luận bàn về *Kinh Lạy Cha* thông qua các tác phẩm của triết gia Simone Weil)

Lạy Cha chúng con ở trên trời, chúng con nguyện danh Cha cả sáng, nước Cha trị đến, ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời. Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày, và tha nợ chúng con như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con. Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ, nhưng cứu chúng con cho khỏi mọi sự dữ.

Lạy Cha chúng con ở trên trời

Chúa là Cha của chúng ta. Chúng ta thuộc về Chúa. Ngài yêu thương chúng ta. Chúng ta không cần phải vất vả tìm kiếm Ngài, chúng ta chỉ cần đưa mắt hướng về phía Ngài. Chỉ có Chúa mới đi tìm chúng ta mà thôi. Chúng ta phải cảm nhận mình hạnh phúc dường bao khi biết rằng Chúa là Đấng vô biên vô tận, vượt ngoài tầm với của chúng ta. Điều này có nghĩa rằng, những sai lầm hay khổ đau mà chúng ta gây ra cũng không thể nào làm giảm suy đi vị trí hoặc tình yêu của Chúa trong cuộc đời mỗi chúng ta. Chúng ta không được áp đặt tư tưởng của riêng mình lên Chúa là Cha của chúng ta. Chúng ta không được xây nên ngẫu tượng, để tôn thờ hoặc để chìm xuống (Chúng ta thường dùng lý lẽ riêng mình, để nâng Ngài lên, hoặc nếu không thích chìm Ngài xuống tận vực thẳm). Để cầu nguyện với Cha của chúng ta, chúng ta cần bước vào mầu nhiệm của Chúa Ba Ngôi Cực Thánh, có nghĩa là, nhận biết Chúa như Chúa là (as God is), và như Chúa Giêsu đã mặc khải Thiên Chúa cho chúng ta. Khi Chúa Giêsu đến với chúng ta và chúng ta gọi Người là 'Con Thiên Chúa,' điều này đã cho chúng ta có được một ý nghĩa mới mẻ cho tiếng gọi 'Cha'. Chỉ khi bạn biết mình thực sự là người con, thì bạn mới có thể gọi đúng nghĩa ai đó là 'cha'.

Chúng con nguyện danh Cha cả sáng

Để gọi Cha là 'cả sáng' (holy/hallowed) thì chúng ta cần trảm mình vào tận trong mầu nhiệm thâm sâu Thiên Chúa, cũng như vào trong cõi hạn giới đầy kịch tính mà Thiên Chúa đã bày tỏ chương trình cứu độ cho nó. Xin cho danh Cha 'cả sáng' tức là để mình đi vào kế hoạch yêu thương nơi cuộc đời của mỗi chúng ta ngay vào lúc này đây và trong nơi trần thế này, "theo như Người đã định từ trước trong Đức Kitô," để chúng ta nhờ tình thương của Người, chúng ta sẽ trở nên "tinh tuyền thánh thiện và không gì đáng trách trước nhan Người" (Êph 1,9). Danh Chúa là *cả sáng* ngay tự bản chất. Trong khi xin sự *cả sáng* của Ngài, tức là chúng ta đang cầu xin cho điều gì đó được tồn tại mãi mãi, với một thực tại hoàn hảo tràn đầy, hầu chúng ta không còn có thể làm gia tăng hay suy giảm danh thánh ấy được nữa. Để cầu xin cho điều gì đó tồn tại mãi mãi, một sự tồn tại thực thụ, không thể nào sai lầm được, hoàn toàn không lệ thuộc vào lời cầu nguyện của chúng ta, thì đây mới chính là lời nguyện xin thật hoàn hảo.

Nước Cha trị đến

Điều này liên quan đến điều gì đó mà chúng ta có thể đạt tới, một điều gì đó chưa xuất hiện tại đây. Nước Cha có nghĩa là sự ngập tràn ơn Chúa Thánh Thần trong toàn thể linh hồn chúng ta. Chúa Thánh Thần thổi đi đầu tùy Ngài. Điều còn lại là, chúng ta có dám mời Ngài vào trong chúng ta không mà thôi. Chúng ta đừng ra sức cố gắng phải tìm cho được cách thế đặc biệt hay hữu hiệu nào đó để mời mọc Ngài vào thăm tâm hồn chúng ta hay tâm hồn những người khác nói riêng, hay thậm chí cho tất cả mọi người nói chung; Chúng ta chỉ cần mời Ngài với lòng đơn sơ chất phác, để làm sao toàn bộ tư tưởng của chúng ta chỉ còn là một sự mời mọc Ngài, chỉ còn lại một tiếng rên xiết khôn tả mà thôi. Lời mời mọc ấy phải da diết, như thể là tiếng da diết của ai đó đang ở trong cơn khát dữ dội; khát đến độ mà người ấy sẽ không còn tâm trí nào mà nghĩ đến hành động uống vốn liên hệ đến bản thân mình nữa, hay thậm chí hành động uống nói chung. Người ấy chỉ còn nghĩ đến nước mà thôi. Vâng! chỉ là nước lúc này đây mà thôi. Thật thế, hình ảnh nước sẽ trở nên như một tiếng gào thét phát ra từ toàn bộ hữu thể của chúng ta. Qua sự phân định rõ rệt tác động của Chúa Thánh Thần, người Kitô hữu cần nhận biết đâu là sự phát triển của Nước Cha và đâu là sự phát triển của xã hội và văn hóa mà họ đang dự phần vào. Sự khác biệt (distinction) này không phải là sự tách biệt (separation). Ơn gọi của nhân loại cho sự sống vĩnh cửu không phải là kim nén, nhưng thực ra là củng cố bổn phận của mình hầu làm cho những tiềm năng và mọi phương tiện của mình đang có sẽ trở nên hữu ích trong thế gian này. Đáng Tạc Hóa đã ban tặng cho nhân loại tiềm năng và phương tiện ấy để mà biết phục vụ cho công lý và hòa bình (Văn kiện Công Đồng Vatican II: Hội Thánh trong Thế Giới Ngày Nay).

Ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời

Ở đây, chúng ta cầu xin cho mọi sự trên thế giới này, một cõi giới đang hiện hữu trong thời gian, cũng được giống y như cõi giới vô hạn (phi không gian và thời gian) theo như ý Chúa muốn. Sự khao khát của chúng ta sẽ xuyên thủng thời gian để từ đó khám phá được cái vĩnh cửu sau nó (khao khát là vượt qua, là vượt tính). Chúng ta phải biết khát khao như thế này: tất cả những gì đã xảy ra ở quá khứ thì rất nên được xảy ra như thế, ngoài ra không cần bất cứ gì khác nữa. Chúng ta phải làm thế, không phải vì những điều đã xảy ra ấy là tốt là đẹp trong con mắt của chúng ta, nhưng là vì Chúa cho phép chúng xảy ra như vậy. Hơn nữa, chúng ta phải làm thế, vì chính sự ngoan ngùy tuân phục Chúa của chúng ta đã là một tuyệt đối tốt lành rồi vậy, qua dòng chảy diễn biến của các sự kiện đời ta. Đời sống tâm linh của chúng ta khi thì lên, khi lại xuống. Lên lên, xuống xuống này cũng như là những giọt nước trong biển cả mênh mông, những giọt nước này được hất tung lên và văng khắp phía trên mặt đại dương theo cách thế sao cho phù hợp với ý Chúa toàn năng. Vâng! Vì những thất bại của chúng ta đã xảy ra trong quá khứ, thì giờ đây, chúng ta phải khát khao rằng: Chúng rất nên được xảy ra như vậy. Chúng ta cần quảng đi tất cả những khát khao khác qua một bên, để chỉ dành lại cho mỗi khao khát sự sống vĩnh cửu mà thôi. Chúng ta phải nghĩ đến sự sống vĩnh cửu, giống như người ta chỉ còn nghĩ đến nước uống khi họ đang chết dần chết mòn vì cơn khát nước, tuy nhiên, đồng thời chúng ta cũng phải dám khao khát rằng nước uống này nên bị tước đi khỏi chúng ta và những người thân yêu của chúng ta mãi mãi, còn hơn là chúng ta nhận nước uống thật dồi dào nhưng lại không đúng theo như ý Chúa muốn.

"Dầu là Con Thiên Chúa, Người (Chúa Giêsu) đã phải trải qua nhiều đau khổ mới học được thế nào là vâng phục" (Dt 5,8). Qua Người (Chúa Giêsu), chúng ta là những kẻ đã được Thiên Chúa đón nhận làm con, thế thì lý trí của chúng ta phải đến mức nào mới học biết được sự vâng phục?

Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày

Đức Kitô là cơm bánh của chúng ta. Cơm bánh là lương thực cần thiết hằng ngày để nuôi sống mình. Chúng ta không thể tích trữ cơm bánh. Khi chúng ta nhìn nhận sự hiện diện của Chúa Kitô trong

cuộc đời chúng ta, thì cũng chính là Người có mặt ngay trong lòng chúng ta. Một năng lượng siêu việt xuất phát từ trời cao sẽ đi vào chúng ta ngay lập tức khi chúng ta khát khao nó. Đây là một năng lượng đích thực. Năng lượng này thúc đẩy và làm nên những hành động thông qua trung gian là tâm hồn và thân xác chúng ta. Chúng ta cần phải cầu xin cho được loại lương thực này (năng lượng siêu việt). Trên cuộc hành trình đời ta, chúng ta đừng để, dù chỉ là một ngày, không có được loại lương thực này. Tuy vậy, sở dĩ người đói khát vẫn còn đó vì họ không có cơm bánh để mà ăn, sự hiện diện của những kẻ đói ăn sẽ làm cho chúng ta thấy được một ý nghĩa sâu thẳm khác cho lời cầu xin này. Bị kịch đói ăn của thế giới hôm nay đang gọi mời hết thảy Kitô hữu hãy tha thiết cầu xin cho được lương thực ấy và hãy ra đi thực thi trách nhiệm đối với gia đình nhân loại.

Và tha nợ chúng con, như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con

Quả là một lời cầu xin thật lạ lùng; Đây là một loại tình yêu, yêu cho đến tận cùng. Khi đọc đến những lời này, chúng ta đang cầu xin cho chúng ta biết xóa bỏ tất cả những ai, những gì đã và đang còn mắc nợ chúng ta. Mỗi khi chúng ta cho đi những gì chúng ta đang có, thì đồng thời chúng ta sẽ nhận thấy có một nhu cầu nào đó lại xuất hiện trong ta. Chúng ta nghĩ chúng ta cần điều này và cho rằng mình có quyền có nó. Các con nợ của chúng ta bao gồm tất cả mọi người và mọi thứ; chúng là toàn thể vũ trụ vạn vật. Chúng ta nghĩ rằng đâu đâu chúng ta cũng có quyền đòi hỏi yêu sách. Mỗi khi chúng ta cho phép mình quyền đòi hỏi, thì đồng thời luôn luôn xuất hiện trong tâm trí chúng ta ý niệm của một đòi hỏi ảo ở quá khứ cho tương lai của mình. Đây là sự đòi hỏi mà chúng ta cần phải khước từ.

Để tha cho những con nợ của mình, chúng ta phải khước từ toàn thể quá khứ đã qua. Có nghĩa là chúng ta thừa nhận tương lai phía trước đang rất trinh trong và nguyên vẹn (Chúa nói "Tha thứ bảy mươi lần bảy", có nghĩa là vô tận, là toàn thể, để cho mình trở nên trinh trong, như "cả sáng"). Chúng ta hãy giải thoát mình khỏi mọi ràng buộc mà trí tưởng tượng của chúng ta đang áp đặt lên trên nó. Một khi dứt khoát (cho một lần) từ khước mọi kết quả của quá khứ không chút chống cự gì, chúng ta mới có thể cầu xin Chúa cho tội lỗi quá khứ của mình không sinh ra hậu quả đau khổ nơi hiện tại và tương lai. Một khi còn bám vào quá khứ, thì Chúa cũng chẳng thể nào giúp chúng ta để ngăn chặn không cho sinh ra hậu quả khổ đau. Chúng ta không thể nào bám chặt vào quá khứ mà lại không duy trì tội lỗi của mình, vì chúng ta chẳng thể nào nhận thức được điều gì là tệ hại nhất trong con người chúng ta. Sự thứ tha cho những khoản nợ là sự nghèo khó tâm linh, là sự trần trụi tâm linh. Đây là sự chết. Nếu chúng ta hoàn toàn chấp nhận cái chết này, chúng ta có thể xin Chúa hãy làm cho chúng ta được tái sinh. Sự tha thứ (pardon) là sự thanh tẩy (purification).

Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ

Cám dỗ ghê gớm nhất cho con người là để cho những nguồn nội lực của mình bị đắm chìm trong sự hiện diện của sự dữ.

Nhưng cứu chúng con cho khỏi mọi sự dữ

Kinh nguyện khởi đầu bằng chữ "*Lạy Cha chúng con*" và kết thúc với chữ "*sự dữ*". Không những chúng ta cần có lòng tin cậy (vào Chúa) nhưng còn phải biết sợ hãi (sự dữ) nữa. Lòng cậy tin làm cho chúng ta thêm sức mạnh vừa đủ để không sa ngã, đồng thời cũng là kết quả của nỗi lo sợ (sự dữ) nữa.

Lm. Khất Tuệ

VỀ MỤC LỤC

XIN ĐỪNG VÔ TÂM

CHÚA NHẬT 15 THƯỜNG NIÊN NĂM C

Hôm nay, kể câu chuyện người Samaritanô nhân hậu, Chúa "lật đổ" thái độ vô tâm của hàng giáo sĩ trong Hội Thánh. Hãy nghe Chúa nói về hàng giáo sĩ của Chúa: "*Một người kia từ Giêrusalem xuống Giêricô, dọc đường bị rơi vào tay kẻ cướp. Chúng lột sạch người ấy, đánh như tử, rồi bỏ đi, để mặc người ấy nửa sống, nửa chết. Tình cờ, có **thầy tu** cũng đi xuống trên con đường ấy. Trông thấy nạn*

nhân, ông tránh qua bên kia mà đi. Rồi một **thầy Lêvi** tới chỗ ấy, thấy thế, cũng tránh qua một bên mà đi...”.

Tư tế là ai? Lêvi là ai? Những người đó tương đương những bậc “chân tu” của thời đại. Họ là tất cả Giám mục, linh mục của Chúa.

Chúng ta nên tạo thói quen tìm những lý lẽ tốt nhất để biện minh giúp cho người đang bị “kết tội”.

Trường hợp dụ ngôn Người Samaritanô nhân hậu, qua hình ảnh tư tế, Lêvi, ta cứ tạm coi như Chúa kết tội thái độ vô tâm của hàng giáo sĩ, thì chúng ta vẫn nhìn thấy bên trong sự vô tâm ấy là một nỗi sợ hãi.

Chúng ta biện minh cho thái độ vô tâm ấy là do sợ hãi. Bởi sợ nên vô tâm. Tư tế và Lêvi vô tâm đối với người bị cướp vì họ sợ bị nhiễm ô ứ.

Luật Do thái quy định, ai đụng chạm vào người ngoại giáo, nhất là đụng chạm vào xác chết sẽ bị nhiễm ô ứ.

Cứ cho rằng, người bị cướp có thể là người ngoại, lại còn sắp chết nữa. Vì thế, để khỏi nhiễm ô ứ, Tư tế và Lêvi trong dụ ngôn đã *“tránh qua một bên mà đi”*.

Ngày hôm nay, biết đâu vẫn còn những nhà lãnh đạo trong Hội Thánh sống trong sự nơm nớp lo sợ tương tự như thế. Chẳng hạn như sợ không được xây nhà thờ mà đành nhắm mắt làm ngơ trước cảnh bất công của giới cầm quyền.

Hoặc vì quyền lợi tư riêng mà ngậm miệng trước cảnh người nghèo bị áp bức. Hoặc vì dễ dãi sống, dễ yên thân sống mà không thèm đếm xỉa gì đến những anh chị em đang bị đố kỵ, bị rêu rúng, bị chà đạp quyền sống...

Chúng ta thua xa đức tin của cha ông chúng ta. Dù đức tin còn mới mẻ vô cùng, nhưng suốt ba thế kỷ bắt đạo là ba thế kỷ hằn lên một niềm tin kiên vững, bất khuất, bất chấp tất cả nỗi sợ hãi.

Cha Ông chúng ta, các thánh Tử Đạo Việt Nam là một bằng chứng sống động cho lời Chúa Giêsu dạy: *“Các con đừng sợ những kẻ giết được thân xác mà không giết được linh hồn. Đúng ra, các con phải sợ Đấng có thể tiêu diệt cả xác lẫn hồn trong hỏa ngục...”*.

Cha Ông chúng ta đã chẳng sợ bất cứ điều gì. Các ngài bất chấp tất cả mọi nguy hiểm, mọi thế lực, dù nguy hiểm, thế lực ấy hung bạo đến đâu, tàn khốc đến đâu, dã man đến đâu.

Cha Ông chúng ta còn bất chấp cả sự chết, quyết một đời trung kiên theo Chúa đến giây phút sau cùng của mạng sống. Và giây phút hiến dâng mạng sống, sẽ là sự hiến dâng trọn vẹn một đời cho Chúa.

Cha Ông chúng ta đã trung thành cao rao danh Chúa không chỉ bằng lời, không chỉ bằng hành động, không chỉ bằng đời sống, nhưng bằng cả SỰ SỐNG của mình.

Là người, như chúng ta, các thánh Tử Đạo Việt Nam, chắc không khỏi khiếp đảm trước cái chết. Nhưng vì lòng yêu mến Chúa, các ngài đã bỏ lại nỗi sợ hãi phía sau mạng sống đời này của mình, để đi tới trong đời vĩnh cửu.

Hiến dâng mạng sống vì lòng tin, các thánh Tử Đạo Việt Nam đã đi đến tận cùng của lòng thành phục Thiên Chúa, *“Đáng có thể tiêu diệt cả xác lẫn hồn trong hỏa ngục...”*.

Thế giới quanh ta vẫn còn đó, rất nhiều những người bị “cướp” như hình ảnh người bị cướp trong dụ ngôn Người Samari nhân hậu.

Đó là những bào thai không phương thế tự vệ, vẫn bị giết, bị trục xuất ra khỏi lòng mẹ không thương tiếc.

Đó là những trẻ em bị cướp mất tuổi thơ khi người ta buộc các em phải lao động nặng nhọc, phải tham gia vào con đường tội ác, phải đem chính giá trị tuổi thơ của mình phục vụ những kẻ mang hình người nhưng lương tâm thú tính trong các nhà chứa, trong các đường dây tình dục... Và còn biết bao nhiêu mảnh đời trẻ thơ phải chấp nhận sống chui rúc ở bãi rác, gầm cầu, phố chợ...

Đó còn là những mảnh đời ngụp lặn trong dòng đời nhầy nhụa, mất định hướng sống, mất niềm hy vọng sống. Cũng có thể họ là những người sống lương thiện, nhưng bị nghi ngờ, bị hiểu lầm, bị chèn ép, bị bóc lột, bị hiếp đáp...

Đó còn là những cụ già bị bỏ quên trên góc phố, bị mất tất cả sức lao động, nhưng vẫn phải lê thân từng ngày đội nắng, đội mưa bán vé số, lượm ve chai, ngửa tay xin lòng trắc ẩn của mọi người...

Tất cả những người ấy, đều rất cần chúng ta, những bàn tay của người Samaritanô thời đại. Chúng ta hãy dẹp bỏ thái độ vô tâm của tư tế, Lêvi để cúi xuống trên những anh chị em đau khổ của mình. Hãy nhớ rằng, chỉ khi trở thành người Samaritanô, ta mới thật sự là anh em của những người "bị cướp" ấy.

Hãy mang lấy tinh thần tử đạo của các thánh Tử Đạo Việt Nam, bất chấp mọi chướng ngại, mọi sợ hãi, lao thân phục vụ mọi con người lao đao, bất hạnh.

Ngày nay, chúng ta không dễ gì có thể đổ máu để mình chứng đức tin như cha ông của mình. Chúng ta chỉ hãy mang trong lòng mình, khắc sâu trong nội tâm mình hình ảnh các thánh Tử Đạo Việt Nam, hiên ngang sống cho đức tin, hiên ngang lao vào mọi mặt trận của đời sống con người để đánh phá mọi thứ "cướp", trả lại cho con người cuộc sống yên bình, hạnh phúc.

Đặc biệt, những người sống trong đời tu, càng phải ý thức mình đã hiến dâng cho Chúa, để luôn can đảm bên vực sự thật, công lý, tình yêu, con người... Họ hãy loại trừ hình ảnh tư tế, Lêvi ích kỷ, chỉ tìm vinh thân mà bỏ qua mọi điều tốt phải thực thi, không hề đoái hoài đến những con người bất hạnh, dù họ có ở ngay trước mắt mình.

Càng sống lâu trong đời tu, những người đã thánh hiến cho Chúa càng phải học lấy tinh thần bất khả nhượng của các thánh Tử Đạo Việt Nam, mà đối đầu trước mọi gai chướng, mọi thương đau, mọi cùng cực, mọi bẽ bàng của mọi anh chị em quanh mình.

Tất cả chúng ta, dù là giáo dân, tu sĩ, hay linh mục, đã là Kitô hữu, hãy đào tạo lương tâm mình thành người hữu dụng cho Thiên Chúa, cho Hội Thánh và cho cuộc đời. Hãy đào tạo mình thành người có tâm, biết chạnh lòng thương, biết nhìn đến nhu cầu của con người, không sống vô tâm, không sợ hãi bất cứ điều gì. Vì chính khi sống vì hạnh phúc của người khác, ta sẽ bắt gặp hạnh phúc của chính mình.

Lạy Chúa, người Samaritanô nhân hậu đã cúi xuống, ôm lấy nỗi đau của anh em mình. Nhân loại hôm nay vẫn còn đầy đau thương và nước mắt. Nhân loại vẫn cay đắng cơ hàn, đói lương thực, đói tinh thần và đói cả tình thương. Xin cho chúng con, những kẻ được thừa hưởng tình yêu thương vô bờ của Chúa, biết vượt lên mọi nỗi sợ hãi của trần thế, chỉ sợ mất lòng Chúa mà thôi. Từ đó giúp chúng con can đảm trở thành người Samaritanô hôm nay, để sống vì và sống cho sự sống của anh chị em chúng con. Amen.

Lm. JB NGUYỄN MINH HÙNG

VỀ MỤC LỤC

MỘT SỐ TỪ DIỄN NGHĨA VIỆC ÔNG TRỜI "LÀM, CHO, BAN, TẶNG"

I- Lời dẫn nhập

Xưa nay, lắm "kẻ trong THIÊN hạ" không biết ƠN THIÊN THƯỢNG dù họ vẫn luôn "mở miệng nói" hay "dùng ngón tay viết" chữ: TỰ NHIÊN, THIÊN NHIÊN, Adieu, Adios, Date, Datum!!! Do đó, tôi xin mạo muội giải thích ý nghĩa của các chữ vừa nêu, và, trước khi giới thiệu bài "A date with another woman" (Hẹn hò với bà khác) do tôi tạm dịch (1), xin nêu cảm nghĩ về bài viết ấy.

II- Ý nghĩa các chữ đã nêu

A- THIÊN hạ

"Thiên" là "Ông Trời, Tầng Trời" như trong Tin Mừng theo Luca 2,14 và trong kinh Vinh Danh: "Vinh Quang Thiên Chúa trên các Tầng Trời. Gloire à Dieu au PLUS HAUT des CIEUX." Chữ "hạ" là DƯỚI. Vậy, "THIÊN hạ" là Nhân Loại sống dưới Trời. (Mankind: The under-heaven; Humanité: Le sous-ciel)

B- THIÊN THƯỢNG

"Thượng" là TRÊN. THIÊN THƯỢNG là Đấng ngự trên Trời. Vì thế, Ông Cha mình mới dạy: "Đầu đội TRỜI, chân đạp đất." Từ điển Cao Đài viết: "Thiên Thượng là chỉ Đức Chí Tôn Thượng Đế."

C- TỰ NHIÊN, THIÊN NHIÊN

"Tự" là "mình, do mình"; "Nhiên" là "NHƯ THẾ, NHƯ VẬY", tức KHÔNG do con người làm ra! Sách Sáng Thế Ký 1,14 nói về "Tự Nhiên, Thiên Nhiên" như sau: "**Thiên Chúa PHÁN: Phải có những vầng sáng trên vòm trời để phân tách ngày với đêm, để làm dấu chỉ xác định các đại lễ, NGÀY và NĂM.**"

Như vậy, thời gian và không gian là DO THIÊN Chúa TỰ LÀM RA. Cho nên, THIÊN hạ gọi đó là THIÊN NHIÊN hay TỰ NHIÊN tức là TỰ MÌNH Ông Trời TẠO RA NHƯ THẾ, chứ con người KHÔNG thể làm được! "Ông Ấy" còn THƯỢNG nên BAN (TẶNG) cho đời thức ăn như sau: "Đây Ta BAN cho các con mọi thứ cỏ mang hạt giống trên khắp mặt đất và mọi thứ cây có trái mang hạt giống để làm lương thực cho các con. Còn đối với mọi dã thú, chim trời và mọi vật bò dưới đất mà có sinh khí thì Ta BAN cho chúng mọi thứ cỏ xanh tươi để chúng làm lương thực. VẬY đã có NHƯ THẾ. And it was was SO. Et il en fut AINSI. " (STK 1,29-30)

D- ADIEU, ADIOS

THIÊN hạ dùng hai từ ấy để nói lời TẠM BIỆT, nhưng lắm người đâu ngờ rằng ADIEU có nghĩa là "à Dieu" vốn là cách viết, nói GỌN câu: "Je vous / te CONFIE à DIEU. I COMMEND you to GOD." (Tôi giao phó / phó thác / ký thác anh, chị, em, bạn... CHO Thiên Chúa!) Người Tây-ban-nha cũng dùng thành ngữ "decirse adiós": nói với nhau lời tạm biệt.

E- DATE, DATUM

Người Anh và Pháp đều dùng chữ "date" là cách biếm âm (2) của chữ DATUM vốn là "phân từ" (participle) của động từ Latinh: DARE. (do, das, dedi, datum) Mà DATUM có nghĩa là ĐÃ TẶNG, ĐƯỢC TẶNG bởi Đấng TẠO HÓA, tức đó là "thời giờ": NGÀY, THÁNG, NĂM!!! Người Đức "khoái" chữ ấy nên nói và viết luôn "nó" như sau: "Welches **Datum** haben wir heute?": Hôm nay là (chúng ta đang có) NGÀY-THÁNG-NĂM bao nhiêu? Động từ tiếng Anh, Pháp, Đức "date, dater, datieren" có nghĩa là: ghi ngày, tháng, năm. Các chữ "Datei, data file, fichier de données" (3) đều có gốc là DATUM như đã trình bày. Sách Tông Đồ Công Vụ 17,26 tóm tắt Tình Yêu của Đấng Tạo Hóa như sau: "Từ một người, Thiên Chúa đã tạo thành toàn thể nhân loại để họ ở trên khắp mặt đất. Ngài đã **ÁN ĐỊNH** những THỜI GIAN rõ ràng và những ranh giới cho nơi họ sinh sống." Gioan 3,16 còn xác tín thế này: "Thật vậy, Thiên Chúa yêu thương thế gian đến nỗi đã **BAN Con Một** ngõ hầu ai tin vào **Con Một** ấy thì khỏi bị hư mất, nhưng được sống đời đời." (Trong bản Latinh, chữ DARET có nghĩa là BAN.) Sách Isaya 9,5 báo trước: "**Một** Hai Nhi đã sinh ra cho chúng ta và một **Con Trai** đã được **BAN** cho chúng ta." (Puer natus est nobis, et filius DATUS est nobis.)

F- Chữ DATE trong bài "A date with another woman"

Chữ DATE trong bài ấy có nghĩa là buổi HẸN HÒ. Vậy là con người "biết" sử dụng thời giờ là NGÀY, THÁNG, NĂM (DATUM), mà Ông Trời BAN TẶNG CHO, để ấn định nơi gặp gỡ nhau.

III- Cảm nghĩ về bài "A date with another woman"

Bài viết có nội dung rất hay, cảm động, hữu ích cho mọi lứa tuổi trong việc sống ĐẠO GIA THẬT. Phần kết luận cũng hợp tình, hợp lý. Tuy nhiên, tôi xin nhận xét về câu: "**Nothing in life is more important than God and your family!**" (Không-có-gì-trong-cuộc-đời quan trọng hơn Thượng Đế và gia đình của quý vị.)

Tác giả "vô danh" viết câu "vô tình" ấy khiến người đọc có thể nghĩ rằng Thượng Đế và gia đình là ĐỒNG HÀNG!!! Nhưng con người thì HỮU HẠN, còn Thượng Đế là Đấng PHI THỜI GIAN và PHI KHÔNG GIAN, TỐI CAO, VÔ HẠN, VĨNH HẰNG, TUYỆT ĐỐI. Cho nên, trong Mười Giới Răn, Điều 1,2,3 là "dành" cho Đức Chúa Trời. Sau đó MỚI LÀ Điều Răn thứ 4 "dành" cho Cha-Mẹ.

Trong văn phạm (ngữ pháp) tiếng Việt, Anh, Pháp..., có ba mức độ so sánh, ấy là: HƠN, BẰNG, THUA. Khái niệm "Không có gì quan trọng HƠN Thượng Đế" có thể bị hiểu lầm rằng CÓ gì đó BẰNG Thượng Đế!!! Nếu tác giả viết:

1- Thượng Đế và gia đình quan trọng HƠN tất cả trong cuộc đời.

2- Thượng Đế và gia đình quan trọng NHẤT trong cuộc đời. (cách so sánh ở cực cấp: superlatif) THÌ hai câu vừa nêu có nghĩa là: CHẴNG có gì HƠN hoặc BẰNG Thượng Đế và gia đình CẢ.

IV- BẢN DỊCH (của Phan văn Phước)

Hẹn hò với bà khác (A date with another woman)

Sau hai mươi một năm lấy vợ, tôi thấy được phương kế mới để giữ mãi ánh lửa tình yêu. Mới đây thôi, tôi bắt đầu đi với bà khác. Thật sự đó là ý kiến của vợ tôi.

Ngày nọ, nàng nói: ""Em biết anh yêu bà ấy.", khiến tôi ngạc nhiên.

Tôi bèn phản đối: "Nhưng anh yêu EM mà!"

- "Em biết, nhưng anh cũng yêu bà ta."

Người đàn bà khác, mà vợ tôi muốn tôi đến thăm, là mẹ tôi, góa bụa đã mười chín năm. Chuyện làm ăn và ba đứa con khiến tôi chỉ thỉnh thoảng mới đến thăm mẹ. Đêm hôm ấy, tôi gọi điện thoại để mời mẹ đi ăn tối và xem phim.

Mẹ tôi hỏi: "Chuyện gì chẳng ổn sao, con khỏe không?" Mẹ tôi là kiểu đàn bà ngờ vực rằng việc gọi điện thoại vào đêm khuya hay việc mời mọc bất ngờ là dấu hiệu của những tin chẳng lành.

Tôi trả lời: "Con nghĩ rằng ở với mẹ một ít thời gian là thú vị. Chỉ hai mẹ-con mình thôi."

Mẹ tôi ngẫm nghĩ một lúc, rồi bảo: "Mẹ thích điều con nói lắm chứ."

Thứ sáu ấy, làm xong việc, khi lái xe sang đón mẹ, tôi hơi bồn chồn. Đến nhà mẹ, tôi thấy mẹ cũng lộ vẻ bồn chồn vì buổi hẹn. Mặc áo choàng dài, mẹ chờ ở cửa. Mẹ đã uốn tóc và đang mặc áo dài mà mẹ đã mang để ăn mừng kỷ niệm lần cuối ngày thành hôn. Mẹ nở nụ cười trên khuôn mặt rạng rỡ như diện mạo của thiên thần.

Vừa bước vào xe, mẹ bảo: "Mẹ nói cho bạn của mẹ hay rằng mẹ sắp đi chơi với con trai của mẹ, cho nên họ cảm động lắm. Họ nóng lòng chờ nghe về buổi mẹ con mình gặp nhau."

Mẹ con chúng tôi vào nhà hàng tuy không thanh nhã, mà lại rất xinh và ấm cúng. Mẹ nắm tay tôi như thể mẹ là Người Đàn Bà Trội Nhất.

Hai mẹ-con ngồi xuống rồi, tôi phải đọc thực đơn. Mắt mẹ chỉ xem được chữ in lớn. Đang ăn giữa chừng món đầu, tôi ngước lên nhìn mẹ và thấy mẹ ngồi đó, chăm chú nhìn tôi. Trên môi mẹ là nụ cười nhớ nhung kỷ niệm.

Mẹ nói: "Chính mẹ thường phải đọc thực đơn hỏi con còn bé."

Tôi trả lời: "Vâng, đến lúc mẹ thư giãn, cho nên mẹ để con đáp lại ân huệ hỏi ấy."

Suốt bữa ăn tối, mẹ-con chúng tôi chuyện trò tâm đầu, ý hợp – chẳng có gì đặc biệt - chỉ kể bù những sự việc mới đây trong cuộc sống của mẹ, của con. Chúng tôi trò chuyện quá nhiều đến nỗi bỏ lỡ buổi xem phim.

Sau đó, khi về tới nhà của mình, mẹ nói: "Mẹ sẽ đi nữa với con, nhưng chỉ đi nếu như con để mẹ mời con." Tôi đồng ý và tạm biệt, chúc mẹ ngủ ngon.

Khi tôi về nhà, vợ tôi hỏi: "Buổi hẹn ăn tối như thế nào?"

Tôi trả lời: "Rất dễ thương. Dễ thương nhiều hơn anh đã hình dung."

Vài ngày sau, mẹ tôi lìa đời vì đau tim nặng. Sự việc xảy ra quá nhanh khiến tôi không làm gì được cho mẹ.

Ít lâu sau, tôi nhận được phong bì có bản sao biên lai của nhà hàng (là nơi) mẹ con tôi đã ăn tối. Có tờ giấy đính kèm ghi: "Mẹ trả tiền trước. Hầu như mẹ tin chắc rằng mẹ không đến đó được, dù vậy, mẹ vẫn trả tiền hai phần ăn, cho con và vợ của con. Con sẽ không bao giờ biết đêm hôm ấy có ý nghĩa thế nào đối với mẹ. Mẹ yêu con."

Bấy giờ, tôi hiểu được tầm quan trọng của lời nói "MẸ YÊU CON" đúng lúc và việc CHO người thân yêu của chúng ta thời giờ mà họ đáng được hưởng. Trên đời này, không có gì quan trọng hơn Thượng Đế và gia đình, hãy cho họ thời gian mà họ đáng được hưởng vì những điều ấy không thể dời sang lúc nào khác được.

Ghi chú:

1- Bản tiếng Anh: [A Date With The Other Woman](#) (Tựa đề chưa cho biết rõ "bà nào" thì không thể viết "the other", mà phải dùng chữ "another" (indefinite: bất xác định) thì mới đúng.

2- Bài khác sẽ nói về luật biếm âm của chữ DATUM và của một số từ thông dụng.

3- Danh từ "data" (trong tiếng Anh) là số nhiều của DATUM, mượn của Latinh.

Kính mời quý vị nghe Thánh Ca

1- có chữ Latinh DATUS (vì Hải Nhi là Con Trai của Trinh Nữ Maria):

[Puer natus est nobis \(Coro Ultraia-Monasterio de Poio\) - YouTube](#)

2- có khung và nốt nhạc: [Introitus - Puer natus nobis est - YouTube](#)

3- có lời dịch sang tiếng Anh: [Puer natus est - YouTube](#)

Đức Quốc, 06.7.2013

Đaminh Phan văn Phước

VỀ MỤC LỤC

Tìm biết mình

Lm. Minh Anh chuyển ngữ

Nguyên tác: Taking Flight - Bay Lên Đi

Tác giả: Anthony de Mello, S.J.

Chỉ dẫn:

Tốt nhất, các câu chuyện sẽ được đọc theo thứ tự như đã sắp xếp. Mỗi lần đọc không quá một hoặc hai mẩu chuyện nếu bạn ước ao có được một cái gì đó hơn là chỉ giải trí.

Lưu ý:

Các chuyện kể trong tập sách này đến từ nhiều đất nước, nhiều nền văn hoá và tôn giáo khác nhau; chúng thuộc về những di sản thiêng liêng, những câu chuyện hài hước được ưa chuộng của dòng đời nhân loại.

Những gì tác giả làm là xâu kết chúng lại với nhau theo một ý hướng đặc thù. Công việc của tác giả là công việc của người thợ dệt và thợ nhuộm, tác giả chẳng có công trạng gì về những tấm vải và những sợi chỉ.

LTS. Chỉ dẫn và lưu ý trên đây là của tác giả. Tuy nhiên, vì Đặc San GSVN chỉ phát hành 2 tuần một lần nên mỗi số báo BBT xin giới thiệu trung bình từ 5 đến 7 mẩu chuyện. Bạn đọc có thể lưu lại để nghiền ngẫm suy tư.

Chủ đề : Bản ngã

180. Tìm biết mình

Một gã trông có vẻ lo lắng, hút cần sa và mang tràng hạt, quần sờn đáy và tóc dài tới vai đi vào phòng bác sĩ tâm lý.

Bác sĩ bảo, “Anh cho mình không phải là một thanh niên lập dị chống lại những quy ước xã hội. Thế thì anh giải thích thế nào về quần áo, tóc tai và cần sa?”.

“Đó là điều mà tôi đến đây để tìm hiểu, thưa bác sĩ”.

Biết việc là học. Biết người là khôn. Biết mình là ngộ.

ﷲ

181. Bạn là ai?

Một sinh viên đến gặp một thư ký tại phòng học nghe, cậu nói, “Cho em một cuốn băng trắng!”.

“Em đang học tiếng gì?”, thư ký hỏi.

“Tiếng Pháp”, sinh viên đáp.

“Xin lỗi, chúng tôi không có băng trắng bằng tiếng Pháp”.

“Ồ, thế cô có băng trắng nào bằng tiếng Anh không?”

“À, có”.

“Tốt quá. Em sẽ lấy một trong các băng đó”.

Nói đến một cuốn băng trắng, Pháp hay Anh, thì cũng như nói đến một người Pháp hay người Anh. Pháp hay Anh là điều kiện của bạn chứ không phải bạn.

Một đứa trẻ được cha mẹ người Mỹ sinh ra và được cha mẹ người Nga nhận làm con nuôi. Nó hoàn toàn không biết nó là con nuôi và đã lớn lên thành một nhà ái quốc và một đại thi hào diễn tả cái vô thức tập thể của tâm hồn Nga và những khát vọng của quê mẹ là Nga. Vậy nó là người Nga hay người Mỹ? Nó chẳng là Nga cũng chẳng là Mỹ. Hãy khám phá bạn là ai, là gì.

182. Cảnh thận kéo mắt cửa

“Anh đem cánh cửa đi đâu thế?”.

“Đó là cửa trước nhà tôi. Tôi mất chìa khóa và mang nó đi làm chìa khoá mới”.

“Bây giờ, hãy cẩn thận kéo lại mắt cửa, anh sẽ không vào nhà được đâu”.

“Ồ, tôi đã mở cửa sổ để phòng rủi ro”.

ﷲ

183. Vắt nó đi

Thiền Sư Bankei được biết là không sáng lập trường học nào cả. Ông để lại những tác phẩm nhưng lại không có môn đệ nào. Ông giống như cánh chim bay ngang bầu trời mà không để lại dấu vết.

Người ta nói về ông, “Khi ông vào rừng, một ngọn cỏ chẳng lung lay; khi ông xuống nước, mặt sông không gợn sóng”.

Ông không động đến đất. Không chiến công hiển hách, không một cuộc xâm chiếm, một thành tựu hay một linh đạo nào sánh bằng điều này: không động đến đất.

Người kia ôm hoa đến dâng Đức Phật. Phật nhìn anh rồi bảo, “Vắt nó đi!”.

Anh không tin Phật bảo mình vắt hoa đi. Nhưng bỗng anh nghĩ, có lẽ ngài bảo vắt những bông hoa cầm ở tay trái, vì trao tặng vật gì bằng tay trái là điều không thích hợp và vô lễ. Thế là anh ta vắt những bông hoa đang cầm ở tay trái.

Phật lại bảo, “Vắt xuống”.

Lần này anh thả tất cả hoa xuống và đứng tay không trước mặt Phật, một lần nữa, ngài cười và nói, “Hãy thả nó xuống”.

Bối rối, anh hỏi, “Con còn phải vất cái gì nữa?”.

“Không phải hoa, con ạ, nhưng là kẻ mang hoa”, Phật đáp.

گ

184. Bình chứa và vật chứa

Một thiền sư được mọi người coi như Đấng Khôn Ngoan Nhập Thế. Mỗi ngày ông giảng về những khía cạnh khác nhau của đời sống thiêng liêng và rõ ràng ai ai cũng nhận thấy không người nào vượt qua ông về sự phong phú, sâu sắc và những giá trị hấp dẫn ở các bài giáo huấn.

Lần nào các môn đệ cũng hỏi thầy mình từ đâu ông có thể múc lấy những kho tàng khôn ngoan vô tận ấy. Ông bảo tất cả sẽ được viết ra trong cuốn sách họ sẽ thừa hưởng sau khi ông chết.

Ngay sau ngày ông qua đời, các môn đệ tìm ra cuốn sách chính nơi ông bảo. Chỉ một trang trong cuốn sách đó và chỉ một câu trên trang đó với nội dung: “Hãy hiểu sự khác biệt giữa cái chứa đựng và cái nó chứa đựng. Từ đó, nguồn mạch khôn ngoan sẽ mở ra cho các con”.

گ

185. Kẻ ngấm nhìn

Một câu chuyện từ Upanishads:

Hiền triết Uddalaka dạy con trai mình là Svetaketu nhận ra Đấng Duy Nhất sau những dáng vẻ bề ngoài của phức hợp. Ông dạy con qua những dụ ngôn khác nhau, chẳng hạn dụ ngôn sau đây:

Ngày kia, ông bảo con, “Hãy bỏ muối vào nước và sang mai hãy trở lại”.

Cậu bé làm như cha bảo và ngày hôm sau ông bảo, “Hãy lấy cho cha muối mà con bỏ vào nước hôm qua”.

“Con không thể tìm ra nó”, cậu bé thưa. “Nó đã tan rồi”.

“Hãy ném nước từ cạnh đĩa này xem”, Uddalaka hỏi, “Nó có vị gì?”

“Mặn”.

“Nhấp ở giữa. Nó thế nào?”.

“Mặn”.

“Đổ nó đi”, người cha bảo.

Đứa trẻ làm như thế và quan sát thấy, sau khi nước bốc hơi muối lại xuất hiện. Rồi Uddalaka bảo, “Con không thể nhận biết Thiên Chúa ở đây, nhưng thực sự Ngài có đó”.

Những ai tìm kiếm giác ngộ, sẽ không gặp được bởi họ chưa hiểu rằng, đối tượng của việc tìm kiếm chính là kẻ đi tìm. Theo cách thức của vẻ đẹp, Thiên Chúa hiện diện nơi “cái tôi” của kẻ ngấm nhìn.

Những gì linh mục nên làm và không nên làm cho gia đình, nhất là ông bà cố, cũng như con cái bảo trợ và linh tông.

Lm. Micae-Phaolo Trần Minh Huy, pss.

BẢN THẢO

ỨNG SINH LINH MỤC HỌC & SỐNG LINH ĐẠO LINH MỤC GIÁO PHẬN

GIÁO TRÌNH TU ĐỨC LỚP THẦN II & III

ĐẠI CHủng VIỆN THÁNH GIUSE HÀ NỘI

2011-2012

CHƯƠNG HAI

C. ỨNG SINH LINH MỤC GIÁO PHẬN HỌC VÀ SỐNG TƯƠNG QUAN VỚI GIA ĐÌNH

V. Những gì linh mục nên làm và không nên làm cho gia đình, nhất là ông bà cố, cũng như con cái bảo trợ và linh tông.

Thiên Chúa dựng nên con người, Ngài phú bẩm cho họ con tim để yêu thương chia sẻ với tha nhân. Vì thế, cuộc sống của con người không thể không có các mối tương quan, đặc biệt nơi người linh mục, các mối tương quan đó càng đòi hỏi sâu đậm hơn: Tương quan mật thiết với Thiên Chúa là Cha, Đáng tuyển chọn và mời gọi cha làm chứng cho Ngài; tương quan với tha nhân để cùng nhau sống lời mời gọi nên thánh. Linh mục cần phải thăng hoa các mối tương quan này. Chúng ta sẽ trình bày những điều linh mục nên làm và không nên làm cho những người thân trong gia đình huyết tộc cũng như gia đình linh tông.

V.1. Đối với gia đình bà con, đặc biệt là ông bà cố

V.1a. Những điều nên làm

- ♦ Là thành viên của gia đình, linh mục cũng có nghĩa vụ quan tâm đến anh chị em, bà con và đặc biệt là ông bà cố, người đã sinh thành dưỡng dục mình. Đây là những người đã giúp đỡ, động viên và dưỡng nuôi ơn gọi linh mục của mình, nên linh mục cần có lòng biết ơn, trân trọng và giữ tình giao hảo, dâng lời cầu nguyện cho mọi người trong gia đình, qua kinh nguyện và nhất là trong thánh lễ hàng ngày.

- ♦ Linh mục phải là người con hiếu thảo đối với cha mẹ bằng việc quan tâm chăm sóc các ngài cả về tinh thần lẫn vật chất trong phạm vi có thể: Linh mục kiên định theo đuổi ơn gọi bằng đời sống đạo đức, thánh thiện để trở nên món quà tinh thần cho cha mẹ.

- ♦ Về vật chất: Linh mục là một người con trong gia đình nên có bổn phận như các người con khác, cũng phải chăm lo cho cha mẹ khi cha mẹ bệnh tật, già yếu hoặc những nhu cầu cần thiết, trong điều kiện có thể của mình.

- ♦ Nên thu xếp công việc về thăm viếng, động viên mọi người trong gia đình vào các dịp đặc biệt.

- ♦ Cầu nguyện cho ông bà cố và mọi người trong gia đình. Khi trong gia đình có người thân qua đời, linh mục về yên ủi chia buồn cùng gia đình, cũng như dâng thánh lễ cầu nguyện cho người mới qua đời, cách riêng ông bà cố.

- ♦ Có thể phụ cấp nuôi dưỡng và chăm sóc ông bà cố khi cần thiết: thăm hỏi và tặng quà vào những dịp lễ tết hay những ngày đặc biệt.
- ♦ Vâng phục các ngài với tất cả lòng yêu thương, kính trọng và hiếu thảo. Giữ tôn ti trật tự trong gia quyến, kính trên nhường dưới, xưng hô đúng vai vế đối với những người trong gia đình và họ hàng. Thông cảm với ông bà cố, vì các ngài có thể là những người xưa và không được học hành nhiều.
- ♦ Thăm hỏi những vị tiền bối và xin ý kiến của các ngài. Có thể lắng nghe các ngài nhận định phê bình, đánh giá với niềm kính trọng sâu xa, tuy các vị đó không được học nhiều như mình, nhưng kinh nghiệm đời thì chắc chắn các vị đó hơn mình.
- ♦ Nếu nhà con một, có thể nuôi dưỡng ông bà cố ở giáo xứ của mình. Tuy nhiên, việc này rất tế nhị, thực sự cần thiết thì hãy làm cách đó, và đừng để các ngài can thiệp vào công việc của giáo xứ.
- ♦ Khuyến dạy, chia sẻ, động viên một cách có trách nhiệm với người thân và gia đình về đời sống đức tin và luân lý.
- ♦ Làm gương cho mọi người, nhất là con cháu trong gia đình về lòng hiếu thảo với ông bà cha mẹ. Khi có dịp thuận tiện, nên về thăm cha mẹ và những người thân.
- ♦ Nâng đỡ và giúp đỡ không những về mặt tinh thần mà về cả vật chất nữa, nhất là những lúc khó khăn, đau yếu. Linh mục cũng phải trân trọng sự giúp đỡ từ phía gia đình về vật chất lẫn tinh thần.
- ♦ Linh mục phải trở nên dấu chỉ, trung gian hòa giải các mối bất hòa trong gia đình; đồng thời hướng dẫn mọi người sống các giá trị Tin Mừng và giáo huấn của Giáo Hội.
- ♦ Linh mục động viên, khuyến khích con cháu trong việc học hỏi giáo lý và văn hóa; trân trọng những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình. Nên mời gia đình, họ hàng và cha mẹ tới thăm giáo xứ trong những dịp thuận tiện.
- ♦ Cần cân nhắc lựa chọn mức thang giá trị mỗi khi có chuyện liên can đến giáo xứ và gia đình. Linh mục giữ thế trung lập giữa gia đình, họ hàng với cha xứ và giáo xứ quê hương.

V.1b. Những điều không nên làm

- ♦ Linh mục không nên để cha mẹ quá thiếu thốn khi có điều kiện chăm lo, nhưng không nên dùng của cải vật chất của nhà xứ nơi mình được ủy thác trông coi để làm giàu cho gia đình.
- ♦ Không áp đặt ý kiến của mình cho ông bà cố và gia đình, nên nhớ bổn phận làm con và là một thành viên trong gia đình.
- ♦ Không thường xuyên về nhà hay quá lo lắng cho gia đình, vì như thế dễ làm cho người khác nói mình chỉ chăm lo cho gia đình mà bỏ bê công việc của Giáo Hội. Nhưng không vì thế mà thờ ơ không màng gì đến gia đình và người thân.
- ♦ Không nên sống cách trưởng giả, coi thường người thân và những người ít học trong gia đình và họ hàng, tự phụ mình là linh mục học rộng biết nhiều để lên lớp, dạy đời... Nếu có muốn khuyên răn hay chỉ bảo thì cũng cần khéo léo, tôn trọng cách đúng mực.
- ♦ Không nên vội vàng phê bình, chỉ trích hoặc can thiệp quá sâu vào những vấn đề nội bộ của gia đình và họ hàng, nhưng cũng không nên thờ ơ với những việc đại sự của gia đình.
- ♦ Không nên thu cốp những thứ người ta giúp đỡ cho việc mục vụ mang về nhà làm của riêng. Tránh tình trạng “một người làm quan cả họ được nhờ” mà phụ cấp quá nhiều cho ông bà cố cũng như mọi người trong gia đình.
- ♦ Không nên lo lắng quan tâm đến gia đình cách thái quá mà bê trễ việc mục vụ giáo xứ, cũng như không được để gia đình của mình can dự vào những công việc của giáo xứ mình coi sóc.
- ♦ Không nên cho người thân vay tiền của giáo xứ và can thiệp trong việc cho vay tiền của cá nhân mình.

V.2. Đối với con cái bảo trợ

V.2a. Những điều nên làm

- ♦ Linh mục có bổn phận giúp đỡ các mầm non ơn gọi nam cũng như nữ, ít là trong nhiệm sở mình coi sóc. Noi gương Chúa Giêsu trong việc tuyển chọn và huấn luyện các mầm non ơn gọi.
- ♦ Làm cho gia đình linh tông có những mối dây liên hệ và hiệp thông tốt lành giúp ích cho sự thăng tiến ơn gọi.
- ♦ Cư xử đúng vai trò một người cha để con cái tin tưởng bày tỏ xu hướng, tâm tình cách chân thành và cởi mở. Tận tình hướng dẫn con cái để họ có thể chọn đúng con đường mà Thiên Chúa muốn họ đi.
- ♦ Tìm hiểu hoàn cảnh và môi trường giáo dục để ngăn chặn những nguy hại và phát triển những ưu điểm cho con cái về ơn gọi.
- ♦ Tạo sự gần gũi với gia đình của con cái và dạy họ biết quý trọng bố mẹ và gia đình của họ. Nên thăm gia đình họ trong những dịp cần thiết để khích lệ động viên gia đình cùng chăm lo ơn gọi cho con cái.
- ♦ Đối xử bình đẳng và trong sáng trong lời nói và việc làm với những con cái đã tin tưởng nhận mình, nhất là đối với các con gái.
- ♦ Vì là chỗ dựa tinh thần cho con cái nên linh mục cần sống gương mẫu, có đức tin vững vàng, nhiệt tâm với các linh hồn, vui vẻ lạc quan, nỗ lực trau dồi kiến thức, thể hiện lòng can đảm và trung thành với Chúa và Giáo hội.
- ♦ Có thể góp phần vào việc chu cấp một phần vật chất cho con cái bảo trợ để chúng có đủ điều kiện được học hành và tu tập: nhiều con em giáo dân nghèo bị thất học, mà càng thất học càng nghèo đói và bị thua thiệt đủ điều. Có nhiều con em có đủ trí khôn và rất hiếu học, lại có những em muốn dâng mình cho Chúa để phục vụ các linh hồn sau này, nhưng vì nhà nghèo không đi học nổi nên đành chịu.
- ♦ Hướng dẫn, động viên để giúp họ tiến lên trên con đường nhân đức. Tạo sự gần gũi, tin tưởng, nhất là tạo môi trường thuận lợi cho con cái học tập và thăng tiến trên con đường thiêng liêng. Phân tích đời sống ơn gọi cách chân thực và đa diện để các em hiểu biết và sống đời sống ơn gọi cách tốt hơn.
- ♦ Sống đời sống trong sáng với các con cái mình. Luôn đồng hành và động viên con cái, nhất là trong những lúc khó khăn, khủng hoảng, đặc biệt là cảm thông và tập đi vào suy nghĩ của họ để hiểu họ và định hướng cho họ cách đúng đắn hơn.
- ♦ Trợ cấp vật chất vừa đủ để khích lệ con cái thăng tiến tri thức và đời tu. Tập cho các em có ý thức trách nhiệm lương tâm: mình đã được giúp đỡ mà nên người nên việc, thì sau này khi đến lượt mình cũng phải cố gắng giúp đỡ những người kém may mắn hơn mình. Người này giúp người khác, rồi người khác lại giúp người khác nữa, cứ như thế mà nhân rộng mãi ra, biết đâu chừng sẽ có một hiệu quả lớn lao.
- ♦ Cầu nguyện và có những chỉ dẫn kịp thời để giúp con cái tìm ra thánh ý Chúa để tiếp tục dẫn thân. Nếu có những dấu hiệu đi lạc xa mục đích thì cần có những ngăn chặn, hướng dẫn kịp thời.
- ♦ Nên làm gương sáng cho những người mà mình nhận bảo trợ ơn gọi. Ý thức rằng đời sống của mình ảnh hưởng rất lớn tới đời sống ơn gọi của con cái.

V.1b. Những điều không nên làm

- ♦ Không để tình cảm làm ảnh hưởng đến ơn gọi và bổn phận mục vụ của mình; cũng đừng để tình cảm của mình bị thiên lệch khiến có sự so bì ảnh hưởng đến mối hiệp nhất trong gia đình.
- ♦ Không nên dùng tiền để chiêu mộ ơn gọi hoặc chiêu chuộng con cái bằng cách cho tiền thoải mái, so bì với con cái cha khác.

- ♦ Không nên nhận quá nhiều con khi không thể chu toàn bổn phận. Cũng không nên lợi dụng gia đình của con cái bảo trợ để mưu cầu lợi ích riêng: *để con nuôi cha thay vì cha nuôi con!*
- ♦ Không nên chỉ nuôi con nhằm mục đích giúp mình mà không tính đến việc đào tạo họ để họ có cơ hội tiến lên. Không nên giao quá nhiều việc cho con cái trong khi chúng cần thời gian để học riêng.
- ♦ Không nên tạo tinh thần cục bộ cho con cái, hoặc kỳ vọng, đòi hỏi quá để gây áp lực nặng nề cho con cái.
- ♦ Không nên giúp đỡ quá mức cần thiết những người mình bảo trợ, khiến họ làm tư tưởng đi tu là để được hưởng thụ giàu sang.
- ♦ Không nên ép họ phải đi tu hay tuyệt đối phải vâng lời đi đúng con đường mình vạch ra. Không nên buồn phiền thất vọng và coi thường những người mình bảo trợ nếu họ không tiếp tục con đường tu trì.
- ♦ Không nên lợi dụng lòng tốt và thiện chí của họ để biến họ thành những người giúp việc, sai khiến họ làm một số công việc cho lợi ích cá nhân mình.
- ♦ Không nên có những quan tâm thái quá, những thái độ, tiếp xúc quá thân mật, nhất là đối với các con gái; nhớ rằng mọi mối tương quan khác giới đều có tính cách phái tính.
- ♦ Không nên phân tích đời sống tu trì một cách phiến diện và cho các em biết những điều tiêu cực, những khoảng tối trong Giáo Hội kéo các em nản chí dần thân.
- ♦ Không nên làm gương xấu hay có những lời nói và hành động không có tính cách làm gương sáng. Tránh kiểu nói lưỡng nghĩa, gây hiểu lầm và ảnh hưởng không tốt sau này.
- ♦ Không nên coi việc giáo dục con cái bảo trợ là của Chủng viện hay của Nhà dòng, mà cha đỡ đầu phải có trách nhiệm và bổn phận cộng tác với các nhà đào tạo.

V.3. Đối với anh chị em linh tông

V.3a. Những điều nên làm

- ♦ Cầu nguyện chung cho nhau trong bước đường thánh hiến và chia sẻ nâng đỡ nhau với một tình cảm trong sáng. Chúc mừng và tặng quà nhau trong những dịp đặc biệt.
- ♦ Khi có việc của gia đình, mọi người nên có trách nhiệm chung. Tìm dịp để cộng tác, làm việc chung với nhau, nối kết với anh chị em của mình, nhưng tránh tinh thần cục bộ và phe cánh.
- ♦ Thăm gia đình nhau vào dịp đặc biệt, hay thỉnh thoảng tổ chức cùng nhau đi tham quan hay hành hương để tạo sự hiệp thông sâu xa giữa các thành viên.
- ♦ Nêu gương sáng bằng đời sống linh mục đích thực ngày càng trở nên giống Chúa Kitô để cùng nhau thăng tiến và phát triển Giáo Hội.
- ♦ Đoàn kết yêu thương nhau, cộng tác với nhau trong việc chu toàn sứ vụ. Học hỏi kiến thức và kinh nghiệm sống của các anh chị đi trước. Hướng dẫn, chia sẻ và đồng hành với các em đi sau. Góp ý xây dựng cho nhau mỗi khi có dịp thuận tiện, đặc biệt là qua cha cố.
- ♦ Đối với người lớn tuổi, người đi trước cần kính trọng, vì họ là những người có kinh nghiệm trong đời sống tu trì. Với những người lớp sau cần có thái độ tôn trọng và bảo ban như người anh người chị đi trước, như người hướng dẫn có kinh nghiệm và trách nhiệm.
- ♦ Sống khiêm nhường, cởi mở, cảm thông và giúp đỡ. Cần thăm viếng nhau khi đau yếu bệnh tật và khó khăn về mặt tinh thần cũng như vật chất.
- ♦ Chia sẻ cho nhau những khó khăn thường gặp trong việc mục vụ để động viên khích lệ nhau thực thi tốt sứ vụ Chúa và Giáo hội trao phó.

♦ Cầu nguyện, chia sẻ và trợ lực nhau trong bước đường ơn gọi. Coi nhau như những người anh chị em ruột.

V.3b. Những điều không nên làm

♦ Không nên để những tình cảm cá nhân, đặc biệt tình cảm khác giới làm ảnh hưởng đến ơn gọi của mỗi người.

♦ Không vì anh chị em linh tông mà bè cánh làm ảnh hưởng, gây chia rẽ, gây gương mù gương xấu trong giáo phận, giáo xứ và dòng tu.

♦ Không nên bàn tán quá đến đời tư và gia đình của nhau, hoặc ghen tị nói xấu nhau hay có thái độ coi thường và khích bác nhau.

♦ Không nên tặng quà vật chất quá thường xuyên với những món quà có giá trị lớn, hoặc tổ chức hội họp, tiệc tùng quá nhiều gây tốn kém và gương xấu cho người khác.

♦ Đối với chị em trẻ tuổi không nên suồng sã trong cách ăn nói cũng như cư xử. Không nên tiếp xúc riêng tư quá nhiều và chia sẻ những chuyện có hại cho ơn gọi.

♦ Không nên có tinh thần cục bộ, chỉ lo cho anh chị em của mình mà không có trách nhiệm chung.

Trong cuộc sống, mỗi người đều có kinh nghiệm về các mối tương quan. Chúa Giêsu, con người hoàn hảo, là mẫu mực trong các mối tương quan. Là hình ảnh sống động của Chúa Giêsu tại trần gian, linh mục hãy theo sát Ngài trên mọi nẻo đường, trong mọi hành động và lời nói. Như Chúa Giêsu luôn sống cho Chúa Cha, trong sự tuân phục Đức Mẹ và Thánh Giuse, linh mục được mời gọi tận hiến hoàn toàn cho Chúa và công việc của Ngài, nhưng không quên bổn phận với những người thân trong gia đình huyết tộc cũng như linh tông.

Thật vậy, tương quan hai chiều: hàng dọc với Thiên Chúa và hàng ngang với con người, đặc biệt với cha mẹ, anh chị em thân thuộc là một đòi hỏi của Tin Mừng (x. Mt 15,4-6). Dự phóng và ước mơ bao giờ cũng nhiều và đẹp. Chớ gì mỗi người theo đuổi cho đến cùng những ước mơ và dự phóng tương lai của mình. Xin Chúa tiếp tục cho đến hoàn thành tốt đẹp những gì Ngài đã khởi sự với chúng ta và cho chúng ta.

Tạ ơn và kính dâng Đức Mẹ Lavang

Micae-Phaolô Trần Minh Huy pss

[443] Mc 14,38.

[444] x. MP. Trần Minh Huy, *Đào tạo và Tự đào tạo thiêng liêng của các linh mục tương lai trong bối cảnh Việt Nam ngày nay*, tr.168-187.

[445] Optatam totius số 2.

[446] Mc 6,4.

MẮT CHẢY NƯỚC MẮT SỐNG

Kính gửi bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Xin bác sĩ vui lòng giải thích cho tôi là tại sao mắt bên trái của tôi nó cứ chảy nước hoài và cũng từ gần năm nay. Có ngày, nước mắt nhiều, nó chảy xuống mũi, rất khó chịu. Tôi vẫn khỏe mạnh, chỉ có máu mỡ hơi cao mà thôi.

Bà Sơn Thung- Florida

Thưa bà.

Chảy nhiều nước mắt có thể là một khó chịu không đáng kể, nhưng nhiều khi cũng là do một bệnh nghiêm trọng gây ra. Trước khi góp ý với câu hỏi của bà, xin tìm hiểu về nước mắt là gì, do đâu mà có và để làm gì.

Nước mắt tuôn ra từ tuyến lệ hình hạt hạnh nhân nằm phía trên con ngươi, dưới xương trán. Có khoảng hơn chục ống nhỏ li ti từ tuyến tỏa ra dẫn nước mắt phủ lên nhãn cầu. Sau đó nước mắt theo một đường chảy từ góc con mắt vào túi lệ, thông xuống mũi, xuống họng, đôi khi có nhiều thì dàn dụa trên mi, xuống má, xuống môi.

Nước mắt thành hình từ dung dịch chất lỏng của hệ tuần hoàn với 0.9% muối.

Có 3 loại nước mắt:

- Nước mắt căn bản thường xuyên tiết ra để bảo vệ và làm ướt nhãn cầu nhờ đó mắt chớp lên chớp xuống, nhìn ngang nhìn dọc dễ dàng. Không có nước mắt, nhãn cầu sẽ khô, mắt chớp khó khăn và rát.

Mỗi ngày có từ 150-300 cc nước mắt với các chất khác nhau như glucose, chất đạm, muối sodium, Kali, magnesium, chất diệt trùng lysozyme, lactoferrin.

- Nước mắt phản ứng khi có một vật lạ hoặc ánh sáng quá mạnh xâm nhập kích thích mắt. Chẳng hạn như khi thái củ hành tươi có hơi cay bay vào mắt hoặc mắt vướng bụi bặm. Dây thần kinh cảm giác ở nhãn cầu sẽ chuyển tín hiệu báo cho não biết có vật lạ vào mắt. Não bộ tác động lên tuyến nước mắt, nước mắt chảy ra để loại bỏ vật lạ.

- Nước mắt xúc động tiết ra trước một buồn rầu, đau đớn hoặc niềm vui... Nước mắt này có cấu tạo khác với các nước mắt kể trên vì có thêm các chất như prolactin, ACTH, chất chống đau thiên nhiên leucin enkephalin

Vì có muối, cho nên nước mắt hơi mặn và đã có nhận xét rằng cặp môi ướt nước mắt rất tốt khi hôn nhau. Vừa sạch miệng, vừa làm cho nụ hôn đậm đà, tình cảm, nhớ nhau hoài.

Mỗi lần mắt chớp là nước mắt được trải rộng trên mặt nhãn cầu. Mắt chớp có công dụng như những cái gạt nước trên mặt kính xe hơi, máy bay. Chớp mắt xảy ra mỗi đêm ba giây đồng hồ và là một động tác tự chủ. Tuy nhiên ta cũng có thể chớp mắt theo ý muốn tỏ vẻ e thẹn khi gặp chàng gặp nàng lần đầu, nhưng khó mà có thể ngưng chớp mắt lâu hơn một phút.

Thực ra nước mắt trải trên nhãn cầu có những ba lớp: lớp trên cùng có chất dầu tiết ra từ hạch nhờn ở mi mắt để ngăn lệ bốc hơi; lớp thứ nhì là nước từ tuyến nước mắt và lớp dưới cùng là dịch nhày mucus. Bất cứ bệnh nào ảnh hưởng tới cấu trúc của ba lớp này đều gây trở ngại cho sự nhìn.

Theo nhà sinh hóa học William H. Frey, Đại học Minnesota, nước mắt khi xúc động có nhiều chất đạm hơn nước mắt do vật chất hoặc hơi cay kích thích.

Nước mắt có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ mắt với vật lạ như vi khuẩn bụi bặm và cũng là chất bôi trơn để mắt có thể điều tiết khi nhìn. Không có nước mắt, nhãn cầu sẽ trở nên khô, nhiễm trùng đưa tới khiếm thị, mù lòa.

Bây giờ xin trở lại với chuyện chảy nước mắt quá nhiều của bà.

Chảy nước mắt sống là chuyện cũng thường xảy ra, và trong đa số các trường hợp, không gây ra rủi ro trầm trọng gì.

Nguyên nhân gây ra nhiều nước mắt có thể là: viêm nhiễm trùng mi mắt, nghẽn ống dẫn nước mắt từ tuyến sản xuất ra ngoài; viêm mắt; kích thích từ môi trường như hóa chất, bụi bặm, khói, gió quá nóng, ánh sáng gay gắt, bụi phấn hoa cỏ cây; trầy trụa giác mạc, dị ứng với mồi meo, lông thú vật, tuổi già hoặc lộn ngược mi mắt. Ngoài ra, khi ngáp, cười phá, dùng mắt quá lâu, nước mắt cũng hay tiết ra nhiều.

Một điểm có vẻ nghịch lý là nguyên nhân chảy nước mắt sống nhiều lại chính là vì mắt quá khô. Vì mắt khô khiến cho mắt cảm thấy khó chịu, kích thích tuyến tiết ra nhiều nước cho mắt bớt khô.

Ngoài ra, một số dược phẩm như Epinephrine hóa chất chữa ung thư, một vài loại thuốc nhỏ mắt như pilocarpine cũng có thể kích thích nước mắt ra nhiều.

Về triệu chứng, ngoài việc chảy nước mắt còn có một số triệu chứng khác như ngứa và rát ở mắt, đôi khi đỏ, thị lực giảm, mắt sưng, chảy nước mũi, ghèn quanh mắt.

Mặc dù chảy nước mắt không phải là trường hợp cấp cứu, nhưng nên đi bác sĩ để được khám bệnh nếu nước mắt nhiều mà giác mạc lại đỏ, mắt lại đau, có vật lạ trong mắt hoặc nước mắt nhiều kéo dài quá lâu. Nếu ống dẫn nước mắt xuống mũi bị nghẹt, bác sĩ có thể thông hoặc tạo ra một ống dẫn mới.

Về trường hợp của bà, tôi nghĩ là bà nên tới bác sĩ chuyên môn nhãn khoa Ophthalmologist để được khám bệnh vì bà bị cứng lâu rồi. Bác sĩ sẽ khám kỹ càng mắt để tìm ra nguyên nhân rồi làm một thử nghiệm gọi là Schirmer's test, để coi xem tuyến nước mắt có đều đặn tiết ra nước mắt. Đôi khi bác sĩ cũng nuôi cấy nước mắt để coi xem có bị nhiễm trùng mắt.

Khi đã tìm ra nguyên nhân thì việc điều trị dễ dàng hơn.

Khi tuyến nước mắt ít sản xuất nước mắt thì có thể dùng nước mắt nhân tạo để tránh mắt khô, vì mắt khô kích thích tuyến tạo ra nước mắt.

Nếu chảy nước mắt vì dị ứng thì dùng các thuốc nhỏ mắt chống dị ứng.

Nếu có ghèn thì có thể là ống dẫn nước mắt xuống mũi bị nghẽn, bác sĩ sẽ thông. Nếu nhiễm trùng, thì dùng thuốc kháng sinh uống hoặc nhỏ mắt.

Nhiều vị cao niên thường hay bị khô mắt và khô mắt lại kích thích nước mắt sản xuất. Trong trường hợp này, nên đi khám bác sĩ để tìm nguyên nhân và mang kính dâm để bảo vệ mắt với tia nắng cũng như bụi bặm.

Sau đây là vài phương thức để tránh bị chảy nước mắt sống.

- Bảo vệ mắt với tia nắng và bụi bặm bằng kính che mắt.
- Tránh xa các chất gây dị ứng cho mắt.
- Đừng lấy ngón tay dụi mắt khi mắt ngứa.
- Giới hạn tiếp xúc với người bị viêm nhiễm mắt.
- Rửa tay thường xuyên để tránh mang nhiễm trùng vô mắt.

Chúc bà luôn luôn khỏe mạnh.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

www.bsnguyenyduc.com

Tuyển tập Videos Sống Vui Sống Khỏe

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Vài hàng giới thiệu : Xin trân trọng giới thiệu tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" của BS Nguyễn Ý Đức. Tuyển tập này là những bài nói chuyện hữu ích về y

tế, dinh dưỡng và sức khỏe của BS Nguyễn Ý Đức trên các đài truyền hình được đưa lên Internet. Cùng với bộ sách "[Câu Chuyện Thầy Lang](#)" và những ấn phẩm đã được xuất bản, những bài viết trên Internet, tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" này sẽ cung cấp nhiều thông tin hữu ích, đóng góp vào việc cải thiện vấn đề sức khỏe cho cộng đồng người Việt Nam khắp nơi.

<http://www.youtube.com/user/DrNguyenYDuc/videos>

VỀ MỤC LỤC

TIẾP SỨC MÙA THI NĂM 2013 TẠI GIÁO XỨ XÂY DỰNG

Đây là năm thứ 8, cả Giáo xứ Xây dựng hưởng ứng việc tiếp sức các thí sinh đến Saigon tp HCM. Giáo xứ Xây dựng chỉ nhận "tiếp sức" cho thí sinh nghèo thật tại vùng sâu vùng xa nhất là thí sinh thuộc dân tộc thiểu số.

Thi đợt 1 : gồm 193 thí sinh (nam : 94 ; nữ : 99) . Dân tộc : gồm 7 dân tộc (Kinh : 157 ; Chăm 24 ; Êđê : 02 ; Hoa : 02 ; K.Ho : 03 ; Nùng : 22 ; Mạ ; 01) . Có 12 phụ huynh đi theo con .

Tôn giáo và không tôn giáo : Thiên Chúa : 53 ; Bàlamôn : 22 ; Phật giáo : 10 ; Bàni 01 ; Tin lành : 01 ; Không tôn giáo : 106 .

Từ các nơi đến : Quảng bình , Nghệ an, Thanh hóa , Quảng trị, Phú yên, Huế , Đà nẵng , Quảng Ngãi , Khánh hòa, Ninh thuận, Bình thuận , Lâm đồng . Daklak . Đakrông, Buôn mê thuật , Gia lai , Kontum , Bình phước Trà vinh , Kiên giang , Đồng tháp, Tây ninh , Vũng tàu, Long an, Bình dương, Đồng nai .

Thi đợt 2 : gồm 220 thí sinh và 13 Phụ huynh . Dân tộc gồm 9 dân tộc (Kinh : 174 ; Chăm : 31 ; Raglai : 01 ; Cili ; 91 ; Nùng : 04 ; Stiêng : 01 ; K.Ho : 03 ; Mạ : 04 ; Tày 01) .

Tôn giáo và không tôn giáo : Thiên Chúa : 86 ; Bàlamôn : 19 ; Bàni : 06 ; Tin lành : 04 ; Không tôn giáo : 89) .

Từ các nơi đến : Nam định , Thanh hóa , Hà tĩnh , Quảng bình , Daklak . Daknông , Bình định , Đà nẵng Quảng Ngãi , Ninh thuận , Khánh hòa, Bình thuận , Lâm đồng , Bảo lộc , Vũng tàu , Cần giờ , Bình phước , Tây ninh , Long an, Đồng tháp , Tiền giang , Kiên giang , Bình tây , Đồng nai .

Thí đợt 3 : gồm 145 thí sinh và 11 phụ huynh . Dân tộc gồm 9 dân tộc (Kinh 1 122 , Chăm : 07 ; Hoa : 03 ; Nùng : 01 ; Ma : 03 ; Cili : 02 ; Tày : 02 ; Raglai : 02 .

Tôn giáo và không tôn giáo : Nghệ an , Thanh hóa , Quảng trị , Phú yên , Huế , Đà nẵng , Quảng nam , Quảng Ngãi , Khánh hòa , Ninh thuận , Lâm đồng , Daklak , Daknông , Buôn mê thuật , Gia lai , Kontum , Bình phước , Trà vinh , Kiên giang , Đồng tháp , Tây ninh , Vũng tàu , Long an , Bình dương , Đồng nai .

Các thí sinh được tiếp đón như người con và như người khách quý . Bà con trong giáo xứ giúp thí sinh : nấu ăn, xe Honda đưa thí sinh đi và về phần lớn là những người " bố mẹ" trong gia đình đến cộng tác nên dễ dàng chấp nhận thí sinh như con của mình : sẵn sóc bữa ăn (nấu chín , ăn chín và ngon miệng , gồm bốn món ăn luôn thay đổi) .

Sẵn sóc sức khỏe (nhờ quý soeurs Dòng Mân côi tiếp xúc với nữ thí sinh phát hiện ngay em nào bị sốt mũi hoặc có thể sốt , ho . Có bác sỹ Thanh , thầy thuốc ưu tú, thầy thuốc nhân dân , thuộc bệnh viện Thánh Mẫu tới phát thuốc . Có Thạc sỹ Bác sỹ Minh Tâm, có y tá trực .

Đợt một xong, một nữ thí sinh thuộc dân tộc ít người ở vùng sâu Lâm đồng lên cơn sốt , thầy Ngô van Thịnh đưa bệnh nhân đến bệnh viện Thánh Mẫu cho chuyển serum , em khỏe lại nhưng tối hôm sau lên cơn , cha Oánh trở tài cứu một số huyết , mầy giờ em sau bị ói , thầy Thịnh phải đưa em đến bệnh viện Thống nhất khoảng 23 giờ " cấp cứu" đóng viện phí ba triệu . Em được chuyển 11 chai serum với viện phí 6 triệu . Thầy Thịnh phải gọi mẹ em ở xa tới sẵn sóc cho tiện . Bệnh viện Thống nhất đã sẵn

sóc em cách tuyệt vời . Bác sỹ Giám đốc bệnh viện nhìn vào thẻ bảo hiểm sức khỏe diện dân tộc ít người thay vì phải trả 6 triệu chỉ phải trả 300.000 đ . Bà cầm số tiền đóng trước đóng trước 3 triệu nhờ bảo hiểm bệnh viện trả lại cho bà 2.700.000 để về trả cho thầy Thịnh , thầy bàn với cha xứ cho bà 500,000 tiền xe . Nếu em này ở nhà , nhà em không có khả năng đưa em đi bệnh viện !

Điều chúng con phải quan tâm nhất là số thí sinh ghi “không tôn giáo” vì những đợt đầu tiên các em thường ghi ; đạo ông bà, đạo tổ tiên , rất ít em ghi ; không tôn giáo . Bây giờ , các em ghi rõ ràng không tôn giáo (tổ tiên, ông bà biến mất) . Như vậy , giáo dục của trường học về phương diện “không tôn giáo” đã thành công ??) mặc dầu trên tám ngàn lễ hội tin ngưỡng nơi các đình miếu nở rộ khắp nước .

Chúng con không có dịp tìm hiểu sâu công giáo sang “không tôn giáo” nhưng cũng xin ghi một việc mới xảy ra có thật trăm phần trăm : bốn thanh niên công giáo ở vùng Nha trang lên Lâm đồng làm thuê , nhưng không tìm được việc làm . Bốn anh này hết tiền , khoảng 10 giờ đêm vào nhà một xứ xin cha sở cho mỗi người mười ngàn để mua thức ăn . Cha sở la mắng không cho, có lẽ nhìn thấy thanh niên khỏe mạnh mà đi xin ! Bốn anh này đến chùa và được vị Sư cho . Từ đó , họ không đi nhà thờ nữa . Nhờ tiếp sức mùa thi , một trong bốn anh cộng tác , chắc là anh ta suy nghĩ lại , rõ ràng anh ta đã đi lại nhà thờ .

Ngày thi chót đợt ba (16-7-2013) vừa dọn nhà đi hưu vừa viết bài này .

Lm Fx Nguyễn hùng Oánh

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ võ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA